Nền tranh bìa 1:
- Bìa sách bản chép tay của Nguyễn Văn Nhạn (1956)
- Ảnh một số khuôn mặt người Việt ở Nam Kỳ đầu thế kỷ XIX do Émile Gsell (1838-1879), nhiếp ảnh gia người Pháp, ghi lại.

SẤM TRUYỀN CA

QUYỂN 1

TẠO ĐOAN KINH

(1670)

IMPRIMATUR

Qui Nhơn, ngày 20 tháng 10 năm 2020

✠ Matthêô Nguyễn Văn Khôi

Giám mục Giáo phận Qui Nhơn

TỦ SÁCH NƯỚC MẶN 1618
067 - VĂN CHƯƠNG

LỮ Y ĐOAN
Linh mục Địa phận Đàng Trong
(1613-1678)

SẤM TRUYỀN CA

QUYỂN 1

TẠO ĐOAN KINH

Ấn bản kỷ niệm 350 năm của tác phẩm

(1670-2020)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày nay, "hội nhập văn hóa" là một thuật ngữ tương đối mới, có nguồn gốc Công giáo và thường được sử dụng trong lãnh vực loan báo Tin Mừng của Giáo Hội. Thuật ngữ này diễn tả hoạt động của Giáo Hội nhằm làm cho Tin Mừng thấm nhập vào nền văn hóa của mỗi dân tộc, đến độ đức tin Kitô giáo trở thành một phần của nền văn hóa ấy. Trong Văn thư thiết lập Hội Đồng Giáo Hoàng về Văn Hóa, ngày 20.5.1982, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã viết: "Một đức tin không biến thành văn hóa là một đức tin không được đón nhận đầy đủ, không được suy tư trọn vẹn và không được sống cách trung thành".

Trước khi về trời, Đức Kitô đã ủy thác cho các Tông đồ nhiệm vụ loan báo Tin Mừng cho mọi dân tộc. Vì vậy, kể từ thời các Tông đồ, qua các thế hệ giảng viên Tin Mừng, toàn thể lịch sử truyền giáo của Giáo Hội cho thấy một cuộc tìm kiếm phương cách thích nghi Tin Mừng vào các nền văn hóa khác nhau. Việc đưa Tin Mừng hội nhập vào các nền văn hóa được thực hiện bằng cách tiếp cận, đón nhận, thanh lọc và hoàn thiện các hình thái văn hóa khác nhau theo tiêu chuẩn Tin Mừng, để rồi sử dụng chúng như những phương tiện hữu hiệu trong việc loan báo Tin Mừng.

Thực ra, việc hội nhập văn hóa trong công cuộc truyền giáo của Giáo Hội cũng chỉ là bắt chước cách thực

hành của Thiên Chúa qua mầu nhiệm Nhập Thể và qua mạc khải Thánh Kinh. Qua mầu nhiệm Nhập Thể, Ngôi Lời Thiên Chúa đã trở thành người phàm và nói với con người bằng ngôn ngữ của họ. Qua mạc khải Thánh Kinh, Lời Chúa cũng được nói với con người qua ngôn ngữ nhân loại theo sự chi phối của văn hóa, và chính Thánh Kinh cũng được coi như một tác phẩm về lịch sử văn hóa.

Khi vay mượn ngôn ngữ văn hóa để diễn tả và truyền đạt các chân lý đức tin, Thánh Kinh đã sử dụng ngôn ngữ, chữ viết, một số quan niệm và phong tục truyền thống của dân Israel. Sau đó, để cho Lời Chúa có thể được mọi người thuộc những nền văn hóa khác nhau đón nhận, Thánh Kinh lần lượt được dịch sang ngôn ngữ các dân tộc, hoặc được quảng diễn bằng những hình thức văn chương của mỗi nền văn hóa. Đó cũng chính là trường hợp của sách *Sấm Truyền Ca* vào những thời kỳ truyền giáo đầu tiên tại Việt Nam.

Khởi đầu sứ vụ truyền giáo tại Việt Nam, các thừa sai Dòng Tên đã nghĩ ngay đến việc hội nhập văn hóa bằng cách tạo ra chữ Quốc ngữ dựa theo cách phát âm của người Việt, để làm phương tiện rao giảng Tin Mừng. Chữ Quốc ngữ đã ra đời đầu tiên tại Nước Mặn, với sáng kiến của các thừa sai và sự cộng tác của các nho sĩ người Việt đã theo đạo. Trong khi chữ Quốc ngữ còn đang trong thời kỳ phôi thai, các thừa sai học và sử dụng chữ Nôm của người Việt để biên soạn những sách kinh và sách giáo lý cho các tín hữu sử dụng. Việc biên soạn này chắc chắn có sự đóng góp của các nho sĩ và giới trí thức người Việt, trong số đó có các thầy giảng.

Hơn nữa, vì tiếng nói của người Việt có nhiều âm sắc và người Việt rất chuộng các hình thức thi ca, nên các kinh đọc và ngay cả các bài giáo lý cũng được biên soạn có vần điệu, vừa dễ đọc, dễ học và dễ nhớ. Không chỉ

dừng lại ở đó, giới trí thức Công giáo còn nghĩ đến việc sáng tác những tác phẩm thi ca với nội dung tôn giáo để trình bày Thánh Kinh cho mọi người, nhất là cho giới trí thức. Chính trong bối cảnh ấy, tác phẩm *Sấm Truyền Ca* của linh mục Lữ Y Đoan (Louis Đoan) đã ra đời, không những như một tác phẩm mang tính tôn giáo, mà còn như một đóng góp rất sớm của người Công giáo Việt Nam vào nền văn học nước nhà.

Sấm Truyền Ca là một tác phẩm tuyệt vời của một linh mục Việt Nam thuộc Địa phận Đàng Trong, tiền thân của Giáo phận Qui Nhơn ngày nay. Trong khi biên soạn lịch sử Giáo phận, chúng tôi biết được linh mục Lữ Y Đoan đã viết tác phẩm *Sấm Truyền Ca*, nhưng chưa hề đọc được nội dung. Nay chúng tôi may mắn có được một phần của tác phẩm này, đó là quyển 1 với tựa đề *Tạo Đoan Kinh*. Nhận thấy đây là một tác phẩm cổ kính, chẳng những có giá trị tôn giáo mà còn có giá trị văn chương, và nhân kỷ niệm 350 năm tác phẩm ra đời (1670-2020), Tủ sách Nước Mặn có nhã ý xuất bản để chia sẻ với mọi người, trong khi chờ đợi những phát hiện mới về những quyển còn lại của tác phẩm này.

Tôi xin trân trọng giới thiệu tác phẩm này cho quí độc giả xa gần, rất mong tác phẩm được quí độc giả nhiệt tình đón nhận và giới thiệu cho những người quen biết, để ngày càng có thêm nhiều người quí trọng những đóng góp của tiền nhân.

Qui Nhơn, ngày 20 tháng 10 năm 2020

+Matthêô Nguyễn Văn Khôi
Giám mục Giáo phận Qui Nhơn

LỜI NÓI ĐẦU CỦA TỦ SÁCH NƯỚC MẶN

Năm nay là tròn 350 năm tác phẩm *Sấm Truyền Ca* được cha Lữ Y Đoan biên soạn (1670-2020) khi còn là Thầy giảng. Tủ sách Nước Mặn của Giáo phận Qui Nhơn chào mừng kỷ niệm này với hai cố gắng:

- Giới thiệu rộng rãi trên mạng Internet tệp tin PDF ấn bản *Sấm Truyền Ca, quyển 1: Tạo Đoan Kinh*, do Tập San Y Sĩ ấn hành, được thực hiện tại Montreal, Canada, năm 2000. Bản PDF nhằm giúp mọi người tiếp cận nguyên trạng bản in lần đầu của tác phẩm, và để thuận tiện cho những người cần nghiên cứu.

- Chế bản lại quyển *Sấm Truyền Ca* với một vài cập nhật cần thiết để độc giả ngày nay, cả các bạn trẻ, có thể hiểu ngay và thưởng thức được cái hay của tập truyện thơ này cách dễ dàng.

Đôi dòng về tác giả và tác phẩm

Lữ Y Đoan sinh tại Kẻ Chàm (Quảng Nam) năm 1613, là một người có tương quan rộng và tinh thông kinh sách. Trong thời gian làm Thầy giảng lo việc dạy giáo lý, ông đã soạn năm quyển đầu của Cựu ước thành truyện thơ lục bát với tựa đề *Sấm Truyền Ca,* hoàn thành năm 1670. Ông được thụ phong linh mục do Đức Cha Lambert de La Motte tại Quảng Ngãi năm 1676 và qua đời hai năm sau đó, 1678. Cha Lữ Y Đoan được các thừa sai đương

thời đáng giá là "người thông thái nhất trong các linh mục của chúng ta nơi miền đất này, và có thể nói khắp miền Đàng Trong"[a]

Thách đố của hội nhập văn hóa

Sấm Truyền Ca đã Việt hóa các tên người và tên đất trong Kinh thánh (mượn âm ngụ ý),và đã trình bày nội dung các sách Ngũ Thư với phong cách hết sức Việt Nam. Giáo dân rất thích nhưng có lẽ các giáo sĩ phương Tây ngại rằng nó không sát bản văn Kinh thánh nên không ủng hộ, tác phẩm chỉ được chép tay chứ không được in ra. Nguyên bản chữ Nôm hiện chưa tìm thấy.

Bộ sách đã trôi dạt về phía Nam và năm 1820 được phiên âm sang chữ quốc ngữ do ông Phan Văn Cận, tại Cái Mơn, Bến Tre. Với tình trạng chép tay, phải cất giấu giữa thời kỳ bắt đạo, bộ sách tưởng chừng đã mai một.

Nhờ ơn Chúa Quan Phòng, năm 1870, có người đào được tại Cái Nhum (Chợ Lách, Vĩnh Long) một hầm vô chủ, có nhiều sách vở về đạo thánh, trong đó có bộ *Sấm Truyền Ca,* giấy đã mục nhiều. Lúc đó có ông Nguyễn Văn Thế đã chịu khó chép lại và truyền ra cho nhiều người biết.

Năm 1885 cha Phao-lồ Qui muốn giúp độc giả tiện đối chiếu với bản văn Kinh thánh nên đã ghi số thứ tự vào các câu trong mỗi chương tương ứng với các câu của Kinh thánh. Ngài cũng chuyển một số tên người và tên đất cho sát bản Latinh để tiện dụng cho độc giả.

Có hai bản sao đã tồn tại tới giữa thế kỷ XX:

Một bản do nhà báo Paulus Tạo (báo Nam Kỳ Địa Phận) thực hiện. Trong sưu tập của Phêrô Trần Hớn Xuyên, có bộ *Sấm Truyền Ca,* trực tiếp chép theo bản của Simong Phan Văn Cận, hoàn tất ngày l7 tháng 5 năm 1910 và một số tài liệu về *Sấm Truyền Ca*, do linh mục Phao-lồ Qui sưu tầm và sửa chữa, từ năm 1885. Ông

---

[a] Adrien Launay, Histoire de la mission de Cochinchine, t. I, tr. 274

Paulus Tạo ghi năm tháng ông thực hiện việc biên khảo trên một trang nay đã rách, nên không rõ là năm nào.[a] Khi nhà in Tân Định được thành lập, đã có đề nghị in bộ sách nhưng các cố Tây không chịu.

Bản thứ hai ở báo Tông Đồ. Năm 1947 nhà báo Nguyễn Cang Thường mang về tòa soạn báo Tông Đồ một số văn liệu, trong đó có *Sấm Truyền Ca*. Năm 1952, tòa soạn báo Tông Đồ bị bão làm sập đổ, văn liệu hư hại hơn phân nửa. Tác phẩm *Sấm Truyền Ca* hư hỏng hoàn toàn ba quyển sau, vì bị nước ngập và mối xông phá, chỉ còn hai quyển đầu là *Genesia (Tạo Đoan Kinh)* và *Exodus (Lập Quốc Kinh)*. Quyển Lập Quốc Kinh bị mối tàn phá phân nửa, chỉ còn 21 chương. Năm 1956 nhà báo Thaddaeus Nguyễn Văn Nhạn chép những phần còn lại của tập *Sấm Truyền Ca* và chép xong ngày 20 tháng 12 năm 1956. Trong bản chép tay của ông Nhạn, tên đất và tên người chép theo bản của ông Phan Văn Cận và ghi chú theo bản sửa chữa của linh mục Phao-lồ Qui.[b]

Bản in lần đầu năm 2000

Học giả Hoàng Xuân Việt (1930-2014) đã dày công sưu tầm và bảo tồn những tư liệu ấy. Năm 1993, ông đã cùng Giáo sư Nguyễn Văn Trung và một số trí thức Công giáo đã thực hiện quyển sách *"Về các tác giả Công giáo thế kỷ XVII-XIX"*, do Khoa Ngữ Văn, Đại học Tổng hợp Tp HCM ấn hành. Quyển sách đã giới thiệu tác phẩm *Sấm Truyền Ca* đến công chúng.

Giáo sư Trung và các cộng sự viên đã có công nghiên cứu đối chiếu, thực hiện bản văn hiệu đính mang tính khoa học và năm 2000 Tập San Y Sỹ ở Montreal đã xuất bản tập 1: *Tạo Đoan Kinh*.

Dù quyển sách được in ở Canada mới cách đây 20

---

[a] Lời nhà xuất bản, Sđd, trang VII.

[b] Nguyễn Văn Nhạn, Lời nói đầu, Sđd, 165-168.

năm, hiện nay ở Việt Nam rất khó tìm. Cuối cùng, chúng tôi may mắn tìm được một bản photocopy ở Thư viện Học viện Đa Minh, Gò Vấp và một quyển sách gốc ở Thư viện Mân Côi Bùi Chu.

Những cập nhật của ấn bản 2020

Ấn bản Canada 2000 đã đánh số câu tương ứng với Kinh thánh theo cha Phao-lồ Qui. Để tiện cho việc tra cứu và trích dẫn, chúng tôi ghi thêm số thứ tự các câu thơ từ 1 đến 3606.

Ngoài ra, có một lỗi kỹ thuật trong phiên bản Canada 2000 cũng được điều chỉnh: Năm 1885, cha Phao-lồ Qui sửa lại chừng 30 tên riêng quan trọng cho gần với cách viết Latinh. Trong ấn bản Canada 2000, chủ yếu lấy theo bản chép tay của Paulus Tạo, có mấy tên riêng thiếu sự thống nhất từ đầu tới cuối tác phẩm: A-đam/A-dong, Áp-ram/Ấp-lâm, Ra-ham/Bá-lâm, Lót/Lộc/Lộc công, Trà-liên/Trà-lê và Sĩ-mông/Sử mông. Để độc giả khỏi lúng túng, chúng tôi chọn viết thống nhất: Ap-ram, Ra-ham, Lộc/Lộc-công, Trà-liên và Sĩ-mông. Còn A-dong và A-đam, cả hai từ đều thông dụng và do âm vận lục bát, chúng tôi để nguyên.

- Có một số từ ngữ được ông Phan Văn Cận phiên âm lối phát âm đậm sắc Đàng Trong cách nay đúng 200 năm, chúng tôi cập nhật theo cách phát âm chung hiện nay. Những từ chỉnh sửa được in nghiêng, gồm 26 từ, có bản liệt kê ở cuối sách.

- Một số từ bị sai chính tả theo lối phát âm đậm sắc Đàng Ngoài (có lẽ do người đánh máy ấn bản 2000) cũng được chỉnh lại theo cách phát âm chung hiện nay. Những từ chỉnh sửa này cũng được in nghiêng, gồm 9 từ, có liệt kê ở cuối sách, có kèm dấu *).

- Phần chú thích trong tập sách này là của Paulus Tạo, một vài chỗ do Tủ sách Nước Mặn mới chú thích, có

ghi rõ. Những từ *An-nam* trong cước chú của Paulus Tạo tùy chỗ được cập nhật thành *Việt Nam* hay *người Việt*.

- Ấn bản Canada 2000 in mục lục với tiểu đề 50 đoạn sách nhưng trong sách chỉ có số thứ tự mỗi đoạn, không có tiểu đề. Chúng tôi đưa các tiểu đề vào lại sau số thứ tự các đoạn.

Ghi chú về nội dung

Với những độc giả mới tiếp cận với Kinh thánh, chúng tôi xin lưu ý thêm: Tác phẩm *Sấm Truyền Ca* được viết theo 5 quyển đầu trong bộ Kinh thánh, phần *Tạo Đoan Kinh* gồm 50 chương, viết theo quyển thứ nhất, gọi là sách *Sáng Thế*. Những tài liệu đã có từ thời Xuất hành (thế kỷ XIII trước Công nguyên) được gom góp và san định thành sách vào thời cực thịnh của dân Israel (thế kỷ X trước Công nguyên). Mười một chương đầu của sách *Sáng Thế* là câu trả lời của đức tin về Thiên Chúa Tạo Hóa, về nguồn gốc vũ trụ và loài người, về nguồn gốc của sự dữ. Kinh thánh cho biết tội lỗi của con người gây nên đau khổ và sự chết về mặt tâm linh, tuy nhiên, Thiên Chúa không bỏ mặc nhưng đã hứa cho Con Ngài ra đời cứu chuộc. Rồi Ngài đã khởi sự chuẩn bị cụ thể cho việc cứu chuộc với câu chuyện lịch sử từ các chương 12-50 của *Tạo Đoan Kinh.* Lịch sử này bắt đầu từ thế kỷ XIX trước Công nguyên ở vùng Trung Đông, cùng thời với những đời vua Hùng thuở đầu ở nước ta, do đó có một số tập tục khá xa lạ với ta. Dù vậy, với hồn thơ lục bát của linh mục Lữ Y Đoan và với tiếng Việt trong sáng của thế kỷ XVII, *Tạo Đoan Kinh* đã mặc cho sách *Sáng Thế Ký* một câu chuyện đầy màu sắc Việt Nam.

Lời mời gọi góp tay tìm kiếm và gìn giữ

Kỷ niệm 350 năm tác phẩm *Sấm Truyền Ca,* chúng tôi thực hiện ấn bản này trong tâm tình tạ ơn Thiên Chúa, tưởng niệm linh mục tác giả Lữ Y Đoan, cùng các bậc tiền

nhân đã có công bảo tồn di sản quý giá của ngài.

Một phần nhỏ khác của *Sấm Truyền Ca* đã được cứu vãn là 21 chương đầu của *Lập Quốc Kinh,* truyện thơ diễn lại quyển thứ hai của Ngũ thư Cựu ước là sách *Xuất Hành.* Chúng tôi đang liên lạc với Giáo sư Nguyễn Văn Trung, mong biết tin về phần này hầu xin phép ấn hành để khỏi bị thất truyền.

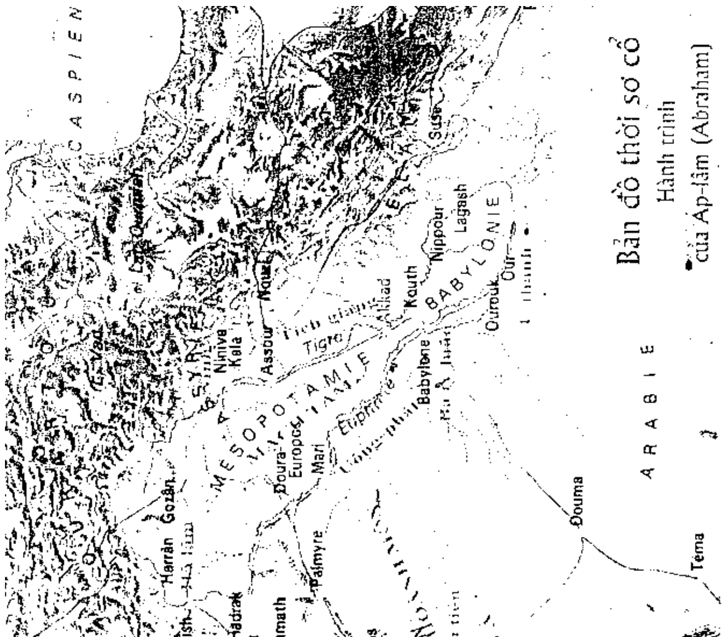
Câu chuyện sống sót ly kỳ sau mấy thế kỷ của tập *Tạo Đoan Kinh* và 21 chương *Lập Quốc Kinh* mở ra cho chúng ta một chân trời hy vọng và một trách nhiệm. Hy vọng rằng có những bản sao các tác phẩm tưởng chừng đã mai một, vẫn còn sống sót ẩn khuất đây kia, có thể là ngay nơi những tư liệu cũ trong các gia đình chúng ta… Chúng tôi ước mong mọi người cùng quan tâm tìm kiếm để đưa ra ánh sáng những đóng góp quý giá của tiền nhân.

Cụ thể, nếu tìm thấy những bản chép tay, những bản in cổ, bằng quốc ngữ hoặc Hán Nôm mà trong nhà chưa đánh giá được,… xin quý vị và anh chị em vui lòng dùng điện thoại sao chụp lại (ít là một số trang đầu và một số trang cuối) gửi về Tòa Giám mục Qui Nhơn hoặc email <tusachnuocman@gmail.com>. Ban quản trị Tủ sách Nước Mặn sẽ nhờ người đọc để báo lại cho anh chị em biết nội dung của tư liệu. Nếu đó là những tư liệu liên quan đến đời sống và lịch sử Dân Chúa, chúng tôi sẽ trao đổi với quý vị và anh chị em để cùng tìm cách bảo tồn.

Cúi xin Thiên Chúa Quan Phòng ban phúc lành và dẫn dắt chúng ta trên lộ trình tìm kiếm…

Qui Nhơn, ngày 07.10.2020

Lm. Trăng Thập Tự



Bản đồ thời sơ cổ
Hành trình
của Áp-lâm (Abraham)

MỤC LỤC

LỮ Y ĐOAN
Linh mục Địa phận Đàng Trong

Sấm Truyền Ca

Quyển 1

GENESIA

Tạo đoan kinh

Khai sáng càn khôn,

Tạo đoan phu phụ,

Âm dương hỗ trợ,

Sinh hóa trường tồn.

1670

VÀO ĐỀ

Ngày ngày trước mắt chúng sinh,
Chữ đời chữ đạo phân minh đôi đường[a]
xưa nay trong kiếp vô thường,
Thấy điều vân cẩu mà thương nhân phàm.
Loài người từ thủa A-đam[b],
Đua nhau xây dựng mộng ham làm trời.
Một pho Kinh thánh ra đời,
Chứng minh vạn đại những lời[c] do Thiên.

---

[a] Chúa Cứu thế đã phán: "Của Thiên Chúa trả cho Thiên Chúa, của Xê-da trả cho Xê-da. Ngày xưa có câu hát: Nói đạo là việc của Trời, Nói đời là việc của người làm ra. Vậy đời và đạo có mặt với nhau trong cuộc sống, nhưng vẫn riêng biệt nhau.

[b] Loài người từ con người thứ nhất xuất hiện trên mặt đất.

*A-đam: Theo lời linh mục Giuse Trần Hiếu Lễ thì chữ A-đam do linh mục Phao-lồ Qui đổi ra thay chữ cũ (bản xưa) là A-dang. A-dang gốc chữ Nôm viết là A-dương (có nghĩa: nhập vào cõi dương, tức là cõi có hình) do đó đọc trại ra A-dong hay A-dang.

"Đánh số từng câu là công khó của linh mục Phao-lồ Qui, năm 1885, để tìm hiểu việc soạn ra *Sấm Truyền Ca* của Thầy cả Lữ Y Đoan xưa, là mô phỏng hay là dựa sát theo Kinh thánh.

Linh mục Qui có mấy nhận xét

a) Thầy cả Lữ Y Đoan dựa theo Kinh thánh khá chặt chẽ, trừ những câu về tên riêng của dòng dõi các tổ phụ thì viết đại khái theo điểm chính.

b) Những câu không phù hợp dân tộc tính An nam thì trình bày theo sự kiện thần thoại mà người Á đông quen dùng, chẳng hạn như ông Lót và hai con gái của mình ...

c) Về tên riêng, không rõ chữ Nôm xưa viết thế nào, chỉ theo bổn của Phan Văn Cận (1820) và tôi đã chữa lại theo lối phiên âm của các linh mục Pháp quen dùng tại Sàigon hiện nay (1885).

[c] Những lời thiên lý tức là Đạo của Trời.

TẠO ĐOAN KINH
Genesia

Đoạn I
KHAI SÁNG CÀN KHÔN
TÁC THÀNH VŨ TRỤ

1 Hằng sinh Thượng đế[a] đại quyền[b],
Tự không[c] sáng tạo phán truyền hoằng khai;
Càn khôn bỗng chúc phôi thai
2 Hư hư hàn vũ[d], dày dày u minh.
Thánh thần sinh hóa vận trình,
3 Đột nhiên quang ánh lộ hình khắp nơi.
4 Ban khen trong sáng tuyệt vời
Liền phân lưỡng vực[e] muôn đời đối nhau:

---

[a] Thượng đế: Ngày xưa dùng chữ *này* chỉ về Thiên Chúa, Đức Chúa Trời hằng có đời đời.
[b] Đại quyền: Phép tắc vô cùng quyền oai khôn sánh.
[c] Tự không: Bởi không dựng nên mọi sự cho có.
[d] Hàn vũ: Mưa lạnh, diễn tả trạng thái sơ khai vũ trụ còn hỗn độn, vì lạnh lẽo u minh dày đặc, nửa thực nửa hư.
[e] Lưỡng vực: Hai lãnh vực khác biệt nhau.

5 Gọi ngày, dương khí làu làu[a],
Gọi đêm, âm khí phủ bao mịt mờ,
Hoàng hôn chuyển tiếp minh sơ[b],
Chu kỳ[c] thứ nhất, thiên cơ ứng hành.
6 Không gian phát động mở màn,
7 Thủy hành nhị khí[d] đành rành dưới trên.
8 Trên thì danh gọi cao thiên
Chiều đi mai đến tiếp liên chu kỳ

---

a Theo bản sưu tầm *Sấm Truyền Ca* của Linh mục Giuse Trần Hiếu Lễ, cha sở họ đạo Cái Mây (Mỹ Tho) năm 1920, từ câu 5-8 như sau:

5 Dương cơ, ngày rạng khai mào
Âm cơ còn lại đặt vào phần đêm
Hai cơ trao đổi triền miên
Chiều, mai bổ túc đầu tiên chu kỳ.
6 Thủy phân thượng hạ đồng nghi,
7 Hạo khung tạo lập biên thùy phân minh,
Không gian hảo hiệp thời trình,
8 Hóa công thấy ứng gọi danh là trời,
Chuyển vần tự lực nơi nơi,
Chiều mai sung mãn thứ hai chu kỳ.

b Minh sơ: sự sáng sơ khởi, tức là rạng đông, buổi mai.

c Chu kỳ: do câu "Thiên địa tuần hoàn, châu nhi phục chi", chỉ một thời gian dài khởi điểm đến cao điểm, rồi từ cao điểm trở về khởi điểm. Khởi điểm bắt đầu từ âm cực, tức vô hình, đến dương cực, tức hữu hình; Thầy cả Lữ Y Đoan dùng chữ chu kỳ để cho rõ nghĩa chữ *có buổi chiều* (từ *âm xuất*) và *buổi mai* (đến *dương hiện*) là một ngày (là một chu kỳ) (vespere et mane) đã dùng trong Kinh thánh.

d Nhị khí: Thanh khí và trọc khí. Thanh khí nhẹ thì bay lên cao như sương, như mây; trọc khí nặng thì đọng lại dưới thấp như nước, như bùn sình.

9 Thổ phân, thủy lập biên thùy[a]
10 Thổ là đại lục, thủy thì đại dương
11 *Lệnh* ban hành mộc[b] tự cường,
12 Ngàn hoa vạn thảo ứng tường phát sinh
13 Tạo trình[c] đạt mức tốt lành,
Chu kỳ chiều sáng giai tầng thứ ba.
14 Hành tinh đặt khắp bao la,
Kết thành vũ trụ dung hòa thời gian.
Tự căn hành hỏa 15 chuyển vần
15 Trên trời dưới đất đầy tràn nhiệt quang
16 *Nhật* qua nguyệt lại 17 chu toàn
18 Ngày đêm hướng dẫn tháng năm đều đồng
19 Tinh vi thỏa mãn hoài mong,
Chu kỳ thứ bốn, chiều hôm lại ngày.
20 Dựng lên đủ loại chim bay,
21 Kình, nghê, sủ, vượt, các loài thủy sinh.[d]
Đẹp thay, vạn trạng, thiên hình
22 Truyền cho sinh sản nghìn nghìn tăng gia.
23 Chu kỳ chiều đến sáng ra
Hoàn thành nhi tiến kể là thứ năm.

*

---

[a] Phân cương giới giữa đất và nước. Ngày xưa có câu hát: *Lưỡng hành thủy thổ qua phân. Thủy lai thổ yểm, đất tràn nước dâng* ... nói lên trật tự ngăn nắp ở đời, không ai xâm phạm ai.

[b] Hành mộc: một hành trong ngũ hành, chỉ về tất cả cây cỏ thảo mộc rong rêu.

[c] Tạo trình: chương trình hay lịch trình sáng tạo.

[d] Thủy sinh: Các loài sống trong nước, thủy tộc.

24 Mọi loài thú vật hiện thân,
Trùng trùng điệp điệp sơn lâm đồng bằng.
25 Thú to, thú nhỏ[a] lan tràn,
Sắc thanh phong phú, tài năng dồi dào.
26 Đất trời vạn vật đủ màu,
Phải làm một loại tài cao điều hành[b].
Chiếu theo siêu ảnh[c] tác thành,
Tinh hoa đúc kết hóa sanh con người.
27 Một nam, một nữ chào đời,
28 Truyền sinh miêu duệ, đầy nơi địa cầu
29 Chủ nhân vạn vật *quyền* trao
30 Thú, cầm, ngư, thảo, gồm thâu xử dùng
31 Buổi chiều buổi sáng cuối cùng,
Chu kỳ thứ sáu cáo chung chương trình.

---

[a] Thú to thú nhỏ: các loài động vật, các giống côn trùng khắp cả mặt đất.
[b] Thiên Chúa muốn dựng nên một loài cao đẳng để quản trị tất cả sinh vật nơi cõi hữu hình.
[c] Siêu ảnh: Hình ảnh cao siêu, tức hình ảnh Thiên Chúa.

Đoạn II

PHÁT ĐOAN PHU PHỤ LẬP CẢNH Ê-ĐEN

1 Cơ trời[a] sinh hóa hóa sinh,
Ngũ hành thiên địa tiến trình yên xuôi.
2 Chu kỳ thứ bảy nghỉ ngơi
3 Hoạch đồ sáng tạo đất trời đã xong.[b]
Chúc lành tất cả kỳ công
Cùng là thánh hóa ngoài trong trọn lành.
4 Kể ra đại cuộc tạo thành[c],
Một tay Thượng đế[d] quyền năng kiện toàn.
5 Trước đây thời tiết chưa phân,

---

[a] Cơ trời: Guồng máy tạo hóa tuần tự nhi tiến.

[b] Theo bổn cũ câu 3 đoạn II viết
Hoạch đồ sáng tạo đất trời đã xong
Khôn ngoan nắm vững đại đồng
Tam thiên vũ trụ vô cùng hóa sanh.
Linh mục Phao-lồ Qui (1885) đã sửa lại cho sát nghĩa Kinh thánh, để tránh chữ "đại đồng, tam thiên vũ trụ" là danh từ Nho giáo và Phật giáo mà các linh mục Pháp thời xưa hay đem ra bắt bẻ *Sấm Truyền Ca* của thầy cả Lữ-y Đoan.

[c] Đại cuộc tạo thành: Công việc vĩ đại là tạo thiên lập địa và bảo tồn bền vững.

[d] Theo người xưa tin tưởng vào Đấng tối cao, thời đó quen gọi là Thượng đế (hạng văn nho) và ông Trời hay là Trời (hạng bình dân).

Giọt mưa chưa có đồng bằng chưa ai
6 Nước *dâng* tưới thấm đất đai,
7 Tay trời nhồi đất nắn ngay xác người
Thông cho sức sống tuyệt vời[a]
Nên một con người trí tuệ cao xa.

*

8 Một vùng địa thế nguy nga,
Bốn mùa khí hậu ôn hòa phía đông.
Đặt người làm chủ nhân ông,
9 Kỳ hoa dị thảo hương lồng tinh sương,
Diềm dà đại *thụ* giữa vườn
Trường sinh[b] là một song-tường[c] là hai
10 Xuyên qua dòng nước tràn đầy
Chia ra bốn nhánh bao vây khu vườn[d].
11 Phi-sơn[e] tư nhuận Hào-lương[f],
Nơi nhiều mã não, nhũ hương, vàng ròng.
12 Di-khang[g] tư nhuận Cự-sơn[h],
13 Tích-giang[i] uốn khúc quanh vùng Án-xuyên[a],

---

[a] Sức sống tuyệt vời: Thiên Chúa ban cho một linh hồn vạn năng trổi xa vạn vật tất cả.

[b] Trường sanh: cây có trái ăn sống mãi, trường thọ bất tử, cũng gọi là cây hằng sống.

[c] Song tường: cây biết lành biết dữ, biết hai mặt phải trái, hư thực, thị phi, có nghĩa bóng là cây khôn sáng, tự do.

[d] Bổn cũ viết:

Trong trong nước ngọt hoằng khai
Bốn dòng hội tụ bao vây khu vườn.

[e] Phi-sơn: sông Phison.

[f] Hào-lương: vùng đất Hévilath.

[g] Di-khang: sông Géhon.

[h] Cự-sơn: vùng đất Cousch.

[i] Tích-giang: sông Tigris.

14 Dòng sông Ơ-phách[b] triền miên,
Ê-đen[c] tư nhuận khắp miền phì nhiêu.
15 Người vừa canh tác đủ điều,
Vừa là bảo quản, tạo nhiều mỹ quan.
16 Các loài cây trái được ăn,
17 Song-tường quả ấy[d], *lệnh* ngăn chớ dùng.
Ngày nào người dám bất trung,
Dĩ nhiên cái chết chẳng dung mạng người.

*

18 Độc thân kiếp sống thiệt thòi[e],
Phải cho người bạn xây đời thêm tươi.
19 Thú cầm Trời dạy tới lui,
A-dong[f] quan sát để rồi cho tên[g].
20 Gẫm trong sinh vật đã quen,
Không loài nào đáng hàn huyên tâm đồng.

---

a Án-xuyên: vùng đất Assyrios.

b Ơ-phách: sông Euphrate (bản cũ: Uông-phát).

c Ê-đen: vườn địa đàng vui vẻ.

Theo bổn xưa viết là Yên-đan.

Câu 14 bổn cũ viết:

Trường giang Uông-phát triền miên,
Yên-đan tư nhuận khắp miền phì nhiêu.

Linh mục Phao-lồ Qui [1885) đã sửa lại là Ơ-phách theo âm La-ngữ Euphrate và Ê-đên theo chữ Eden.

d Thiên Chúa cấm ăn trái cây biết lành dữ (cây song tường).

e Đời sống cô độc không hợp với đức hiếu sinh của Đấng Tạo-hóa; vì ngay từ thuở dựng nên vạn vật thì Thượng đế đã chủ trương "...tất cả sinh vật phải gia tăng đầy tràn mặt đất..."

f A-dong: Adamus, người đầu tiên được dựng nên bởi đất. A-dong theo bản cũ là A-dương (nhập thể vào cõi dương, cõi hữu hình) về sau đọc trại ra A-dong, hoặc A-dang. Linh mục Phao-lồ Qui sửa lại là A-đam.

g Cho tên: đặt tên cho mỗi thú vật.

[21] Ngày kia người ngã giấc nồng
Tay trời rút lấy xương sườn A-dong,
[22] Tạo nên một gái má hồng,
A-dong thức giấc thấy lòng nôn nao:
[23] Thịt xương này chẳng bởi đâu,
Nhưng được nặn nhào bởi thịt xương tôi.
Thì đây diễn biến luật trời
Âm từ dương xuất[a] nữ thời do nam,
[21] Nên đàn ông bỏ song thân
Kết duyên với vợ đồng sàng, đồng quan[b]
[23] Bấy giờ đời sống khỏa thân[c],
Đôi uyên ương ấy thanh nhàn vô tư.

[a] Do câu nói xưa: "...Dương thịnh âm khai,
Lưỡng nghi tương hợp,
Càn khôn chi xuất,
Vạn vật đồng lai..."

[b] Do câu nói: sống đồng tịch đồng sàng, chết đồng quan đồng quách.

[c] Khỏa thân: không mặc quần áo, sống cách tự nhiên đối với thời tiết ấm lạnh.

Đoạn III
TỘI NHẬP THẾ GIAN GÂY NÊN CƠ CỰC

[1] Cũng như các vật sinh cư,
Có loài rắn quái[a] giao du mạn đàm.
[2] Hỏi: sao các trái cấm ăn ?
Đáp: ăn được hết, [3]chỉ ngăn song-tường[b].
Nếu ăn mang họa tử vong.
[4] Rằng: không phải vậy! [5] Trời phòng ai ăn
Sẽ nên minh triết như thần,
Rõ điều thiện ác, sánh bằng trời cao[c].

*

[6] Nghe qua, thấy trái tươi màu,
Nữ nhân bèn hái, ăn vào khá ngon.
Lại đem mời gã đàn ông[d],

---

[a] Rắn quái: Ma quỉ lấy hình con rắn để cám dỗ người nữ .
[b] Chỉ cấm ăn trái cây biết lành biết dữ (cây song tường).
[c] Ma quỉ phỉnh gạt: ăn trái cây song tường thì sẽ bằng Thiên Chúa.
[d] Cảnh ăn trái cấm do đàn bà quyến rũ, Người Việt xưa có câu mỉa mai:
" *... Mới nghe ai cũng tưởng chàng;*
Hỏi ra thì rõ tại nàng rủ rê"

7 Đột nhiên tự thẹn trần truồng cả hai.
Vội vàng che đỡ lá cây,
8 Xa nghe Thượng đế chiều nay viếng vườn
Chui vào bụi rậm ẩn nương.
9 Bỗng nghe tiếng gọi: A-dong đâu rồi ?
10 Lạy Trời hổ thẹn hai tôi,
Tấm thân tồi tệ hết lời phân bua.
11 Nói ra thì cũng bằng thừa,
Không ăn trái cấm, ai đưa cảnh này?
12 Tại người mà Chúa trao đây!
13 "Sao nàng làm vậy ?" - "Rắn bày cho tôi."
14 "Rắn kia, ăn đất suốt đời[a],
Phải bò trệt bụng, chịu lời đắng cay.
15 Mối thù thâm nhục từ đây,
Giữa mi người nữ kéo dài bất di.
Chính nàng đạp nát đầu mi
Còn mi giẫy giụa, miệng thì cạp *chân*".
16 "Nàng kia, đau đớn càng hơn,
Mỗi khi thai sản, phục luôn quyền chồng[b]".
17 Sau thì tuyên án A-dong:
"Bởi nghe lời vợ, bất trung *lệnh* trời.
18 Đất sinh gai góc khắp nơi,
Cơ hàn *bệnh* lão suốt đời cực thân.
19 Đổ mồ hôi mới có ăn[a],

---

[a] Thiên Chúa tuyên án phạt con rắn (loài ma quỉ).
[b] Án phạt người nữ cả đời phải tùng phục quyền chồng (Xuất giá tòng phu).

Và khi chết đoạn, xác hoàn bụi tro".
[20] A-dong nay đặt tên cho
E-và[b], có nghĩa "căn do loài người"
[21] Trời làm da thú một đôi,
Cho hai người mặc, [22] mở lời nghiêm minh:
A-dong rày đạt thần linh,
Sợ ngươi hái trái trường sinh, sống hoài.
[23] *Lệnh* Trời truyền đuổi cả hai
Ra miền hoang dã bừa cày kiếm ăn.
[24] Kê-ru-bim[c], vị thiên thần
Tay cầm gươm lửa chận đàng vãng lai.
Cửa vườn đóng chặt từ đây,
Cây trường sinh chẳng còn ai đến gần.

---

[a] Do câu nói:

Đổ mồ hôi, sôi nước mắt,
Lưng gánh nặng, trán hứng mưa,
Đổi cơm trong đất, đổi dưa trong bùn.

[b] E-và: Heva, Eva, tên người nữ đầu tiên, có nghĩa là nhân sinh chi mẫu. Bổn cũ viết I-ba hoặc Y-oa.

Theo bổn cũ câu 20 đoạn III như sau:

A-dong nay đặt tên cho
Y-oa, có nghĩa căn do loài người.

(Chữ Y-Oa không rõ người xưa viết chữ nôm như thế nào, mà thấy Phan Văn Cận ghi hai cách: Y-oa và I-ba.)

[c] Câu 24, bổn cũ viết:

Cơ-biên vạn lực chi thần,

Cơ-biên dịch âm chữ Chérubim, linh mục Phao-lồ Qui đã sửa lại Kê-ru-bim.

Đoạn IV
MỞ MÀN CUỘC SỐNG
HUYNH ĐỆ TƯƠNG TÀN

[1] Náu nương bộng đá che tranh,
Ca-in[a] trưởng tử vừa sanh ở đời.
E-và nở một nụ cười,
Thậm cảm ơn Trời ban một đứa con.
Mấy năm nuôi dưỡng vuông tròn,
[2] A-bên[b] đứa kế theo *chân* chào đời.
Trưởng thành hai gã chọn nơi,
Anh thời trồng tỉa, em thời chăn nuôi.

---

[a] Ca-in: bổn cũ viết Khả ân.

[b] A-bên: Abel, bản cũ viết An-biên.
Bản cũ viết câu 3, 4,5, 6 như sau:
[3]Khả Ân hoa trái tế Trời,
Nhưng lòng trí vẫn rạc rời xa xăm
[4]An Biên chiên béo hiến dâng,
Cầu Trời thương xót muôn phần tạ ân
Hoàng thiên bất phụ thiện tâm
[5]Khả Ân cảm thấy ghe lần chua cay
Lòng chàng, bất mãn việc này
“Trời khuyên chớ khá đang tay oán thù.

3 Ca-in, hoa trái tế Trời,
4 A-bên, chiên béo hiệp lời tri ân.
Hoàng thiên bất phụ thiện tâm,
5 Còn Ca-in lễ chẳng màng mảy may.
Lòng chàng bất mãn việc *này*,
6 Trời khuyên chớ khá đắng cay oán thù.
7 Làm lành được thưởng phước dư
Làm dữ bị phạt, liệu cư xử rành.

*

8 Ngày kia, hắn rủ em mình,
Cùng đi dạo cảnh, hắn đành giết em.
Tiếng trời: Sao giết A-bên ?
Hắn rằng: không biết, há phiền đến ai.
10 Máu em ngươi thấu đến tai,
11 Máu oan nhuộm đất, đất *này* đuổi ngươi,
Dầu cho vun xới hết hơi
12 Đất không đơm quả, cằn còi càng thêm.
Ra thân trôi nổi bập bềnh,
Đất không dung chứa, khắp miền lang thang.

*

13 Tội tôi trầm trọng vô ngần,
Vô phương khả đáo[a], khốn nàn[b] mạng tôi.
14 Từ đây phiêu dạt đòi[c] nơi,
Máu oan vấn vít, người người không tha.

---

[a] Vô phương khả đáo: Không nơi nào có thể đến (Chú thích của Nước Mặn).

[b] Khốn nàn: Khốn nạn (Chú thích của Nước Mặn).

[c] Đòi: lắm, nhiều (Chú thích của Nước Mặn).

15 Trời xoay tâm địa người ta[a],
Nhìn mi gớm ghiếc hơn là giết mi.
Nếu ai táo bạo hành vi,
Giết mi bị phạt gấp đi bảy lần[b].
16 Đó là dấu hiệu riêng ban,
Ca-in thui thủi dặm ngàn phía đông.

*

17 Ca-in, năm tháng chập chồng,
Sinh ra Ê-nóc[c] thấy lòng hứng vui.
Xây thành, đắp lũy, dựng đời,
Lấy tên con gọi "vùng trời khai hoang".
18 Nối nhau con cháu đầy đàn,
19 Số này, La-mạc[d] một chàng đa thê.
20 Sinh ra lắm kẻ tài nghề:
Gia-bên[e]: du mục nhiều bề qui mô.
21 Dự-bàng[f]: *thủy* tổ xướng thơ,
Chế ra nhạc khí: sáo ru, đờn kèn.
22 Từ-canh[g]: tổ mộc, tổ rèn,

---

a Thiên Chúa khiến nhân tâm ghê tởm kẻ sát nhân hơn là oán ghét, thấy đâu chặt đó.

b Câu nói của Người Việt xưa cũng có nghĩa tương tự: "...thứ người độc ác sát nhân, Lột da bảy lớp đội hờn cho kham... "Theo quan niệm xưa, kẻ tàn bạo bất nhân, phải sống khốn khổ, rày đây mai đó, để đền tội, bằng cách chịu người đời chê rẻ khinh khi...

c Ê-nóc: Enoch, (bổn cũ I-nẫm.)

d La-mạc: Lamech.

e Gia-bên: Jabel (bản cũ: Gia-biên).

f Dự-bàng: Jubal.

g Từ-canh: Tubalcain.

Mở thời kim khí, dựng nền võ công.
Nương-mai[a]: mỹ nghệ phấn son
Làm cho thành phố ngày phồn thịnh hơn.

23 Tự hào, La-mạc đại ngôn:
Tay này hạ sát "người hùng" hai tên.
Chỉ vì chúng dám ngông nghênh,
24 Nếu Ca-in được bảy phen báo thù.
Thì *này* La-mạc có dư,
Bảy mươi bảy lượt mới cừ mới ngon.
25 Nhắc qua tổ lão A-dong
Sinh thêm nam tử thay dòng A-bên,
Hết lòng cám nghĩa Hoàng thiên
Đặt tên là Sét[b] dạ hiền trí minh.
26 Về sau Sét lập gia đình,
Sinh ra Ý-nữu[c] trung thành đạo ngay
Phượng thờ Thượng đế hàng ngày,
Nêu cao tín ngưỡng giữa loài thế nhân.

---

[a] Nương-mai: Noëma.
[b] Bản cũ viết:
Đặt tên Sĩ-thức dạ hiền trí minh,
Về sau linh mục Phao-lồ Qui đổi lại là Sét theo La ngữ Seth
[c] Ý-nữu: Enosh.
* Câu 26, bổn cũ viết:
Lớn lên, tạo lập gia đình.

Đoạn V
NÒI GIỐNG A-DONG TRÀN LAN MẶT ĐẤT

[1]Đạo đời hai ngả tương tranh,
Bắt nguồn từ thủa A-đam tạo thành.
[2]Đặt nên phu phụ đoan hành,[a]
Mở màn đã thấy dữ lành chống nhau.
Ca-in: đời đã khai mào
A-bên: đạo khởi đoạn đầu đau thương.
[3] Tiếp theo là Sét khuếch trương,
[4] Tu thân vi bổn, chủ trương ôn hòa.
[5] Nêu cao hiếu thảo mẹ cha,
[6] Tiếp theo Ý-nữu[b], tề gia kiện toàn.
[7] Trước lo trọng nghĩa tào khang[c]
[8] Làm ăn cần kiệm nuôi đàn cháu con.

*

[a] Đoan hành, mối đầu nhân loại, do câu: tạo đoan hồ phu phụ. Linh mục Phao-lồ Qui đánh số đoạn V này, cốt ý để theo dõi Kinh Thánh cựu ước, thật ra ý tác giả theo quan niệm Á đông, vạch rõ hai con đường lành, dữ song hành.

[b] Ý-nữu: Enosh, con trai của Sét.

[c] Trong bản của Linh mục Trần Hiếu Lễ câu này ghi: "Trước theo phu phụ vi cang..."

9 Cai-nan[a] tiếp nối vuông tròn
10 Trên thờ phượng Chúa, dưới thương mỗi người.
11 Vạch cho miêu duệ thức thời[b]:
Lòng thương giải cứu khắp nơi bởi trời[c]
12 Mạch-liên[d] tiếp nối hẳn hoi,
13 Lập nền trị quốc, trau giồi lễ nghi.
14 Dạy dân hiểu rõ thị phi,
15 Tiếp theo Gia-liệt[e] duy trì thành tâm.
16 Trong thì minh đức tân dân,
17 Ngoài thi ngũ đức, tam cang thực hành.

*

18 Đến thời Hy-lộc[f] đại nhân,
19 Dạy trừ dục vọng, giảm phần tự do[g].
20 Mưu cầu hằng bữa ấm no,
Tránh, danh phú hộ, xa kho phú hào.
21 Mã-thư-san[h] chống binh đao,
Lấy điều công lý cùng nhau luận bàn.
22 Noi gương Hy-lộc phụ thân
23 Hướng về Thượng đế là bàn chỉ nam.

---

[a] Cai-nan: Kénan, con trai của Ý-nữu.
[b] Thức thời: Hiểu rõ thời cơ, tức là thánh ý Thượng đế.
[c] Chỉ có Thượng đế mới cứu được nhân loại trầm luân.
[d] Mạch-liên: Mahaléel, con trai của Cai-nan.
[e] Gia-liệt: Jared, con trai của Mạch-liên.
[f] Hy-lộc: Hénoch, con trai của Gia-liệt.
[g] Tự do: do một câu nói ngày xưa: Tự thân mưu cơ sự, do ngã độc ứng hành: Tự nơi mình bày ra mưu sự, do thân mình, một mình mình đứng ra hành động, khác chữ tự do thời nay.
[h] Mã-thư-san: Mathusalem, con trai Hê-nốc.

24 Cho nên Hy-lộc đặc ân
Ra đi theo Chúa cõi trần bặt tin.

*

25 Đến thời La-mạch[a] đinh ninh;
26 Đạo trời là gốc nhân sinh phải tùng.
27 Mã-thư-san thọ *nhất* ông
Chín trăm sáu chín vào vòng tử qui.
28 La-mạch khi có No-e[b]
29 Rằng: nguồn an ủi cho nghề canh nông,
Vì xưa do tội tổ tông
Đất đai Chúa phạt nhọc công việc làm.
30 No-e thân phụ Sem[c], Cam[d],
31 Cùng là Gia-phết[e] siêng chăm luật trời.[f]
Lược qua gia phả loài người,
Sống đạo giữa đời khác tộc Ca-in.

---

[a] La-mạch: Lamech, con trai của Mathusalem.
Bản cũ viết câu 28 như sau:
La-mạch vừa đẹp mộng hòe,
Nhữ-yên an ủi cho nghề ruộng nương
Linh mục Phao-lồ Qui (1885) đã sửa lại.

[b] No-e: bản cũ gọi Nhữ-yên.

[c] Sem: bản cũ gọi Siêu-mộc, Sem.

[d] Cam: bản cũ gọi Càn-pha, Cham.

[e] Gia-phết: bản cũ gọi Gia-phần, Japhêt.

[f] Bản cũ, câu 30-31 như sau:
Nhữ-yên nam tử hữu tam
Càn-pha, Siêu-mộc, Gia-phần tốt tươi.

Đoạn VI
ĐẠO TÂM ĐÃ MẤT
NHÂN DỤC NÁO THIÊN

1 Mười lăm thế kỷ mưu sinh[a],
Ca-in và Sét lập thành dân đông.
Đời thì vật chất thịnh cường
Đạo thì trầm lặng theo đường tâm linh.
Đời thì gái sắc bẹo hình,
2 Khiến cho trai tráng làm tình đắm say[b] .
Diễn ra cuộc sống họa tai,
Đua giàu trộm cướp, đấu tài chém đâm.
3 Làm cho lòng đạo sút dần,
Thánh thần Thượng đế xa lần nhân gian.
Khiến nên tuổi thọ cũng tàn,
Sánh ra hơn kém trăm năm là cùng.
4 Cao trào thế tục mở tung,
Danh nhân nổi tiếng, anh hùng cao tay[c].

---

[a] Tính từ A-dong, Ca-in, Ê-noc ... cho đến Lamech, Noe, một thời gian dài lối 1.500 năm.

[b] Nói sự sa đọa của loài người xuống quá thấp, từ nhân tính sụt xuống thú tính (thục tính và dục tính) cách trầm trọng.

[c] Xây dựng danh tiếng bằng vàng bạc của cải và gươm dao chém giết.

Có nhiều độc chủng to thây[a],
Loạn hôn[b], sắc dục, tiền tài, giết nhau.

*

5 Lập đoàn phản bội Trời cao,
Tôn thờ thần tượng đủ màu dâm ô.
Giết nhau chiếm đoạt cõi bờ,
Mạnh ăn yếu chết, nước cờ lợi danh.
6 Lộc trời[c] vì đó giảm phần,
Cho nên âm họa[d] tung hoành dương gian.
7 Loài người, vạn vật, thú cầm,
Không cần tu chỉnh mà cần hủy tan[e].
8 Đời làm đời chịu đã đành,
No-e công chính được phần ưu tiên.
9 Theo đường Thượng đế trung kiên,
Dám đem đạo lý chiếu trên cuộc đời.
10 Thế nên gia đạo của người,[f]
Sem, Cam, Gia-phết được Trời buông tha.
11 Trần gian nhục dục xấu xa,
12 Không còn nhân phẩm đã ra hư hèn.

---

[a] Người có thân hình to lớn, người khổng lồ.

[b] Loạn hôn: không có luật lệ gì về hôn nhân, sống ô tạp về phái tính.

[c] Lộc trời: Phước lộc do công đức cửa người vì thiện chí thực hiện, nên được Thiên Chúa phù trợ ban thưởng.

[d] Âm họa: tai họa từ cõi âm, do loài ma quỉ đưa đến bởi tội ác của người tác động.

[e] Không thể sửa lại vì đã hư nát, cần hủy bỏ để lập lại thế giới mới.

[f] Bổn cũ câu 10 viết như sau:

Thế nên gia đạo của người,
Cùng ba nam tử được Trời buông tha.

13 Mọi loài xác thịt đua chen,
Lợi quyền tửu sắc đến phiên hạ màn.

*

14 Trời giao kế hoạch sẵn sàng,
No-e tuân *lệnh* thi hành trước sau.
Chọn cây đóng một chiếc tàu,
15 Ba từng cao rộng, cửa vào lối ngăn.
Dưới thì đà lót dọc ngang,
16 Trên thì thước tấc cân phân hậu tiền.
17 Vì cơn hồng thủy thao thiên[a],
Các dân hủy diệt, các miền nát tan
18 Phần ngươi sẽ được an toàn,
Hiệp cùng gia đạo hành trang lên tàu.
19 Về phần sinh vật cho vào,
Từng đôi từng cặp trước sau tùy loài:
20 Loài bò, loài chạy, loài bay,
21 Cỏ rơm, lương thực đủ đầy hộ thân.
22 No-e bái mạng tuân hành,
Siêng năng nỗ lực, khó khăn không rời.

---

[a] Lụt ngập toàn diện.

Đoạn VII
HỒNG THỦY THAO THIÊN MUÔN LOÀI HỦY DIỆT

1 Từng làm sáng tỏ đạo trời,
Khi lâm biến cố có Người chở che.
Như trong trường hợp No-e,
Đại họa đến kề, gia đạo an vui.[a]
2 Chim trời vật sạch *bảy* đôi,
3 Thảy đều bảo vệ giống nòi mai sau.
4 Một tuần chuẩn bị qua mau
Khắp trời vần vũ bắt đầu đổ mưa.
Thụ sinh chết hết không chừa[b]
Bốn mươi ngày chẵn[c] nước vừa non cao.
5 Hoàn toàn nhiệm vụ phó giao,
6 No-e vào tàu tuổi được sáu trăm.

---

[a] Câu 1, bản cũ viết:
Từng làm sáng tỏ đạo Trời,
Khi lâm biến cố có Người chở che
Nhữ-yên thành tín mọi bề,
Đại họa đến kề, gia đạo an vui.

[b] Thụ sinh: Các loài được Đấng Tạo hóa sinh dựng.

[c] Nước mưa tuôn xuống luôn luôn 40 ngày đêm.

7 Bên ngoài sóng gió tung hoành
Thạnh cường hành thủy chảy tràn núi non.
8 No-e, sinh vật bên trong,
9 Cửa tàu đóng chặt bềnh bồng vẫn yên.
10 Một tuần lũ lụt *dâng* lên
Cả và mặt đất đã chìm dưới sâu.

*

11 Nhiều luồng nước cuộn ào ào,
12 Thành trì, nhà cửa lật nhào cuốn đi.
13 Lềnh bềnh các thứ tử thi,
14 Sóng cuồng đùa đến biên thùy xa xăm[a].
15 Côn trùng, tẩu thú, phi cầm,
16 Loài người bất cứ nữ nam trẻ già.
17 Đến loài thảo mộc bông hoa,
18 Cơ đồ sản nghiệp người ta dựng gầy,
19 Núi non hùng vĩ trời mây,
20 Chẳng gì tồn tại, lụt *này* phá tan.
21 Bể dâu, dâu bể kinh hoàng[b],
22 Riêng tàu vẫn được bình an từ đầu.
Nước cao, tàu cũng lên cao,
23 Đùng đùng sóng gió chẳng nao núng gì.
Linh đinh mặt nước xanh rì,
24 Tính hơn năm tháng từ khi thủy nàn.[c]

---

[a] Xác người, xác thú vật trôi giạt đến phương trời vô định.

[b] Trận lụt này đã thay đổi toàn diện mặt đất, nơi làng mạc thành quách dân cư thì trở nên sông biển mênh mông và ngược lại chỗ sông biển trở nên đất cạn.

[c] Tức thủy nạn: nạn hồng thủy (Chú thích Nước Mặn).

Đoạn VIII
NO-E KHỎI CHẾT
THÀNH LẬP TẾ ĐÀN

1 *Lệnh* trời khiến gió phía, nam,
2 Rùng rùng thổi đến mây tan, tan dần.
3 Những dòng nước cũng hạ lần,
4 Hăm bảy tháng bảy tàu đang mất đà.
Cạn trên dãy núi Am-nha[a]
5 Tháng mười nước xuống bày ra sườn đồi.
6 Đếm ngày đã được bốn mươi,
No-e thả quạ thử coi tình hình.
7 Quạ đi từ đó biệt tin,
8 Bồ câu thả tiếp không tìm được chi.
9 Bay đi rồi lại bay về,
Đáp bên cửa sổ No-e bắt vào.[b]
10 Thả ra, qua bảy ngày sau,
11 Chiều về tha được cây dầu ô-liu.

---

[a] Am-nha: núi vùng Armenia.

[b] Câu 9, bản cũ viết:
Bay đi rồi lại bay về
Nhữ-yên mở cửa, vuốt ve đem vào.

12 No-e biết nước rút nhiều,
Chờ thêm tuần nữa, cạn đều khắp nơi.
Bồ câu cũng thả ra coi,
Phen này thẳng cánh vui chơi phương nào.
13 Tháng giêng trổ mái trên tàu,
Nhìn ra bốn phía một màu ráo khô.
14 Tháng hai hăm bảy, bấy giờ,
Đất đai vui sống, cõi bờ phục hưng.
15 Kể ra biến cố đã ngừng,
16 No-e thừa *lệnh* chín từng truyền qua.
17 Khai tàu, sinh vật thả ra,
Loài nào thú nấy âu ca thoát nàn.
Chim trời tung cánh bốn phang,
Thú rừng, súc vật hân hoan đắc thời.
18 No-e, gia đạo các người,
19 Cùng nhau làm lại cuộc đời tốt hơn.
20 No-e hiệp với ba con,
Dựng bàn hương án đáp ơn danh Trời[a].
Toàn thiêu lễ tế rạng ngời,
21 Nhậm lòng, Thượng đế phán lời ủi an:
"Từ đây đối với dương gian,
Không vì nhân loại tan hoang thế *này*.

---

[a] Dựng bàn thờ, giết sinh vật theo thói tục tổ tiên, dùng lửa đốt hết *dâng* lên Thiên Chúa, để tỏ lòng biết ơn Người đã cứu mình và cả gia đình qua khỏi một đại nạn kinh khủng.

Bởi đời phản bội lẽ ngay

Muôn loài cầm thú mang tai số phần[a].

22Không còn tái diễn khốn nàn,[b]

Địa cầu còn đó, ngũ hành còn đây.

Tứ thời bát tiết vần xây,

Mùa màng cấy gặt, đêm ngày luân phiên."

---

[a] Vì tội lỗi loài người mà cầm thú thảo mộc bị vạ lây. Nay Thiên Chúa cam kết không còn xảy ra như vậy nữa.

[b] Khốn nàn: tai nạn khốn khổ (Chú thích của Nước Mặn)

Đoạn IX

THƯỢNG ĐẾ GIAO HÒA CAM, KHA BẤT HIẾU

1 Đã từng quyền lực do Thiên,
Vậy thì tái lập khắp miền xương minh.
2 Thú cầm thủy tộc nép mình,
Con người vẫn được tự tình sinh nhai[a],
3 Đến loài rau đậu cỏ cây,
4 Ngoại trừ huyết vật nương tay chớ dùng[b].
5 Máu đền nợ máu không dung,
6 Nhất là sinh mạng cùng chung giống nòi.
7 Cao xanh đại lượng hằng soi.
Thuận thiên trí giả, xây đời hanh thông.

*

8 Biết chăng cái lẽ tồn vong,
Thì đây giao ước Trời cùng No-e:[c]

---

[a] Loài người được dùng sinh vật, cỏ cây để nuôi sống mình.
[b] Luật xưa cấm ăn máu huyết, vì đó là gốc sự sống (Lv 17,14)
[c] Câu thứ 8 theo bản cũ viết:
Biết chăng cái lẽ tồn vong,
Nhữ-yên được Đấng Chí nhân giao thề.

[9] Ngươi và miêu duệ *vâng* nghe,
[10] Từ đây thủy lạo chẳng hề bạo xung.
[11] Kể luôn sinh vật sống chung,
Nhờ ngươi chứng được khoan dung sinh tồn.
[12] Trên mây xuất hiện cầu vồng,
Đó là ấn tín lòng *nhân* của Trời.
[14] Từ nay cho đến muôn đời
[15] Ngươi và muôn vật mọi nơi yên hàn
[16] Mỗi khi mống mọc mây ngàn
[17] Nhớ lời cam kết, dưới trần yên tâm.
[18] Lập đời: Gia-phết, Sem, Cam,[a]
[19] Trở nên *thủy* tộc các dân hoàn cầu[b]

---

[a] Bản cũ viết từ câu 18 đến 28 như sau:
[18]Càn-pha, Siêu-mộc, Gia-phần,
[19]Trở nên thủy tộc các dân hoàn cầu,
[20]Nhữ-yên vỡ đất bắt đầu,
Trồng nho kháp rượu uống vào lỡ say,
[21]Ngủ vùi vuột cả áo ngoài,
[22]Càn-pha thấy vậy gọi hai anh cười
[23]Gia-phần Siêu-mộc đi lùi,
Đến nơi phủ áo lên người Nhữ-yên
[24]Nghe tường khi đã tỉnh men:
"Càn-pha bất hiếu" giảng khuyên nặng lời:
[25]Là dòng vô phúc trên đời,
Đáng làm nô lệ hai người anh em,
[26]Chúa của Siêu-mộc uy quyền,
Gia-phần cuộc sống càng thêm hưng thời,
[27]Nương quyền huynh trưởng an vui.
Càn-pha phục dịch suốt đời xót thân.
Nhữ-yên tuổi hạc cao dần,
[28]Chín trăm năm chục lìa trần bình yên.

[b] Theo truyền thuyết, dòng dõi của Sem, qua nhiều thế hệ, nhiều biến cố đã trở thành những dân tộc ở phương Đông; dòng dõi Gia-phết ở phương Tây, và dòng dõi của Cam thì

20 No-e vỡ đất bắt đầu,
Trồng nho, kháp rượu, uống vào lỡ say,
21 Ngủ vùi, vuột cả áo ngoài,
22 Cam nhìn thấy vậy, gọi hai anh cười.
23 Sem cùng Gia-phết đi lùi,
Đến nơi phủ áo lên người No-e.
24 Tỉnh men cơ sự đã nghe,
Gọi Cam bất hiếu, ngăn đe nặng lời.
25 Là dòng vô phúc trên đời,
Đáng làm nô-lệ hai người anh em.
26 Tung hô Thượng đế của Sem,
Cầu cho Gia-phết càng thêm hưng thời,
27 Nương quyền huynh trưởng an vui,
Còn Cam phục dịch suốt đời xót thân.
No-e tuổi hạc cao dần,
28 Chín trăm năm chục lìa trần bình yên.[a]

sinh sống ở phương Nam.

[a] Thầy cả Lữ Y Đoan xưa đã Việt hóa các tên người (Việt hóa nhân vật chi danh) còn linh mục Phao-lồ Qui (1885) ra sức sửa lại theo cách la-tinh ... Thật là công phu, nhưng chỉ sửa được một phần nhỏ, rồi bỏ cuộc ...

Đoạn X
BA DÒNG NHÂN LOẠI TÂM, TRÍ, DỤC, KHAI

1 Theo đà phát triển thiên nhiên[a],
Cây tăng rừng rú, thú tăng bầy đoàn,
2 Cháu con Gia-phết lan tràn,
3 Đoài phương sinh kế, mở đàng di dân;
4 Tộc thì khai thác đồng bằng;
5 Tộc thì chiếm đảo giữa làn đại dương.
6 Dòng Cam tiến hướng Nam phương,
7 Trạch môn ngũ phước, gia đường tam đa.
8 Nổi danh, Nem-rốt[b] tài ba,
Anh hùng cái thế, 9 còn là thợ săn.
Tay cung, tay kiếm ai bằng,
Dường như Thượng đế thêm phần điểm son.

---

[a] Đoạn X, thầy cả Lữ Y Đoan chỉ ghi những danh nhân nổi tiếng diễn tả cuộc sống các dân tộc thời xưa, chỗ theo đời, nơi theo đạo.

[b] Nem-rốt: Bản cũ viết Niêm-lộc, linh mục Phao-lồ Qui âm lại La ngữ Nemrod.

10 Dựng thành lũy Ba-bi-lon[a]
Cùng nhiều thành khác trên đường triển khai,
11 Lại còn đánh chiếm đất đai,
12 Xây đồn đắp lũy, dựng gầy Ninh-vi[b].
13 Ngoài ra còn lắm tộc chi,
Thiểu vi bộ lạc, đông thì quốc gia.
14 Có dân Phiên lịch[c] hào hoa,
15 Một dãy sơn hà của tộc Ca-nan[d],
16 Chia ra đủ thứ sắc dân,
Tùy theo dòng tộc, tùy phần đất đai.
17 Kinh bang tế thế kỳ tài,
18 Lập nên thành lũy, đắp xây chủ quyền,
19 Chiêu binh, mãi mã, cung tên,
20 Đòi nơi chiến quốc, khắp miền xuân thu[e].
Gây ra cái thế hận thù,
Động cơ thúc đẩy hư phù lợi danh.

*

21 Phần Sem, miêu duệ thạnh hành,[f]
22 Sinh cơ lập nghiệp tung tràn hướng đông.

---

[a] Babilon: Bản cũ viết Ba-tỷ-luân, thành phố Babilon danh tiếng, *giàu* sang *nhất* thời xưa.

[b] Ninh-vi: thành phố Ninivê.

[c] Phiên lịch: Philistin, một dân hiếu chiến thời xưa.

[d] Ca-nan: Chanaan, vùng đất phì nhiêu. Theo bổn cũ viết là Trà-nam. Linh mục Phao-lồ Qui viết là Ca-na-an theo các linh mục Pháp (1885). Về sau thấy linh mục Trần Hiếu Lễ viết Ca-nan.

[e] Các giống dân luôn luôn tranh bá đồ vương, không khác gì thời chiến quốc, thời Xuân Thu ở Trung quốc ngày xưa.

[f] Câu 21 bản cũ viết: *Cháu con Siêu-mộc thạnh hành.*

23 Dựng đời đặt nặng nghĩa *nhân*,
24 Tránh xa bá nghiệp, chọn đường thiên cơ.
25 Khai hoang mở rộng cõi bờ,
26 Mạng trời làm gốc, cực đồ lương tri
27 Cũng còn bạng duật tương trì[a]
Chỉ vì dục vọng, chỉ vì tham sân.
29 Tuy nhiên cũng có giống dân,
30 Đề cao tâm lý, bảo toàn tâm linh.
31 Qua bao thế kỷ kinh dinh,
32 Dòng Sem còn giữ đức tin với Trời[b].

---

[a] Các giống dân lúc nào cũng vì danh lợi nên tìm cách đánh giết nhau luôn, như chuyện con ngao con cò.

[b] Dòng dõi của Sem cũng có những chi tộc trung thành với Thượng đế, trải qua các thời đại, các biến cố hoặc về địa lý.

Đoạn XI
BA-BÊN THÁP CAO
BẤT ĐỒNG NGÔN NGỮ

1 Vả chăng, ngôn ngữ cổ thời,
Những điều cảm nghĩ, nói lời như nhau[a].
2 Phía đông nhiều tộc vùng cao,
Dân đông, đất chật, hoa *màu* cũng vơi,
Định cư đất mới kịp thời,
3 Bàn nhau xây tháp để đời hậu lai.
Góp nhau vật liệu đủ đầy,
4 Công trình, kiến trúc, mỗi ngày rộng cao.
Vươn lên tháp đụng thiên tào[b],
Muôn đời danh tiếng, trăng, sao phải nhường.
5 Nhân gian ngạo nghễ thiên đường,
6 Trời rằng: Hiệp nhất vi cường, đại công[c].
7 Phải cho ngôn ngữ bất đồng,
Mỗi chi một ngả là xong ý đồ.

---

[a] Nhân loại thoạt đầu đồng một ngôn ngữ.

[b] Muốn xây cái tháp tới mây trên trời phòng tránh lụt, vì muốn khoa trương nhân lực và không tin lời hứa Thượng Đế mỗi khi thấy mống mọc trên không.

[c] Do câu nói xưa: Đại công chung lực, hiệp *nhất* vi cường: Việc lớn thì phải góp sức, hợp lại (đoàn kết) thì hùng mạnh.

8 Thế là *nhất* hữu cửu vô[a]
Nhân gian bỏ cuộc, trở cờ chống nhau.
9 Ba-bên[b] danh gọi, về sau,
Kể từ việc ấy, ngũ châu người tràn.[c]

*

Đời thì đa số các dân,
Đạo thi thiểu số, cán cân lệch thường.
10 Sem sau trận lụt tang thương,
11 Sinh ra A-phác[d], dạy con đàng lành.
Mặc ai chác lợi mua danh,
A-phác lòng thành với đấng Chí tôn.
12 Sa-liên[e] nối dõi tông môn,
13 Duy trì chữ hiếu, bảo tồn chữ trung.
14 Hi-bân[f] rõ việc cát hung,
15 Đều do quyền phép quan phòng tối cao.
16 Đến đời Phan-liệt[g] mở đầu,
17 Con đường ngũ đức theo sau tri hành[h].
18 Lễ-ưng[i] cố gắng tập tành,
19 Dung hòa đời sống, lợi danh đặt ngoài.

---

[a] Do câu nói xưa: Nhất hữu cửu vô, bán đồ nhi phế: Một người nói có, chín người nói không, thì nửa đường bỏ việc.

[b] Ba-bên: Babel có nghĩa là lộn xộn, Bản cũ viết: Bá biện.

[c] Theo bổn cũ câu 9 như sau:

Lưu danh Bá biện về sau,

Linh mục Phao-lồ Qui đã sửa lại là Ba-bên, theo la ngữ Babel (1885).

[d] A-phác: Arpakshad, con đầu lòng của Sem.

[e] Sa-liên: Saleg, con trai của A-phác.

[f] Hi-bân: Heber, con trai của Sa-liên.

[g] Phan-liệt: Phaleg, con trai của Hi-bân.

[h] Tri hành: Thấu hiểu đường lối Thượng đế và nghiêm chỉnh thi hành đúng.

[i] Lễ-ưng: Reu, là con trai của Phan-liệt (Phaleg)

20 Tiếp theo, Sa-duật[a] tỏ bày,
21 Nội tâm giữ vững, lẽ ngay duy trì.
22 Na-khôi[b] vạch rõ thị phi,
23 Ý Trời đi ngược, họa thì đa mang.
24 Thanh-lê[c] nhận định giàu sang,
25 Của cải bạc vàng tất cả do Thiên.
26 *Áp-ram*[d] là *bậc* tiên hiền,
Trăm bang vạn sự hướng lên lẽ trời.

*

27 Xảy ra thái độ chống đời[e],
28 U-thành[f] ảnh hưởng suy đồi Cảnh-đê.
29 Dời cư, tổ phụ Thanh-lê
30 Gia đình con cháu đi về Hà-lâm[g]

*

31 Áp-ram[h] và *Lộc*[i] đồng hành,
32 Nêu cao lẽ sống trung thành đức tin.

---

[a] Sa-duật: Sanig, là con trai của Lễ-ưng (Reu).
[b] Na-khôi: Nachor, con trai của Sa-duật (Sarug).
[c] Thanh-lê: Tharé, con trai của Na-khôi.
[d] Bản Canada 2000 ghi chỗ này là Ấp-lâm, bản này sửa lại là *Áp-ram* cho đồng bộ để độc giả khỏi lúng túng. Áp-ram (Abram, bản cũ : Ấp-lâm) là con trai của Thanh-lê (Tharé) Abram còn hai em trai là Nachor (ở đây gọi là Nã-khôi để phân biệt với Na- khôi (ông nội của Abraham) và A-ran tức là cha của Lót (Lộc-công). (Chú thích điều chỉnh của Tủ sách Nước Mặn).
[e] Vì thấy đời sống dân bản xứ quá sa đọa, nên Thanh-lê đem gia đình đi nơi khác.
[f] U-thành: thành Ur của dân cảnh-đế (Chaldée).
[g] Hà-lâm: Haran, nơi Thanh-lê đem con là Abram và cháu là Loth (Lộc-công) đến lập nghiệp và đã qua đời tại đây..
[h] Áp-ram: Bản chữ nôm viết Ấp-lâm, linh mục Phao-lồ Qui năm 1885 đổi lại là Áp-ram dựa theo La-ngữ Abram.
[i] Lộc: Bản chữ nôm viết Lộc-công, hay Lộc, sau đổi lại là ông Lót hoặc Lót (1885).

Đoạn XII

ÁP-RAM THIÊN TRIỆU[a]
GIẾP-ĐỊA TẠM CƯ

Áp-ram tự lực cánh sinh,
Hà-lâm cư trú nổi danh phú hào.
[1] Một hôm có tiếng Trời cao;
Quê hương hãy bỏ đi vào miền xa,
[2] Là nơi thiên định san hà,
Dung thân miêu duệ, quốc gia vinh cường.
[3] Thuận ngươi, Trời sẽ ban ơn,
Nghịch ngươi, Trời giáng tai ương kẻ nào.
Nhờ ngươi thiên hạ phước cao,
[4] Áp-ram *vâng lệnh*, vó câu lên đàng.
[5] Sa-rai[b], người vợ đảm đang,
Với Lộc là cháu, cả đoàn gia nhân.
Lạc đà súc vật hằng ngàn,
Chở theo sản nghiệp, Trà-nam lộ trình.
Hà-lâm bao thuở quê mình,
Vì tin lời Chúa dứt tình ra đi.

---

[a] Thiên triệu: Được Chúa gọi (chú thích Nước Mặn).
[b] Sa-rai: bản cũ viết Sa-lan.

6 Sĩ-kiêm[a] vừa đến biên thùy,
Một vùng thung lũng tứ vi đượm màu,
Trà-nam nước mạnh dân giàu,
7 Hoàng thiên xuất hiện: Đây, trao xứ *này*
Cho đàn con cháu tương lai.
Áp-ram bái tạ, dựng ngay tế đàn.
8 Qua đèo, cắm trại nghỉ chân
Bửu-tiên[b] hướng chấn, Hải thành[c] hướng tây
Lập đàn tạ lễ nơi đây,
Tôn danh Thượng đế rộng tay chúc lành.
9 Về sau nam tiến dần dần,
Chọn nơi nước ngọt, đồng bằng phì nhiêu.

*

10 Mấy năm phát triển đồng đều,
Bỗng đâu hạn hán ngặt nghèo xảy ra.
Nhân dân đói kém xót xa,
Áp-ram cũng phải theo đà di cư.
Lên *đường* sang xứ Giếp-tô[d],
11 Lúc vào biên giới ngại cho vợ mình.
Nàng là thiếu phụ đẹp xinh,
12 Sợ dân bản xứ động tình, cướp duyên.

---

[a] Sĩ-kiêm: Sichem, một vùng đất màu mỡ phì nhiêu, dân cư đông đúc, cũng gọi là Mạc-linh (Mambré).

[b] Bửu-tiên: Béthel.

[c] Hải thành: thành Hai.

[d] Giếp-tô: AEgyptus, tức là Ê-giếp-tô. Người xưa thường dùng nhiều cách như: nước Giếp, Giếp-địa, hoặc Ê-giếp hay là Giếp-tô. Ngày nay gọi là Ai-cập (Egypte).

13 Khuyên nàng tự nhận là em,
Rủi ro cũng được sống yên phận chồng.
14 Y lời dự đoán đề phòng,
15 Pha-rao[a] xuống *lệnh* đền rồng tiến cung[b].
16 Áp-ram nhờ đó thung dung,
Được nhiều hậu đãi ở vùng đế đô.
17 *Lệnh* trời can thiệp Giếp-tô,
Có nhiều biến cố đổ xô vào đền.
Vua quan kinh khủng chẳng yên,
Tam cung lục viện ngửa nghiêng tơi bời[c]
18 Pha-rao cấp linh cho mời,
Áp-ram bệ kiến với lời thiết tha:
Vợ ngươi sao chẳng nói ra,
Để trẫm mang tiếng nài hoa vợ người,
Bây giờ chuyện đã lỡ rồi,
Vậy xin hườn trả, khuyên rời nơi đây.
19 Lại truyền văn võ tiếp tay,
Tiễn đưa tất cả ra ngoài biên cương.

---

[a] Pha-rao: Pharaon, có nghĩa như quốc vương, nhà vua, hoàng thượng, hoàng đế.

[b] Cho người bắt Sa-lan (Sarai) vợ Ấp-lâm (Abraham) đưa vào cung.

[c] Trong hoàng cung từ ngày Sa-lan (Sarai) bước vào thì xảy ra nhiều sự kinh dị, nhưng Kinh thánh không ghi rõ Pha-rao bị phạt thế nào. Theo bài vè xưa diễn tả ngày cùng của Trụ vương: "...Thời hư quỷ lộng, vô số hồn oan, kéo đến khóc than, đòi vua đền mạng, triều thần tán loạn, chánh hậu thứ phi, lăn khóc như ri, vua run lập cập... " Có thể cả nhà vua Pha-rao cũng khủng khiếp như thế?...

Đoạn XIII

ĐỊA LỢI BẤT HÒA
LỘC-CÔNG TÁCH BƯỚC

[1] Trải qua muôn dặm đường trường,
Áp-ram và Lộc quê hương lần về.
[2] Bạc vàng, sản nghiệp phủ phê,
Những bầy súc vật tràn trề sơn xuyên.
[3] Cuối cùng về đến Bửu-tiên,
Là nơi ngày trước tạm yên sinh tồn.
Theo mùa, tế lễ tạ ơn,
Khẩn cầu Thượng đế giúp cơn khốn cùng.
[5] Lần hồi đất chật người đông,
[6] Gia nhân của Lộc giành đồng chăn nuôi.
Nghịch nhau cảm thấy không vui,
[7] Mất tình bác cháu người đời còn chê.
[8] Áp-ram muốn vẹn mọi bề,
Mời Lộc là cháu, vấn đề đặt ra:
Chớ nên để sự bất hòa,
Vậy cháu nhìn thẳng bao la cánh đồng,
[9] Chọn tây thì bác qua đông,
Hay là ngược lại, bác nhường cháu luôn.

Xa nhau cốt nhục tuy buồn,
Nhưng hoà vi quí, cháu đừng ngại xa.
10 Lộc ham thung lũng cỏ hoa,
Bên kia sông lớn phù sa cánh đồng.
11 Thế là *Lộc* vượt Giu-đong[a],
12 Định cư trong xứ Sô-đông[b] hào hùng,
13 Là dân chống Đấng cửu trùng.
Áp-ram vẫn ở trong vùng Trà-nam
14 Ngày kia Trời hiện phán rằng:
l5 Áp-ram hãy ngắm đồng bằng núi sông,
Bốn bề nam bắc tây đông,
Cho ngươi tất cả cùng dòng dõi ngươi.
16 Và cho miêu duệ sinh sôi,
Nhiều như bụi đất không người đếm xong.
17 Hãy đi quan sát ngoài trong,
Để tường diện tích một vùng Trời ban.
18 Áp-ram từ ấy dời sang,
Mạc-linh[c] lập nghiệp trong làng Hữu-phong[d]
Lập bàn thờ chúa Chí-công,
Đức tin sáng tỏ giữa lòng nhân gian.

---

[a] Giu-đong: Sông Jordan (Jourdain). Theo bản của Trần Hớn Xuyên ghi là Dự giang; dưới có chú thích: xưa Phan Văn Cận viết Du-dong và âm thêm chữ Dự-giang. Về sau linh mục Phao-lồ Qui (1885)viết lại Giu-đong.

[b] Bản cũ viết Sô-đông, linh mục Phao-lồ Qui đã sửa lại Sô-đôm, theo La ngữ Sodoma.

[c] Mạc-linh: thung lũng Mambré.

[d] Hữu-phong: làng Hébron.

Đoạn XIV
ÁP-RAM CỨU CHÁU MINH-ĐIỆP CHÚC LÀNH

1 Chuyện đời là chuyện chiến tranh,
Cá lớn, cá bé *giật* giành miếng ăn.
Bốn vua bộ lạc ngang tàng,
Liên minh võ lực hung hăng, oai quyền.
2 Năm vua[a] bị hiếp kết liên,
3 Kéo ra Sinh-việt[b] trận tiền phản công.
4 Bốn vua bộ lạc thanh trừng,
Những chư hầu trước thoát vòng bang giao.
5 Bỏ qua triều cống từ lâu,
Bốn vua[c] dõng lực đánh đâu cũng thành.
6 Chư hầu tháo chạy tan tành
Bốn vua thừa thắng tung hoành can qua.

---

[a] Ngũ bá, năm vua chư hầu cai trị các tiểu quốc thời đó, như Bara (vua cai trị Sô-đông: Sodoma), Bersa (cai trị Gò-mô: Gomorrhes) Adama, Semeler và vua thành Bala (Segor) (chú thích này của Nguyên Văn Nhạn).

[b] Sinh-việt: thung lũng Silvestxem, nơi có nhiều cây cối rậm rạp.

[c] Tứ vương, bốn vua cai trị nước lớn thời đó, như Amraphel, Arioch, Chodorlahomor và Thadal. Vì quyền lợi tứ vương, ngũ bá thanh toán nhau (chú thích này của Nguyễn Văn Nhạn).

7 A-ma-lộc[a] cũng chẳng tha,
Năm vua bị hiếp giàn ra đối đầu.
Đánh nhau mấy trận xà ngầu,
9 Năm vua tan rã chạy nhào quân binh.
10 Bốn vua sẵn trớn sát sinh
11 Sô-đông[b] chiếm đóng hạ thành Gò-mô[c],
12 Oan thay, sản nghiệp cơ đồ,
Cả gia đình *Lộc* bị vồ đem đi.

*

13 Có người sống sót cáo tri
Áp-ram hiểu rõ đại nguy tình hình.
14 Triệu tập non bốn trăm đinh,
Kết thân ba vị đồng minh[d] lên *đường*.
Tấn công khu vực Đan-thành[e],
Giặc say chiến thắng, loạn hàng tứ tung .
l5 Áp-ram đêm lại hỗn công,
Bốn vua chiến bại, hoảng hồn thoát thân.
16 Thu hồi tài sản nhân dân,
Cùng là của *Lộc*, khải hoàn rút quân.

*

17 Chiến công oanh liệt Áp-ram
Bốn vua háo thắng điêu tàn giang sơn.

---

a A-ma-lộc: : dân xứ Amalécites.

b Theo bản cũ, câu 12 đoạn XIII (Định cư trong xứ Sô-đông hào hùng). Linh mục Phao-lồ Qui sửa lại là Sô-đôm.

c Gò-mô: thành Gomorrhes.

d Abram cùng với Escol và Aner đồng ở một vùng Mambré (Mạc- linh) phối hợp đinh tráng kéo ra đánh bọn xâm lăng.

e Đan thành: thành phố Đan.

Nghe tin, vua xứ Sô-đông
Thân hành đón tiếp tỏ lòng tri ân.
18 Có vua Minh-điệp[a] thời danh,
Cũng là giáo chủ dân thành Sa-liêm[b]
Hằng ngày cúng tế Hoàng thiên,
Người đem rượu, bánh *dâng* lên chúc mừng.
19 Tung hô Thượng đế chín từng,
Giúp Áp-ram được lẫy lừng danh thơm.
20 Tung hô Thượng đế uy hùng,
Nạp trao quân địch vào vòng tay ông.
Áp-ram tạ lễ tâm đồng;
Một phần mười của kính *dâng* làm quà.
21 Vua Sô-đông cũng thốt ra:
Tiên sinh nhận của, còn ta xin người.
22 Rằng: thề trước mặt chúa Trời,
23 Của vua vua lấy, của tôi tôi dùng.
Dầu cho một sợi chỉ lông[c],
Tôi không dụng tới để phòng một câu.
24 Nhờ vua tôi đặng sang giàu,
Trừ những vật nào đinh tráng đã ăn,
Cùng của ba vị[d] góp phần,
Liên minh quân đội đánh tan giặc thù.

---

[a] Minh-điệp: Melchisédech.
[b] Sa-liêm: xứ Salem.
[c] Dầu cho một mảy may về vật gì thuộc của vua Sô-đông, Abram không muốn động tới.
[d] Ba vị: Amer, Escol và Membré (Mạc-linh).

Đoạn XV
DÂN TRONG CÁC DÂN TAY TRỜI THÀNH LẬP

1 Trời quang, gió vẹt mây mù,
Áp-ram càng rõ phù du cuộc đời.
Đêm kia, trong mộng nghe Trời:
Yên tâm chớ sợ, mạng ngươi vững vàng.
Tay trời bảo trợ mười phần.
2 Muôn tâu: “Tớ được Trời ban những gì,
Tớ vô thừa tự[a], ích chi,
3 Rồi đây sản nghiệp sẽ đi tộc ngoài”.[b]
4 Trời rằng “há có nghĩ sai,
Con ngươi kế nghiệp không ai xen vào.
5 Nhìn lên và hãy đếm sao,
Dòng ngươi đông đảo ngày sau khác nào.”
6 Áp-ram thành kính cúi đầu,
Thế nên Trời để ông vào chính nhân[c].

*

---

[a] Không có con.

[b] Sản nghiệp sẽ về tay người khác tộc (ngoài dòng họ).

[c] Mặc dầu biết mình không con, nhưng vẫn tin lời Thiên Chúa phán hứa, tin cách thành thật, không cần lý luận để mà tin; vì đó Thiên Chúa nhìn nhận ông là bực chính nhân, người lành trung trực.

7 Lại nghe: "*Này* đất trời ban,
Vì ngươi đã bỏ mộ phần tổ tiên".
"Lạy Trời, tớ chẳng thực quyền[a],
Cách nào chiếm được khắp miền *này* đây?"
"Rằng: "Tam sinh lễ hãy bày,
Bò dê, chiên đực cùng hai phi cầm."
10 Áp-ram *vâng lệnh* thực hành,
Xẻ đôi ba thú xếp thành đôi bên,
Phi cầm hai xác để nguyên,
11 Diều hâu khát máu bay tìm đến ăn.
Áp-ram đập đuổi chúng tan,
12 Chiều tà, giấc ngủ mê man nhập vào.
13 Áp-ram nghe tiếng Trời cao:
Cho ngươi biết trước ngày sau thế *này*,
Một thời dòng dõi bỏ đây,
Tha phương cầu thực, bị đầy đọa thân[b].
Tính ra cũng bốn trăm năm,
14 Nhưng Trời sẽ phạt nước dân bạo quyền.
Và đem dòng dõi khỏi miền,
Mang theo vàng bạc của tiền thậm đa.
15 Phần ngươi an hưởng tuổi già
Chết yên phần mộ, sống hòa tử tôn.

---

[a] Chẳng có quân đội hùng mạnh làm sao chiếm được một xứ rộng lớn đông dân?

[b] Tiết lộ tương lai về con cháu của ông, tức là Jacob di tản sang xứ Ai-cập (St XVI)

16 Nay dân bản xứ A-muôn[a],
Tội chưa đủ số, hãy còn nương tay.
Dòng ngươi đời bốn sau này,
Trời cho tất cả về đây chiếm quyền.

*

17 Mặt trời vừa lặn tối đen,
Một luồng lửa đỏ bỗng nhiên cháy bừng,
Cháy luôn xác vật đã *dâng*,
Đó là Thượng đế kết cùng Áp-ram[b],
18 Đây là ranh giới trời ban,
19 Khởi từ Ê-giếp chạy sang đến vùng
20 Có sông Ơ-phách[c] là cùng[d],
21 Hiện mười tộc chủng đang chung sống còn.

---

[a] A-muôn: dân Amorrhés hiện đang sống, chưa tới ngày bị diệt vong theo số mạng tiền định.

[b] Thiên Chúa lập giao ước với Abram theo nghi thức "ăn thề" của người thời đó.

[c] Ơ-phách: sông Euphrate, bản cũ gọi là Uông-phát: *Có sông Uông-phát là cùng.*

[d] Là cùng: là chấm dứt, đến biên giới.

Đoạn XVI

BÔN CHÔN HÀO TỬ XUẤT HIỆN ỨC-MIÊN

1 Sa-rai buồn việc không con.
Hữu tam bất hiếu[a], gọi chồng thở than.
2 Phần tôi son sẻ cũng đành
Xin đưa tớ gái là nàng A-ga[b],
3 Gốc dân Ê-giếp giúp ta,
Để làm hầu thiếp may ra nối dòng.
4 Áp-ram nghe vợ tâm đồng,
A-ga chắp nối duyên hồng, cầu may.
Qua mùa xuân ấy, *thụ* thai,
A-ga lên mặt, Sa-rai đau lòng.
5 Một hôm, tâm sự với chồng,
Tình đời đen bạc, cái vòng thiếp thê.
Rằng: “Nàng vợ cả liệu bề,
Cho hầu thiếp biết thị phi ở đời.”

*

6 Sa-rai nhiều lúc nặng lời,
A-ga tủi phận, tách rời ra đi.

---

[a] Theo câu nói: ”bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại".

[b] A-ga: Hagar, Bản xưa viết: A-da. Phan Văn Cận ghi lại A-ga cho dễ nghe hơn là A-da.

Hướng về vùng đất Su-rê
7 Dọc đường mỏi mệt ngồi kề suối xanh.
8 Thiên thần xuất hiện hỏi nàng[a],
Đi đâu thơ thẩn rừng hoang xế tà.
Rằng tôi lánh mặt chủ nhà.
9 Khuyên nàng trở lại, dĩ hoà vi tiên.
Trời cao thấu rõ ưu phiền,
10 Sau này con cháu đông ken sao trời.
11 Về đi, khi trẻ chào đời,
Ích-manh[b] tên đặt, 12 nó thời hoang tâm.
Đồng bào nó cũng hung hăng,
Cuộc đời thuận nghịch, ngang tàng phiêu lưu.
13 A-ga tạ Đấng hộ phù,
Chẳng chê bỏ kẻ đơn cô lạc loài.
14 Thiên phù[c], nàng gọi suối *này*,
Chảy ngang Ba-rách, bọc ngoài Ca-đê[d].
15 Nhà xưa, nàng lại trở về,
Trở sinh nam tử danh đề Ích-manh.
Nhìn qua đứa bé sơ sanh,
Tám mươi sáu tuổi, Áp-ram toại lòng.[e]

---

[a] Câu *này* theo bản cũ, thầy cả Lữ-y Đoan viết: *Một vì tiên hiện hỏi nàng*. Phan Văn Cận chú thích: "...tôi sửa lại, nghe có đạo Chúa một chút..."

[b] Ích-manh: Ismael. Bản cũ viết Ức-miên, Linh mục Phao-lồ Qui đã sửa lại. Trong bản cũ câu 11 như sau:

Hãy về khi trẻ ra đời
Ức-miên tên gọi, nết người nghinh ngang.

[c] Thiên phù: A-gar đặt tên cho con suối nước được trời hộ mạng. Suối nước nằm giữa Ba-rách (Barad) và Ca-đê (Cades).

[d] Câu này bản cũ viết: *Chảy ngang Ba-lạc phía ngoài Cao-đê.*

[e] Bản cũ câu 15 viết:

Đoạn XVII
LẬP PHÉP CẮT BÌ
CÂY KHÔ MỌC NẤM

1 Mười thu sau đó, Thiên công[a]
2 Hiện ra nhắc lại đoạn đường sơ giao,
Với lời khuyến khích đạo cao,
3 Áp-ram bái mạng ghi vào tâm can:
4 "Trở nên *thủy* tổ các dân,
5 Áp-ram *nhất* tộc đổi thành Ra-ham[b].
6 Nhiều dân thế giới đăng đàn,
Do ngươi xuất hiện ngai vàng quân vương.
7 Trải bao thời đại sinh tồn,
Trời là Thượng đế của dòng dõi ngươi.

Nhà xưa nàng lại trở về,
Trở sinh nam tử danh đề Ức-miên.
Ấp-lâm thấy giảm ưu phiền,
Tám mươi sáu tuổi cũng yên ủi lòng.

a Thiên công: Ông Trời.

b Ra-ham: Bản chữ Nôm viết Bá-lâm (Ấp-lâm được đổi danh là Ấp-bá-lâm). Linh mục Phao-lồ Qui (năm 1885) sửa lại là A-ba-ra-ham (Ra-ham) do La ngữ Abram đổi danh Abraham. Bản cũ viết: *Ấp-lâm nhất tộc đổi thành Bá-lâm* (*thủy* tổ một dân tộc trở thành *thủy* tổ nhiều dân tộc).

8 Đất ngươi hiện đắp xây đời,
Cho quyền chiếm hữu vùng trời Trà-nam[a].
Nối nhau thế hệ nghìn năm,
Thành tâm chớ khá bội ân phước trời.

*

9 Chứng minh thành tín của ngươi,
10 Cùng là miêu duệ nghìn đời phải tuân.
11 Cắt bì tất cả nam nhân,
Kẻ ăn người ở, ngoại dân trong nhà.
12 Tám ngày sinh hạ, đem ra,
13 Cắt trong xác thịt chút da qui đầu.
14 Nam nào không giữ kết giao
Kể là bội ước trước sau chẳng nhìn.

*

15 Sa-rai phải đổi tục danh,
Sa-ra[b] tên mới: mẹ sanh tộc đoàn.
16 Sẽ sinh ra một trưởng nam,
Trở nên trụ cốt các dân khắp miền.
17 Ra-ham quá sức ngạc nhiên,
Vợ chồng trăm tuổi hão huyền sinh con.
18 Ích-manh mong nó vuông tròn,
19 Nhưng Trời khẳng định: chính lòng Sa-ra

---

a Trà-nam: Chanaan, xứ Ca-na-an.

b Sara: bản cũ viết Sa-lâm.

Câu 15 như sau:

Sa-lan phải đổi tục danh,
Sa-lâm tên mới: mẹ sanh tộc đoàn.

Cho ngươi một trẻ tài ba,
Đặt tên I-giác, chan hòa muôn ân.
Ích-manh, Trời cũng đỡ đần,
Sinh ra thập nhị tướng quân hùng cường.
21 Dân đông, đất rộng biên cương[a],
Còn phần I-giác chính tông sau *này*.
Trời còn kế hoạch tương lai,
Sẽ cùng với nó một ngày kết giao."
22 Dứt lời, Thượng đế thăng cao,
21 Ra-ham sau đó trở vào gia trang.
Đem ra tất cả nam nhân,
Chẳng phân sắc tộc, chẳng phân trẻ già.
24 Ra-ham chín chín đồng hòa,
25 Ích-manh tuổi độ mười ba nhập đoàn.
Lệnh trời ai cũng phải tuân,
26 Chứng minh ý chí trung thành Trời cao.
27 Cắt bì[b] kẻ trước người sau,
Người *dâng* thành tín, trời trao lòng lành.

---

[a] Theo cổ sử, con cháu Ismael là dân tộc Á-rập, gồm nhiều bộ lạc khác nhau, sống du mục và thích chém giết, đã lập đạo Islam (Hồi giáo) luôn luôn chống dân Giu-dêu (Do thái) con cháu của I- giác.

[b] Cắt bì, nghi thức đặc biệt Thiên Chúa dạy thực hiện để minh chứng một dòng dõi (một dân tộc) được chọn riêng, thi hành chương trình của Người nơi cõi trần gian giữa lòng nhân loại.

Đoạn XVIII
THIÊN CƠ TIẾT LỘ, HỎA DIỆT SÔ-ĐÔNG

[1] Một ngày mùa hạ nắng hanh,
[2] Ra-ham nhìn thấy ba Thần đi qua.
[3] Vội vàng chào đón thiết tha,
Mong ngài chiếu cố thứ tha kẻ *này*.
[4] Tàn cao nghỉ mát tạm đây,
[5] Tớ xin đạm bạc hầu ngài bữa cơm.
Khách thần[a] vui vẻ dừng *chân*,
[6] Ra-ham liền gọi gia nhân cỗ bàn.
[7] Sa-ra nướng bánh hạnh nhân,
[8] Thịt chiên nhiều món, quay, hầm dọn ra.
[9] Khách thần cầm đũa[b] dùng qua,
Hỏi thăm chủ trại: “Vợ nhà thể nao ?”

---

[a] Khách thần: khách quí từ cõi trời đến, cũng gọi khách trời, phân biệt khách trần là người cũng ở cõi trần.

[b] Người xưa đã Việt hóa bữa ăn, như dọn cơm cầm đũa.Thật ra, thời thượng cổ những giống dân ở vùng *này* ăn uống như thế nào, không biết rõ.

Đáp rằng: "Vợ tớ phía sau."
10 Khách rằng: "Năm tới cũng vào khoảng đây,
Chủ nhà sẽ có con trai."
Sa-ra nghe được bỗng quay mặt cười.
11 Nghĩ thầm mình đã già rồi,
12 Còn đâu cái chuyện vui đời tử tôn.
13 Khách rằng: "Già há chẳng con,
14 Với *quyền* Thượng đế đâu còn khó khăn.
Đừng cười, năm tới sang thăm,
Nhà *này* vui vẻ được thằng bé trai."
15 Sa-ra: "Đâu dám cười ngài,
Cúi xin hỉ xả, trí ngây người đời."

*

16 Khách thần sau đó đã rời,
Lộ trình nhắm hướng vùng trời Sô-đông.
Ra-ham hiếu khách tiễn *chân*.
17 Khách rằng không lẽ giấu ông việc *này*.
18 Vì ông, dân lớn tương lai
Cả và thiên hạ nhờ đây phước lành.
19 Vì ông cư xử công bằng
Nhất tâm hành đạo theo *đường* lễ nhân,
Trời cao phán hứa bao lần,
Sẽ cho ứng nghiệm dưới trần không sai.

*

20 Sô-đông thành phố vui say,
Trà đình, tửu quán, gái trai dâm loàn.
21 Mảy may nhân tính không còn,

Đến giờ xét đoán thiệt hơn thể nào.
22 Khách thần vừa dứt mấy câu,
Ra-ham bước đến đặt mau vấn đề[a]:
23 Kẻ lành, người dữ chung kề,
Một phen tiêu diệt não nề xiết bao!
24 Nếu thành, năm chục đạo cao,
25 Há Trời chẳng có lòng nào buông tha ?
26 Đúng như lời đã đặt ra,
Đạo cao năm chục, bỏ qua tức thì.
27 Nếu như chẳng được số ni,
28 Bốn lăm xét được duy trì *lệnh* chăng ?
Như thành, lành được bốn lăm,
Trời tha tất cả bình an sống còn.
29 Giả như có bốn chục trơn,
Tru di *lệnh* ấy có ngừng được không ?
Bốn mươi, Trời cũng dủ lòng,
Vì là đức trọng, phép công phải nhường.
30 Nếu có ba chục thiện *nhân*,
Thì là số phận Sô-đông thế nào ?
Ba mươi người đạo đức sâu,
Lòng Trời quảng đại lẽ đâu phụ phàng.

---

[a] Sự thắc mắc của Abraham về kẻ lành người dữ bị chung một số phận, thì lòng nhân lành và phép công thẳng của Thiên Chúa sẽ giải quyết cách nào cho hợp lý. Và Khách thần đã giải đáp rành mạch.

31 Nếu còn hai chục người lành,
Trời cao có thể thi hành phép công ?
Hai mươi biết trọng *nghĩa nhân*,
Dĩ nhiên kéo được lòng thương của Trời.
32 Một lời hỏi chót của tôi:
Nếu chỉ mười người có được tha chăng ?
Có mười đạo nghĩa trung cang
Thì Trời tha phạt cả thành yên vui.
33 Mấy câu thảo luận qua rồi[a],
Ra-ham về trại, Khách trời biến đi.

[a] Abrabam đã được giải đáp đầy đủ, nhận thấy rõ một kẻ lành cũng cứu được cả xóm khỏi nạn tai.

Đoạn XIX

LỬA CHÁY DÂM THÀNH
GỐC HAI DÂN TỘC

1 Hoàng hôn vừa phủ thành trì,
Lộc-công[a] nhìn thấy hai vì nam nhân.
2 Vội vàng thủ lễ ân cần,
Xin mời quí khách quá chân vào nhà.
Nghỉ ngơi, mai nối[b] đường xa,
Khách rằng ngoài phố tạm qua đêm *này*.
3 Lộc-công thành thật van nài,
Khách bèn đổi ý theo ngay chủ vào.
Bữa cơm thịnh soạn bưng hầu,
Cảm thông chủ khách trong bầu[c] thân yêu.
4 Canh hai nghe có tiếng kêu,
Đàn ông đông đảo nói nhiều dâm ngôn.
5 Có hai vị khách chiều hôm,
Mời ra có chuyện, biết khôn liệu hồn.

---

[a] Lộc công: ông Lót (Loth)
[b] Mai nối: ngày mai còn tiếp tục đi xa.
[c] Bầu không khí thân mật, hiểu biết nhau.

6 Lộc-công lời lẽ ôn tồn:
7 Phô ông[a] miễn thứ, khách còn đi xa.
8 Nếu cần đến chuyện trăng hoa,
Tôi cho hai gái để mà giúp vui[b].
9 Bọn kia xài xể tơi bời:
Nào quân kiều ngụ mở lời dạy ai.
Coi chừng kẻo chết uổng thây
Chúng bèn xông đến vung tay bạo hành.
10 Khách liền kéo *Lộc*[c] vào nhanh,
11 Còn làm cho chúng quáng manh như gà.
Quơ tay mò cửa vào nhà,
Nhưng rồi lạc hướng, thế là chúng tan.

*

12 Khách bảo *Lộc* gọi thân nhân,
13 Hợp nhau di tản vì thành hỏa thiêu.
14 *Lộc* cho rể biết mọi điều,
Chúng cười bố vợ bày nhiều dị đoan.
Thành trì bền vững muôn năm,
Lẽ đâu có chuyện điêu tàn ngổn ngang[d].

*

15 Tiếng gà vừa mới gáy tan,
Khách gọi: *Lộc*, vợ, hai nàng tiểu thơ.

---

[a] Phô ông: Các ông.
[b] Lòng hiếu khách của ông Loth nặng hơn tình phụ tử.
[c] Lộc: ông Loth (ông Lót, Lộc công).
[d] Không ai có thể tin được, vì thành phố đang vững chắc, chính quyền đang hùng mạnh, dân cư đang sung túc, vui chơi, và lại bên ngoài không có giặc, thì sao xảy ra nạn cháy thành.

Giục đi, nhưng họ chần chờ,
16 Khách lôi tất cả: nguy cơ đến rồi.
17 Thẳng đường lên núi cho xuôi,
Đừng quay nhìn lại chết tươi khốn nàn.
18 Lộc rằng: 19 Miền núi gian truân,
20 Dám xin tá túc tiểu thành[a] gần đây.
21 Được rồi, tất cả đi ngay,
Lộc xin, Trời cũng nương tay cho thành.
22 Cả nhà hối hả bôn hành,
23 Nắng cao, Lộc đã đặt chân vào thành[b].
24 Tức thì mưa lửa diêm sanh,
Khắp miền châu thổ tan tành ra tro.
25 Sô-đông và cả Gò-mô[c],
Dân cư, dinh thự như lò diệm sơn.
26 Vợ Lộc ngoái cổ lại dòm,
Trở thành tượng muối chồng con rụng rời !
27 Ra-ham vừa rựng *chân* trời,
Đứng nhìn về phía núi đồi Sô-đông,
28 Bừng lên khói lửa đỏ lòm,
Dần dần ngùn ngụn khắp vùng Gò-mô
Khác nào lò lửa quá to
Đất miền sầm uất ra tro điêu tàn.
Vì Trời cảm nghĩa Ra-ham,
Nên gia đình Lộc thoát phần đại hung.

---

[a] Một thành phố nhỏ lân cận Sô-đông, tức là thành Segor.
[b] Chạy vào thành phố nhỏ gần đó.
[c] Sô-đông: Sodoma, Gò-mô: Gomorrhe.

*

30 Thấy cơn tàn phá hãi hùng,
Tiểu thành Lộc bỏ, chạy cùng hai con[a].
Chui vào hang đá trên non,
31 Buồn thì uống rượu quên cơn kinh hoàng.
Đêm nằm mộng thấy giàu sang.
32 Được vua kêu gả một nàng mỹ nhân.
33 Vu sơn đùa cợt gió trăng,
Sáng ra uống rượu tâm can đỡ sầu.
34 Mộng về lại thấy đêm sau,
35 Có nàng công chúa đến hầu một bên[b].
Hết lời ân ái trao duyên,
Mây mưa chốc đã trăng lên bên thềm.
Giật mình thấy cảnh buồn thêm,
Thành xưa cao lớn hóa miền hoang vu.

*

36 Lần lần xuống núi sinh cư,
Hai cô con gái cần cù làm ăn.
37 Chị thì sinh một trưởng nam
Đặt tên Mô-áp[c], nhận làm tông cha[d].

---

a Vì thấy đại nạn dữ dằn, Loth và hai đứa con gái kinh khiếp quá, sợ thành phố nhỏ mình đang ẩn lánh bị vạ lây, nên kéo nhau lên núi trốn.

b Từ câu 30 đến câu 35, người xưa viết theo lối thần thoại mà người Á đông quen dùng trong văn chương. Nhiều người dựa theo đấy lên án tác giả viết sai Kinh thánh. Xét ra đây loại sách giới thiệu Kinh thánh, hơn là để nghiên cứu học hỏi.

c Mô-áp: Moab, Bản cũ gọi là Mông-á: *Chị thì sinh một trưởng nam Đặt tên Mông-á, nhận làm tông cha.*

d Lấy họ của cha, tức là ông Loth.

38 Em thì một trật khai hoa,
Cũng sinh nam tử gọi là Am-môn[a].
Cả hai Lộc nhận làm con,
Về sau thi tổ hai dòng dân đông.
Dân Mô-áp[b], dân Am-môn[c],
Sinh cư lập nghiệp khắp vùng Ca-nan.

---

[a] Am-môn: Ammon, bản cũ gọi là Hoành-môn: *Em thì một trật khai hoa, Cũng sinh nam tử gọi là Hoành-môn.*

[b] Dân Moabites. Dân Mông-á.

[c] Dân Ammonites. Dân Hoành-môn.

Đoạn XX
BẠO QUYỀN MÃ-LIỆT
LÒNG ĐẠO RA-HAM

1 Ra-ham di chuyển mạn nam,
Cao đê[a], Xuyên địa[b] thuộc phần Diên-la[c].
2 Có vua Mã-liệt[d] hào hoa,
Nghe đồn thiếu phụ Sa-ra chưa chồng.
Ra-ham em gái của ông,
Nên ra *lệnh* bắt cho phòng thêm hoa.
Làm vua chỉ biết đàn bà,
3 Trong đêm nằm mộng, hiện ra vị thần:
"Hôn quân chớ khá đến gần
Đàn bà ngươi bắt, khốn nàn cho ngươi.
Thiếu phụ đã có chồng rồi,
Hậu hôn cưỡng ép luật trời tru di."
4 "Lạy Trời mở lượng từ bi
Nỡ nào hủy diệt dân ni cho đành.

---

[a] Cao-đê: Vùng đất Cadès.
[b] Xuyên địa: Đất Sur.
[c] Diên-la: Vương-quốc Gérare.
[d] Mã-liệt: Vua Abimélech trị xứ Gérare.

Ra-ham tự nhận là anh,
5 Xưng em chính miệng của nàng nói ra.
Tôi không ép liễu nài hoa
Chưa chồng thì cưới người ta thường làm."
6 Trời rằng tình, lý không gian[a],
Nên cho ngươi biết kẻo mang tiếng đời.
7 Vợ ai đem trả cho người.
Bằng không gia tộc của ngươi điêu tàn.
Ra-ham là *bậc* hiền nhân,
Để ông cầu khẩn giải nàn cho ngươi.

*

Nửa đêm 8 Mã-liệt cho đòi,
Hoạn quan các cấp thuật lời chiêm bao.
Mọi người khiếp sợ đồng tâu:
"Chiếu theo thiên lệnh[b] phải mau thi hành.
9 Lại cho người thỉnh Ra-ham,
Trách rằng sao nỡ hại dân xứ *này*,
Tại sao ông chẳng nói ngay,
Phu thê đạo trọng, ở đây công bằng?"
11 "Tâu vua, tôi vẫn ngờ rằng:
Ở đây vô đạo bất tuân *lệnh* Trời.
Tấm thân kiều ngụ như tôi,
Dám nào oán ghét, bày lời nói ngoa.

---

[a] Vua Mã-liệt tuy có tình có lý, nhưng thiếu sự dò xét, điều tra cẩn thận, xử sự cách nông nổi, nên mới có sự can thiệp của Đấng hằng phù hộ Ra-ham.

[b] Mọi người đều xác nhận sự can thiệp này là do Trời, nên bất cứ giá nào cũng phải y *lệnh*.

Nơi đâu biết trọng chính tà,
Thì điều chân thật mới là đáng nêu[a]
12 Vả chăng, tôi chẳng đặt điều,
Vợ tôi, họ máu gần nhiều với tôi,
Một cha khác mẹ mà thôi,
Trong tình chăn gối, ngoài thời anh em.
13 Tha phương cầu thực nhiều miền,
Đến đâu cũng giữ một niềm đệ huynh."
14 Mã liệt nghe rõ sự tình:
Vợ đâu chồng đó gia đình hợp nhau.
l5 Đất này tùy thích ở đâu,
Thì xin tự tiện, lấy câu dĩ hòa.
Ra-ham, súc vật trao qua[b]
Gọi là giúp vốn, trên đà sinh nhai.
16 Sa-ra, ngàn bạc trao tay[c],
Gọi là che mắt, việc *này* thông qua.
17 Kể từ Mã-liệt gây ra
Cái điều ngang trái[d] cả nhà mang tai.
18 Trời cho tuyệt tự lâu dài,
Ra-ham cầu khẩn vạ *này* được tha.

---

[a] Abraham nói có lý: Xã hội nào phân biệt chính tà thì ở đó chân lý mới được tôn trọng; ngoài ra, sự thật dù có rõ ràng đến đâu, người ta cũng chẳng tôn trọng. Họ chỉ biết tàn bạo, võ lực là hơn cả.

[b] Vua Mã-liệt tặng cho Abraham một số chiên cừu cho êm việc.

[c] Mã-liệt tặng cho Sa-ra một số tiền để lòe mắt kẻ khác, tỏ ra mình là quân tử biết điều.

[d] Ngang ngược và trái lẽ là đoạt vợ kẻ khác.

Đoạn XXI

XUA ĐUỔI ỨC-MIÊN
TIỆC MỪNG I-GIÁC

1 Mấy mùa xuân đã trải qua,
Những điều Trời hứa cho nhà Ra-ham,
2 Thì nay đến lúc thực hành,
3 Sara sinh một trẻ nam nối dòng.
Vui trong cảnh xế vợ chồng[a].
Đặt tên I-giác, cầu mong đắc thành.
4 Cắt bì, bát nhật cử hành,
5 Ra-ham vừa chẵn một trăm tuổi đầu.
6 Sa-ra cảm nghĩa thiên mầu,
Một niềm vui lớn phủ bao khắp vùng.
7 Nào ai son sẻ lạnh lùng,
Già nua mà đã sinh con cho chồng.

*

8 Tam niên nhũ bộ, ẵm bồng,
Tới ngày dứt sữa, tiệc mừng dọn ra.
9 Ích-manh, I-giác trong nhà,
Một cha khác mẹ thuận hòa anh em.

---

[a] Xưa có câu hát: "...Vợ chồng già mà sinh con muộn, Của trời cho lo hưởng là vừa."

10 Sa-ra đem dạ hờn ghen,
Bảo chồng hãy đuổi, kẻo phiền về sau.
Ích-manh thừa kế làm sao,
Vì là mẹ nó nàng hầu mà thôi.
11 Ra-ham nghe nói rụng rời,
12 Nhưng sau được rõ ý Trời cân phân:
I-giác chính thức được phần,
Tông đường nối dõi Ra-ham muôn đời
l3 Ích-manh cũng được phước trời,
Trở nên dân tộc đắc thời vinh quang.
Sa-ra đã có lời bàn,
Thì nghe theo đó cho an cửa nhà[a].

*

14 Canh năm còn rộn tiếng gà,
Ra-ham đã gọi A-ga khuyên rằng:
Hãy tìm xứ khác làm ăn
Đem con đi với ủi an lúc buồn,
Đây bánh và nước lên đường,
A-ga nhận lấy, mẹ con khởi hành.
15 Mấy ngày rừng núi loanh quanh,
Của ăn đã cạn, phải đành chết thôi.

---

[a] Có câu nói xưa:*"Người ta thì tính nước liều, Biết đâu cái rủi có nhiều cái may".* Nói lên bàn tay của Trời ở đâu cũng có, luôn luôn thực hiện song song với công việc loài người. Đời trước có câu na ná trường hợp này: *"Nhân sự bày ra cái dại, Thiên cơ sửa lại thành khôn".* Đời làm vô lý, nhưng Trời làm có ý nghĩa hay.

Dỗ con ngủ dưới triền đồi,
A-ga lẻn trốn đi ngồi nơi xa.
16 Nặng tình mẫu tử chan hòa,
Thà rằng khuất mặt hơn là thấy con,
Đói ăn kêu khóc chết mòn:
Trời ơi có thấu đoạn trường *này* chăng.
17 Bỗng nghe có tiếng ủi an
A-ga cố gắng bảo toàn trẻ thơ.
Một tay lỗi lạc giang hồ,
Vì là định mạng, thiên cơ sau *này*.
18 Tung hoành dũng tướng đó đây,
Lập nên nghiệp bá trí tài có dư.
A-ga hiểu rõ thực hư,
19 Tử sinh hữu mạng, sinh cư có Trời[a]
Mẹ con tìm đến một nơi,
Trái ngon, suối ngọt tạm thời yên thân.
20 Ích-manh thêm tuổi, thêm gan,
Một tay thiện xạ, rừng xanh anh hùng.
21 Pha-lăng[b] cư ngụ sau cùng,
Ích-manh cưới vợ, con dòng Giếp-tô.

*

22 Thủa ấy có tướng Phàn-cơ[c],
Cùng vua Mã-liệt rời đô vi hành.

---

[a] Xưa có câu ca đao: "Hỏi ai không có số trời, Nếu ai không có, làm người được không?” Ở đây, thấy có định mạng, nhưng định mạng không phải vô ý thức, mà do đức độ của Abraham tác thành trong định mạng Ích-manh.

[b] Pha-lăng: vùng sa mạc Pharan,

[c] Phàn-cơ: Phicol, võ tướng của Mã-liệt.

Đến vùng kiều ngụ Ra-ham,
Hai bên gặp gỡ luận bàn sống chung[a].
23 Rằng: Trời quyền lực giúp ông,
Trăm bang vạn sự ngoài trong phú cường.
Chúng ta giao hảo đôi đường,
Không ai xâm lấn ruộng vườn của ai.
24 Nếu ông chấp nhận việc này,
Nhân danh Thượng đế *quyền* oai, tuyên thề.
Ra-ham đồng ý vấn đề,
Nhưng còn mấy việc thuộc về dân vua.
25 Ỷ đông, cả lũ theo hùa,
Chiếm một giếng ngọt bốn mùa của tôi.
26 Mã-liệt tiếc sự đã rồi.
Mà không hay biết, sẽ bồi hoàn cho.
27 Ra-ham tặng số chiên bò,
Hai bên kết ước cùng lo thực hành.
28 Lại còn biếu bảy chiên xinh,
29 Mã-liệt thắc mắc, tình hình nghĩa sao ?
30 Xin vua hiểu rõ đuôi đầu,
Chứng minh rằng giếng tôi đào trước đây.

---

[a] Có câu tục ngữ: "Tách bước gặp đường cùng, Đi chung thì được sống." Ý nghĩa sống chung của người xưa là như thế. Nhưng trong trường hợp này, Mã-liệt, Phàn-cơ thấy thế lực Abraham quá mạnh, (vì có Trời hậu thuẫn), nên họ sợ bị đè bẹp; vì đó họ đến xin lập hòa, với ý "đồ dục hưỡn cầu mưu, chờ cho địch yếu mối thù đem ra ..."

31 Về sau tục gọi nơi *này*,
Biếc-sâm[a], có nghĩa cả hai ăn thề
32 Chỉ vì cái giếng năm kia,
Hai bên giao ước, tránh bề giết nhau.
33 Phàn cơ, Mã liệt lai trào,
Ra-ham vùng đó về sau lập vườn.
Vun trồng đại mộc dược thơm[b],
Kính danh Thượng đế ban ơn thăng bình;
34 Lâu năm ở Bá-lạc-đình[c],
Việc đời phát đạt, đức tin vững vàng.

---

[a] Biếc-sâm: Bersabée, có nghĩa là giếng thề, vì họ đã thề tôn trọng quyền lợi nhau, tại nơi giếng này.

[b] Mộc dược: một loài cây trồng dùng làm thuốc hay để cúng tế.

[c] Bá-lạc-đình: vùng đất Palestine, đất của dân Phiên-lịch (Philistin) đang sinh sống lập nghiệp.

Đoạn XXII
ĐEM CON HIẾN TẾ
DÒNG DÕI NÃ-KHÔI

[1] Đã bao xuân héo, thu tàn,
Ngày kia nghe gọi: Ra-ham đâu nào ?
[2] Tôi đây, bái vọng Trời cao.
Rằng đem I-giác đưa vào Thiên-san[a].
Sát sanh, hỏa tế trên giàn,
Đến nơi sẽ rõ lập đàn chỗ nao.
[3] Đang đêm chuẩn bị trước sau,
Củi thiêu, lương thực chất cao lưng lừa.
Gia nhân hai đứa cùng đưa,
Ra-ham, I-giác cũng thừa hành đi.
[4] Ba ngày trải bước sơn khê,
Gần nơi chỉ định bốn bề vắng tanh.
[5] Ra-ham căn dặn gia nhân:
Chờ đây cho đến khi hành sự xong.

*

[6] Đoạn thì tay lửa, tay gươm,
I-giác vác củi thẳng xông lên đồi.

---

[a] Thiên-san: núi Moriah, núi của Trời. Theo dân Giu-dêu tin nơi đó là chỗ A-dong *thủy* tổ, đã tế Trời trước *nhất*.

[7] Đang đi, I-giác mở lời:
Lửa củi sẵn rồi, vật tế ở đâu[a]?
“Rằng: Con chớ khá lo âu,
Trời cao sẽ liệu vật nào hy sinh.
Cả hai lẳng lặng hành trình,
[9] Đến nơi chỉ định dựng lên tế đàn.
Bắt I-giác trói tay chân,
Đặt lên đống củi, [10]Ra-ham gươm cầm[b].
[11]Bỗng nghe có tiếng can ngăn:
[12]Hãy dừng tay lại, lòng thành của ngươi,
Chứng minh đã thấu tai Trời.
Hy sinh con một, trên đời không hai.
[13]Ra-ham thấy giữa bụi gai,
Có con dê đực *loay hoay* vướng sừng.
Ông liền bắt nó trói *chân*,
Thế mạng I-giác, giết *dâng* tế Trời.
[14] Chỗ này danh gọi muôn đời
Tín trung chi địa, ngọn đồi kiến thiên[c]”
[15] Lại nghe thần khẩu nói lên:
Ra-ham đại tín vi tiên[d] trên đời.

---

[a] Lòng tin của Abraham đúng là thiết thạch. Tin không cần có lý luận, không cần dựa theo tình cảm. Tin vì Thiên Chúa quyền năng, không phải tin vì lợi ích của mình.

[b] Câu tục ngữ: "Hùm dữ chẳng ăn thịt con", mà ở đây, thái độ của Abraham quả là hi hữu, chỉ vì vâng lời Chúa trên tất cả, vượt tình phụ tử và lòng ích kỷ của con người.

[c] Nơi bày tỏ lòng thành tín cho Trời ngó thấy.

[d] Lấy sự tin tưởng làm to lớn, làm trước *nhất* mọi sự ở đời.

16 Luôn luôn tuân giữ lệnh trời,
Cho nên Thượng đế ban lời khánh ân[a].
Tương lai miêu duệ đại dân,
Đông như cát biển nhiều ngang sao trời[b].
Uy quyền vô địch hơn người.
17 Các dân thiên hạ muôn đời nhờ đây.
18 Mặt trời vừa ngã non đoài,
Đoàn người hợp lại vui say đường về.
20 Ra-ham nghe biết miền quê[c],
Nã-khôi[d] em một, bộn bề tử tôn.
21 Vợ lớn sinh được tám con,
Vợ nhỏ bốn gã, mẹ tròn con vuông.
22 Số này thì có Bồ-tuân[e],
Sinh ra Lan-bạch[f] sánh dường thiên hương.
23 Lớn lên mỗi gã một phương,
24 Lập nên dân tộc hùng cường A-ram[g].

---

a Ban lời lành, chúc lành.

b Một dân tộc lớn, đông đúc như cát dưới biển, như sao trên trời.

c Miền quê, tức là vùng đất Hà lâm (Haran) nơi thân phụ Abraham đưa cả gia đình đến lập nghiệp (St 11,27-29). Sau Abraham theo tiếng gọi của Thiên Chúa đã bỏ đây ra đi về miền Trà-nam (Chanaan).

d Nã-khôi: Nachor, em ruột Abraham vẫn ở lại Hà-lâm sinh sống.

e Bồ-tuân: Bathuel, một trong các con của Nã-khôi (Nachor).

f Lan-bạch: Rebecca, con gái của Bồ-tuân, cháu nội của Nã-khôi. Về sau Lan-bạch kết duyên với I-giác, con của Abraham (St 24,50-67).

g Theo cổ sử thì con cái Nã-khôi là *thủy* tổ dân A-ram (Araméen).

Đoạn XXIII
SA-RA QUA ĐỜI
RA-HAM DỰNG MỘ

1 Gió thu hiu hắt lá vàng,
Sa-ra đã chết tại thành An-buông[a].
Một trăm hăm bảy hưởng dương,
Ra-ham mến tiếc, gia *nhân* tang sầu.
Ông xin tộc trưởng Hạc châu[b]:
Tôi dân kiều ngụ bấy lâu vùng *này*,
Giúp tôi miếng đất ở đây,
Để làm phần mộ, ơn này ghi tâm.
Họ rằng: ông *bậc* chân nhân,
6 Là người Thượng đế bảo toàn cách riêng.
Mộ phần cố sẵn trong miền,
Vậy ông tùy chọn, khỏi phiền đến ai.
7 Ra-ham đáp lại: “Quí ngài,
8 Hảo tâm dường ấy, tôi đây niệm lòng.

---

a An-buông: thành Arbée trong vùng đất Hữu-phong (Hébron) nơi thung lũng Mạc-linh (Mambré) đất Trà-nam (Chanaan) nơi Abraham đã cư ngụ (St 13,18).

b Hạc-châu: bộ lạc Heth.

9 Nói giùm bá hộ Hiệp long[a]:
Nhường tôi mộ địa, tiền nong đền bồi."
10 Hiệp long giữa đám đông người,
Rằng: "Tôi với bác đừng lời bán buôn.
11 Sẵn đây đất mộ tặng không,
Nhân tình mới quí của hòng bao nhiêu."
12 Ra-ham: "Ông tốt bụng nhiều,
13 Nhưng tiền phải trả là điều tôi van."
14 Hiệp long: "Mảnh đất mộ phần,
15 Bốn trăm đồng bạc sao bằng tương thân."
16 Ra-ham: "Ngoài việc nghĩa nhân,
Còn về tiền bạc công bằng mới an."
Nói xong chồng đủ bốn trăm[b],
Đông người chứng kiến, dân làng Hạc châu.
17 Đất này có cội cây cao,
10 Có đôi hang đá, hoa màu chung quanh.
Ra-ham làm chủ đành rành,
Nghìn thu an nghỉ mộ phần Sa-ra[c].

---

a Hiệp-long: tức là Ephron, người giàu có ở vùng *này*, được dân tình kiêng nể.

b Abraham không muốn nhờ ai, có tiền thì cứ mua sòng phẳng, về sau con cháu hai bên không xảy ra tranh chấp khó lòng.

c Nơi *này* đã trở nên nghĩa trang vĩnh viễn của dòng dõi Abraham, nơi đây đã an táng các tổ phụ: Abraham, Isaac và Jacob (Bá-lâm, I-giác và Gia-cước...) Xin xem đoạn 49 câu 30-32. (St 49,30-32)

Đoạn XXIV

NHỜ TAY LÃO BỘC
LAN-BẠCH HỢP DUYÊN

1 Đường trần kẻ lại người qua,
Tháng ngày chất nặng tuổi già Ra-ham
Sống trong lộc thưởng Trời ban,
Người xa mến phục, kẻ gần kính tôn,
2 Vả chăng I-giác thành *nhân*,
Bèn kêu lão bộc[a] tận trung, dặn dò:
3 “Nay bề gia thất phải lo,
Thề cùng Thượng đế giúp cho rõ ràng,
Chẳng hề cưới gái Trà-nam,
Nơi mình cư ngụ, 4 hãy sang quê nhà,
Tìm trong thân tộc của ta,
Một trang thiếu nữ nết na, đạo dòng.”
5 Rằng: “Nàng nếu chẳng theo chồng,
Thì đem I-giác về cùng được chăng?”
6 “Đừng đem nó tới quê nàng,
7 Vì *rằng* Thượng đế đã ban xứ *này*

---

[a] Lão bộc: người tôi tớ trung tín giúp chủ nhà đến tuổi già, được tín nhiệm phú thác mọi việc quan trọng trong nhà.

Nên ta lìa tổ đến đây,
Vậy Trời lo liệu dịp may cho mình.
8 Dầu sao cũng phải thật tình,
Không đem I-giác đăng trình nơi đâu."
9 Nghe qua lão bộc cúi đầu,
Quyết theo lời chủ, trước sau chu toàn.
10 Mấy ngày xếp đặt hành trang,
Lạc đà một chục, gia nhân tùy tùng,
Chở đầy lễ vật cầu hôn,
Trẩy theo sạn đạo[a] qua vùng Mạch-tam[b].

*

11 Trăng non rồi lại trăng rằm,
Đoàn người cắm trại nghỉ gần giếng trong.
Mỗi ngày vào lúc hoàng hôn,
Từng đoàn phụ nữ dập dồn tới đây.
Đua nhau gánh nước về xài,
12 Lão bộc thầm nguyện bàn tay nhiệm mầu:
13 Giúp cho biết thiếu nữ nào,
Mà Trời duyên định làm dâu chủ nhà,
14 Gặp nàng tôi sẽ thốt ra:
Cho tôi uống nước, lạc đà, gia nhân.
Nàng nào vui vẻ sẵn sàng,
Đó là đặc điểm Trời ban, tôi tường.

*

---

[a] Sạn-đạo: đường đá xuyên qua các triền đồi.

[b] Mạch-tam: Mésopotamia, vùng Lưỡng hà giữa Tích-giang (Tigris) và sông Uông-phát (Euphrate) nơi Nã-khôi (Nachor) em ruột Abraham lập nghiệp.

15 Tới lui mấy lượt má hường,
Có người con gái khiêm nhường nết na.
Cũng đang gánh nước về nhà,
17 Lão bộc đón lại, nói qua mấy lời:
“Xin cô thí nước cho tôi,
Lạc đà và cả đoàn người của tôi.”
Nghe xong 18 cô gái tươi cười,
Lẹ làng giúp đỡ như lời đã xin.
19 Nhọc nhằn chẳng nệ công linh,
20 Giếng sâu múc nước xuống lên mấy lần.
21 Đây rồi, giai ngẫu thiên thành[a]
22 Thế là lão bộc đến gần hỏi thăm:
23 “Dám nào cho biết quí danh,
Đêm nay xin trọ, gia trang thể nào ?”
Tiếng oanh đáp lại ngọt ngào:
24 “Tôi là Lan-bạch tuổi đầu đôi mươi,
Bồ-tuân thân phụ của tôi,
Cũng là cháu nội Nã-khôi vùng *này*.[b]
25 Nhà tôi rơm cỏ dư đầy,
Có nơi rộng rãi vườn cây diềm đà."
26 Lão bộc cẩn thận đưa ra,
Nữ trang, kim xuyến, gọi là đáp ân.
27 Ơn trời đãi ngộ Ra-ham,
Dắt tôi đến thẳng thân nhân chủ mình.

*

---

[a] Do câu nói: "Giai ngẫu tự thiên thành, lương duyên do túc đế"
[b] Lan-bạch: Rebecca, Bồ-tuân: Bathuel, Nã khôi: Nachor.

20 Về nhà, Lan-bạch thưa trình,
Cho cha mẹ biết sự tình xảy ra.
29 Lã bàng[a], anh ruột nghe qua,
Thấy em vòng xuyến nhũm nha rỡ ràng,
30 Liền đi ra giếng vội vàng,
Gặp ngay lão bộc, hỏi han, thỉnh về:
31 “Bác, người Thượng đế chở che,
Ghé qua nhà cháu, mọi bề khỏi lo.
Sách trời[b] tiền định ai ngờ,
Bao năm xa cách, bây giờ gặp nhau."
32 Lão bộc cảm tạ, theo sau,
Đến nơi, gia chủ tiếp vào gia trang.
Lạc đà và các tùng nhân
Nơi ăn, chỗ ở, sẵn sàng nghỉ ngơi.

*

33 Hàn huyên trao đổi rộn lời,
Cỗ bàn đã dọn, chủ mời điểm tâm.
Lão bộc từ tốn phân trần:
Trước khi cầm đũa, tôi cần trình qua.
Bồ-tuân: xin cứ nói ra.
34 Lão bộc thuật lại việc nhà Ra-ham.
“Kể từ dấn bước phong trần[c],
35 Thiên thời, địa lợi, nhân tâm có thừa[d].

---

[a] Lã-bàng: Laban, anh ruột của Lan-bạch.

[b] Sách trời: sự may mắn lạ lùng do chương trình Thiên Chúa đã qui định trong sổ bộ của trời đất.

[c] Ngày Abraham mở cuộc phiêu lưu mạo hiểm, theo tiếng Thiên Chúa hứa ban đất mới.

[d] Abraham đi đâu cũng có Thiên Chúa phù hộ (thiên thời), gặp đất phì nhiêu làm ăn phát đạt (địa lợi), thổ dân mỗi địa

Cuộc đời dầu gặp gió mưa,
Bàn tay Thượng đế giúp chưa lâm nàn.
[36] Về già được phước khang an,
Sa-ra sinh được một trang anh tài,
Thật là đẹp mặt nở mày,
Quí danh I-giác, hôm nay trưởng thành.
[37] Vì không chọn gái Trà-nam,
[38] Phái tôi trách nhiệm tiến sang quê nhà.

*

[39] Ra đi, tôi nguyện thiết tha,
[40] Mong Trời cho biết ai là đáng dâu[a].
[41] Và đây đặc điểm yêu cầu,
[42] Gái nào thí nước lại giàu từ tâm.
[41] Biết bao thiếu nữ trong đàn,
Nhưng chỉ có nàng Lan-bạch giúp tôi.
[42] Quả nhiên nhận đúng ý Trời,
[46] Tôi trao vòng xuyến vàng mười đáp ân.
[47] Biết ra là cháu Ra-ham,
Lương duyên tiền định, xích thằng đã xe.
[48] Mấy điều gia chủ vừa nghe,
[49] Tôi xin lãnh ý phán phê thế nào."
[50] Bồ-tuân nghe rõ đuôi đầu,
Rằng: "Ai dám cưỡng ý cao thiên đình[b]."

---

phương đều mến phục nể nang (nhân tâm).

[a] Xứng đáng làm vợ con trai độc *nhất* của chủ, đẹp lòng cha mẹ bên chồng.

[b] "Duyên ai nấy gặp, tráo chác thêm phiền".

Lã-bàng cũng biểu đồng tình,
[51] Gả nàng Lan-bạch, tác thành lứa đôi.
[52] Lão bộc quì gối tạ Trời,
Đã cho mọi sự xong xuôi, tốt lành.
[53] Đoạn trao gấm lụa, vòng vàng,
Để làm sính lễ và phần tặng riêng,
Mẹ cha và các anh em,
[54] Mọi người vui vẻ, yến diên đậm đà.

*

[55] Hôm sau lão bộc thưa qua:
"Chúng tôi về gấp, bên nhà chủ trông."
Đàng gái: "Xin bác cảm thông,
Nán lại vài bữa vui cùng thôn lân[a].
Để cho Lan-bạch rảnh rang,
Giã từ bè bạn rồi sang nhà chồng."
"Trình rằng: "Hôn lễ đã xong,
Dầu cho lưu lại cũng không thêm gì."
[57] Đàng gái: "Nếu gấp vu qui,
Xin hỏi Lan-bạch chịu đi hay là ... ?"
[58] Cô dâu, sau đó mời ra.
Nàng thưa: "Phận gái mẹ cha định rồi,
Thì con cũng phải theo người,
Tùy nghi định đoạt cho xuôi hành trình."
[59] Thế là đàng gái thuận tình,
Cho theo bà vú giữ gìn cô dâu.

---

[a] Thôn lân: láng giềng trong thôn (chú thích của Tủ sách Nước Mặn).

Kẻ đi, người ở nhìn nhau,
60 Dặn dò, gởi gắm vài câu chúc lành,
Chúc nàng thượng lộ bình an,
Tam đa[a] ngũ phước[b] rỡ ràng tông môn.
61 Lạc đà tuần tự rời *chân*,
Ngậm ngùi Lan-bạch, quê hương khuất dần.
62 Ngày qua đêm lại, trăng tàn,
Một hôm I-giác rỗi rang việc nhà.
63 Xế chiều ngắm cảnh đi ra,
Trời tây thấy bóng lạc đà rảo *chân*[c].
Chàng trai lẳng lặng đứng trông,
64 Từ xa, Lan-bạch thấy lòng lâng lâng.
65 Đến khi đoàn vật dừng chân,
Vội vàng xuống hỏi lão nhân người nào ?
Rằng người đứng đón cô dâu,
Ấy là chàng rể, con cầu[d] Ra-ham.
Nàng liền vội vã che khăn.
66 Lão bộc trình lại việc làm xảy ra.
Cả đoàn lục tục về nhà,
67 Chàng, nàng hạnh phúc, gấm hoa dệt đời.
Nỗi buồn mất mẹ qua rồi,
Từ đây I-giác một thời bình yên.

---

[a] Tam đa: lời chúc của người xưa: đa tử, đa tôn, đa phú quí; tam đa nhập trạch đa gia đa.

[b] Ngũ phước: lời chúc của người xưa: phước lộc thọ khương ninh; Ngũ phước lâm môn phước thêm phước.

[c] Thấy bóng dáng đoàn lạc đà từ phía Mạch-tam (Mésopotamie) trở về.

[d] Người con cầu con khẩn của gia đình Abraham, đến trăm tuổi mới thấy kết quả.

Đoạn XXV
MỘT CẶP SONG THAI ÁN-GIAO, GIA-CƯỚC

Ra-ham sau đó tục huyền[a],
Sa-thư[b] lần lượt sinh thêm sáu chàng[c]:
2 Giang-lân, Việt-sở, Mạc-đằng,
Mã-điền, Dực-bảo, Xuân-ân cuối lòng.
3 Người nào mưu lược cũng thông.
Phát minh lục nghệ, vun trồng bá vương[d].
4 Mã-điền hùng cứ *nhất* phương[e],
Một dân tộc lớn, biên cương rộng dài.
5 Ra-ham phân phối gia tài,
I-giác sản nghiệp trong tay kế thừa,

---

[a] Sara qua đời, sau đó Ra-ham cưới một bà nữa.

[b] Sa-thư: Céthura.

[c] Tên những người con của Abraham: Giang-lân (Zanũran), Việt-sở (Jacsan), Mạc-đằng (Madan), Mã-điền (Mađian), Dực-bảo (Jesboc) và Xuân-ân (Sué).

[d] Người nào cũng sinh con cháu đầy đàn và phát minh nhiều ngành nghề, có người cũng theo chính trị tranh bá đồ vương.

[e] Những người con *này*, chỉ có Mã-điền nổi tiếng *nhất*, lập thành một dân lớn chiếm một vùng, dân Madianiste, ở phía đông Hồng hải (Biển đỏ). Chính vị anh hùng lập quốc của dân Giu-dêu là Mao-tôn (Môsê) đã tá túc với cha vợ là vương hầu xứ Madian. (Xem Lập-quốc kinh, Exodus)

6 Các con vợ thứ chẳng thua,
Vàng thoi bạc nén, chia vừa lòng nhau.
Đông phương khai thác hoa màu,
Nhờ đức tổ phụ sang giàu hơn ai.

*

7 Tuổi già chất nặng lên vai
Ra-ham hạc thọ đến ngày tử qui.
8 Trăm bảy lăm tuổi sinh thì,
9 Ích-manh, I-giác lo bề phát tang.
Cháu con hành lễ động quan,
10 Đưa về chôn kế mộ phần Sa-ra[a].
Cũng là phần đất chủ gia,
11 Ngày xưa đã tậu của nhà Hiệp-long.

*

12 Đoạn này nhắc lại con dòng[b],
Ích-manh, càng lúc càng đông thạnh hành.
13 Mười hai nam tử trưởng thành,
14 Trổ tài tế thế mở mang cõi bờ.
15 Người thì sản nghiệp ấm no,
16 Kẻ thì quyền thế cơ đồ khuyếch trương.
Nhờ nơi phúc đức tông đường,
Ông bà đạo nghĩa, cháu con sang giàu.
17 Ích-manh tuổi thọ đã cao,
Một trăm hăm *bảy* đi vào cõi âm.

---

[a] Xem lại đoạn 23 (St,10-19]
[b] Đoạn *này* từ câu 12 đến 16, thầy cả Lữ Y Đoan ghi tổng quát những đại ý về dòng dõi Ismael.

Đã từng khai thác giang san
Giếp-tô tiếp giáp đến phần Á-xuyên[a].

*

19 Cuộc đời I-giác kể thêm,
20 Bốn mươi cưới vợ ở miền Mạch-tam.
Từ khi kết nghĩa sắt cầm,
2l Buồn thương Lan-bạch, vì nàng muộn con.
Đêm cầu Thượng đế ban ơn,
Cho cây sinh quả, cho vườn lên hoa.
Trăng non mấy lượt trăng già,
Niềm vui Lan-bạch phước đà dựng thai.
22 Nhưng rồi cảm thấy châu mày,
Vì thai trong dạ nhiều ngày tông nhau.
Than rằng nếu phải đớn đau,
Thà cho son sẻ bề nào cũng hơn.
23 Nàng cầu Thượng đế khoan *nhân*,
Bỗng nghe cảm ứng[b] khuyên lơn mấy lời.
Có hai dân tộc đồng thời,
Từ trong dạ mẹ mở ngòi tranh nhau.
Thời gian ráo riết đương đầu,
Anh trước xếp giáp, em sau thắng đài.

---

[a] Vùng đất của dòng Ismael rộng lớn từ biên giới Ai-cập tới Assyrie.

[b] Cảm ứng: thuật ngữ của Lão giáo, cầu nguyện có linh thì được thần đối ứng lập tức. Ở đây, Rebecca được Thiên Chúa soi sáng cho hiểu biết về tình trạng bào thai mình đang mang gặp nhiều đau đớn.

*

24 Đến ngày sinh nở song thai,
25 Đứa trước vạm vỡ, lông dày đỏ au,
Cho nên danh gọi Án-giao[a],
Đứa sau nắm cẳng đứa đầu kéo lui.
Đặt tên Gia-cước[b] kịp thời,
26 Có con, I-giác tuổi đời sáu mươi.

*

27 Mấy mùa xuân đã dần trôi,
Án-giao, Gia-cước quá thời ấu nhi.
28 Án-giao trong tuổi đang thì,
Rành tay săn bắn, giỏi nghề ruộng nương.
Gia-cước vui cảnh gia đường,
Chăm nom chuồng trại, đảm đương việc nhà.
29 Án-giao vốn được lòng cha,
Gia-cước được mẹ thiết tha đỡ đần.
29 Một hôm Gia-cước rảnh rang,
Nấu cháo đậu đỏ toan ăn một mình.
30 Đi săn về đến thình lình,
Án-giao đói mệt bèn xin em rằng:
“Múc cho tô cháo, anh ăn.”
31 Đáp: “Anh nhường chức trưởng nam được nào?”
Án-giao quá đói càu nhàu:
32 Cho ăn cái đã, đổi trao hề gì!

---

a Án-giao: Esau.

b Gia-cước: Jacob. Bản của Phan Văn Cận viết Da-cước; Trần Hớn Xuyên ghi lại Gia-cước. Cước cũng có nghĩa là *chân* (cẳng).

33 Vậy, anh nếu muốn, thề đi,
Án-giao phát thệ, sá chi trưởng quyền.
34 Ở đời dĩ thực vi tiên
Không cần phải quấy, chẳng phiền thiệt hơn.
Chuyện này sau đó tiếng đồn,
Án-giao bị gọi Đỗ-công[a] khắp vùng.

[a] Đỗ-công: Edom, Chữ edom có nghĩa đậu đỏ, người thời đó dùng mỉa mai Án-giao vì tham ăn chén cháo đậu đỏ mà phải đóng vai em. Có lẽ thầy cả Lữ Y Đoan dùng chữ Đỗ-công, có nghĩa là Ông đậu, ông ăn cháo đậu đỏ ...

Đoạn XXVI
TRỜI CAO GIAO ƯỚC
MÃ-LIỆT TƯƠNG THÂN

1 Xảy ra đại nạn bạch đồng,
Muôn dân lâm cảnh bần cùng đói ăn.
Gia đình I-giác liền sang
Đất vua Mã-liệt, đồng bằng Diên-la[a].
2 Có lần Thượng đế hiện ra:
Giếp-tô chớ khá đi qua lúc *này*.
3 Dầu sao cũng ở lại đây,
Vì là đất hứa dựng gầy tương lai.
Ơn trời phù trợ đủ đầy,
Cho ngươi hiện tại, sau *này* cháu con.
4 Gia tăng như cát biển đông,
Trọn quyền chiếm hữu khắp vùng phì nhiêu,
Các dân thiên hạ nhờ nhiều,
Vào ngươi, mà được đủ điều ơn ban.
5 Vì xưa thân phụ Ra-ham,
Tín trung thiên lệnh[b], theo *đường* nghĩa nhân.

---

[a] Miền Gérare do Abimélech làm vua cai trị dân Phiên-lịch (Philistins).
[b] Hết lòng vâng lời Thiên Chúa phán dạy một cách trung thành.

6 Nghe qua I-giác dừng chân,
Diên-la cư ngụ làm ăn tùy thời,
7 Địa phương thấy xứ thêm người,
Thấy nàng Lan-bạch có lời hỏi thăm.
Dối rằng: I-giác vai anh,
Vì e tỏ thật mà sanh khó lòng.
8 Ngày kia, kẻ cả trong vùng,
Qua ngang nhận xét vợ chồng đúng hơn.
9 Trách rằng: “I-giác lòng vòng,
10 Nhỡ ra có đứa đèo bòng[a] hại thay!”
Rằng: “Tôi chưa rõ xứ này,
Phòng cơn cưỡng đoạt, vạ lây mạng mình.”
11 Kẻ cả rao bảo dân tình:
Cưỡng hôn[b], xử tử, nghiêm minh *lệnh* truyền.
12 Tháng ngày I-giác sống yên,
Chăn nuôi phát đạt, đồng điền thanh hưng.
13 Tay Trời *phù* giúp lạ lùng,
Trở nên đại phú khắp vùng không hai.

*

14 Bởi giàu, dân sự tại đây,
Đem lòng ganh tị, hùa bầy hại nhân.
"Giếng xưa gốc của Ra-ham,
Chúng đến lấp bằng, phong tỏa thức ăn.

---

[a] Ở đất Diên-la (Gerare) I-giác (Issaac) và Lan-bạch (Rebecca) gọi nhau là anh em, nhưng vua Mã-liệt khám phá ra là vợ chồng, nên trách móc I-giác.
[b] Cưỡng hôn: bắt ép đàn bà làm vợ mình.

Thượng lưu, kẻ cả trong làng,
Lấy làm hả dạ chẳng màng lẽ công.
16 Còn khuyên: ông hãy dời *chân*,
17 Lặng thinh, I-giác bỏ vùng Diên-la.
18 Đến đâu tôi tớ trong nhà,
19 Cũng lo đào giếng, nước ra dư dùng.
20 Thổ dân kéo tới tranh hùng,
2l Kẻ đào người lấp, 22 khôn cùng khó khăn.
23 I-giác lần tới Biếc-sâm[a],
Đào được giếng ngọt quanh năm tràn đầy.
24 Nơi đây Thượng đế tỏ bày,
Quyền năng phù trợ không ai đoạt phần.
Những lời hứa với Ra-ham,
Trước sau nhắc lại, cam đoan vững bền.
25 I-giác bái mạng, dựng lên
Tế đàn cảm tạ thượng quyền chở che.
Cũng truyền tôi tớ liệu bề
Đào thêm giếng ngọt cho nghề chăn nuôi.

*

26 Ơn trời dào dạt không vơi,
Ngày càng thịnh vượng hơn mười lần xưa.
Diên-la trăm họ ngẩn ngơ,
Người mình bạc đãi bây giờ vinh quang.
Nhà vua cùng với cận thần,
Ngựa xe kéo đến cầu thân giao hòa.

---

[a] Biếc-sâm: Bersabée (Xem St 21,31)

27 Rằng: “Tôi đã bị đuổi xa,
Rày vua tìm gặp, xét ra ích gì?”
Vua rằng: “Mưu sự nhân chi,
28 Sao bằng Thượng đế phù trì là hơn[a].
Việc gì ông cũng thành công,
Triều đình bàn luận cùng ông kết nguyền.
Giữ gìn thế giá đôi bên,
23 Không ai xâm lấn lợi quyền của ai.”
30 Tán thành, I-giác tiệc bày,
31 Sáng ra toàn bộ bắt tay tuyên thề.
32 Xong rồi từ giã nhau đi,
Kế đó, tôi tớ trở về báo tin:
Vừa khai được giếng trong lành.
33 I-giác vui vẻ bảo rằng: thậm đa[b]
34 Giờ đây kể lại việc nhà,
Án-giao bốn chục bước ra đường đời.
Phòng the hai ả xu thời,
Tính tình, ngoại đạo gốc người địa phương.
35 Làm dâu chẳng biết kính nhường,
Phụ mẫu bên chồng, ngày tháng khổ tâm[c].

---

[a] Vua Mã-liệt nhìn nhận: "Người được Trời phù hộ thì con người dù ba đầu sáu tay cũng chẳng làm gì được.

[b] I-giác đặt tên giếng *này* là Abundantia, nghĩa là quá dư dật, *thậm đa*.

[c] Án-giao cưới con gái địa phương Trà-nam (Chanaan) thuộc dân Phiên-lịch (Philistin) ngoại đạo, có nếp sống cứng cỏi vô nghì.

Đoạn XXVII

MƯU ĐOẠT LỜI LÀNH ÁN-GIAO CÔNG PHẪN

1 Cõi đời *nhật* nguyệt xây vần,
I-giác cao tuổi lại mang mù lòa.
Cho kêu trưởng tử vào nhà,
2 Án-giao lên tiếng: “Thưa cha cần gì?”
Rằng: “Cha cái chết gần kề,
3 Muốn con chịu khó ra đi ngoài rừng,
Săn tìm giống thú thịt ngon,
4 Đem về nấu nướng như con từng làm,
Dọn cho cha một bữa ăn,
Lòng cha thư *thái* chúc lành cho con.”

*

Án-giao cung nỏ lên đường,
5 Nào ngờ người mẹ đã tường trước sau.
6 Bà kêu: “Gia-cước phải mau,
7 Bắt hai dê béo đem vào cạo lông.”
8 Tự tay bà nấu món ngon,
9 Dặn riêng Gia-cước điều toan thực hành.

10 Ngại ngùng, Gia-cước hỏi rằng:
11 Nếu cha biết được, nói làm sao đây?”
12 Anh con lông rậm chân, tay,
13 Còn con da láng thế này khó xuôi.
14 Phần con mẹ đã liệu rồi.
Cứ nghe lời mẹ, thiệt thòi mẹ mang.

*

15 Khéo tay bà đã hóa trang[a],
16 Mặc cho Gia-cước áo quần Án-giao.
Lông dê tay cổ đều bao,
17 Mâm cơm tiêm tất mang vào hầu cha.

*

18 Ngạc nhiên, I-giác hỏi qua,
19 Gia-cước lên tiếng: con là Án-giao.
20 Rằng con săn thịt quá mau ?
Thưa: Là thiên ý ở đâu cũng thành.
Mời cha cầm đũa lên ăn,
Lòng cha thơ *thái* chúc lành cho con.
21 *Này* con hãy đến gần hơn,
Gia-cước bước tới bên *chân* cha già.
22 I-giác rờ rẫm cổ, da:
23 Giọng thì con thứ, thân là trưởng nam.

---

[a] Lời chúc lành của người cha rất có ảnh hưởng đến đời sống con cái, Rebecca (Lan-bạch) muốn cho đứa con bà thương riêng được hưởng, nên cố gắng bắt Gia-cước làm Án-giao. Bà làm được các cái để lừa chồng mù lòa, chỉ trừ giọng nói, bà không sao sửa được. Thế mà cũng xuôi việc.

24 Người bèn hỏi vặn nhiều lần,
Gia-cước tự nhận rõ ràng Án-giao[a].

*

25 Ăn xong cảm thấy ngọt ngào:
26 "Con ơi hãy đến dựa vào lòng cha.
27 Ơn Trời tưới xuống chan hoà,
Mùi thơm lúa chín bay ra khắp cùng.
28 Đời con vạn cát mạc hung[b],
Vườn cây oằn trái, ruộng đồng nặng bông.
29 Muôn đời thiên hạ suy tôn,
Chủ trì huynh đệ[c], ngoài trong phục tùng.
Chống con, họ bị diệt vong,
Phò con, họ được toại lòng ân ban."

*

30 Vừa xong, Gia-cước dời chân,
Án-giao bưng đến một mâm thịt rừng.
31 Mời cha ngồi dậy để dùng,
32 Con vừa nấu chín đáp lòng phụ thân.
Ngẩn ngơ, I-giác hỏi rằng:
"Đứa nào lại đến" - "Trưởng nam đây mà!"
33 Đứa nào hồi nãy mời cha,
Ăn xong và đã chúc qua lời lành."

---

[a] Phần muốn được lời chúc lành của cha, phần bị áp lực của mẹ bắt phải thi hành, nên dù muốn dù không Gia-cước cũng phải đi luôn một phe với mẹ.

[b] Được muôn vàn cái tốt và chẳng bao giờ gặp phải sự hung dữ nào.

[c] Làm chủ anh em trong nhà.

34 Án-giao tức tối kêu van:
“Nhờ cha cầu chúc cho phần thạnh hưng.”
35 Em con, Gia-cước mạo xưng,
Thời cơ đã đạt oai hùng tương lai”.
36 Án-giao đỏ mặt tía tai:
“Đi sau lấn trước mỗi ngày lại thêm.
Đã quen tật phỗng tay trên,
Một lần chụp lấy cái quyền trưởng nam,
Bây giờ còn cướp lời lành[a],
Thưa cha, còn phước nào dành cho con ?”
37 Rằng: “Cha chúc nó vuông tròn,
Công danh vương bá ruộng vườn triển khai.
Hết rồi, cha đã phủi tay,
Còn gì mà chúc con đây một lời.”
38 Án-giao thảm thiết kêu trời:
“Cha không tìm được cuộc đời nào hơn,
Để mà cầu chúc cho con.
Thật là tủi nhục, oán hờn đắng cay.”
39 Cha già cảm động: “Nghe đây,
Trời cao sương xuống, đất đai hoa màu,
40 Vẫy vùng nhờ sức gươm đao[b],
Quyền em con lớn, nương nhau sống đời.

---

[a] Khi lọt lòng mẹ, Gia-cước đã nắm cẳng anh kéo lại. Một hiện tượng không mấy ai để ý, nhưng khi lớn lên, lần lần thấy rõ việc "em cướp quyền của anh"

[b] Do câu chúc này mà dòng dõi Án-giao về sau mở mang sự nghiệp bằng gươm đao, bằng võ lực, bằng chiến tranh.

Thời gian nào đó thì thôi,
Không còn lệ thuộc, an vui trong ngoài.”

*

41 Án-giao từ đó châu mày,
Coi như Gia-cước là tay địch thù.
Chờ khi thân phụ vân du[a],
Ra tay thanh toán thâm cừu cho xong.
42 Mẹ già biết việc khó lòng,
Rỉ tai Gia-cước: “Anh con căm hờn,
Có ngày nó sẽ giết con,
43 Nên về quê ngoại qua cơn khốn nàn.
Cậu con danh gọi Lã-bàng,
44 Náu nương ở đó 45 bình an trở về.
Mẹ không muốn cảnh não nề,
Một ngày phải mất trọn bề hai con”[b].
46 Đoạn bà than thở với chồng:
Mấy con dâu cả cực lòng xiết bao.
Chúng là dòng dõi Hạc-châu,
Cho nên Gia-cước tính sao việc này.
Nếu làm sui cũng ở đây,
Thì là buồn chán có ngày ra ma.

---

[a] Vân du: cưỡi mây chầu trời (Chú thích của Nước Mặn). Án-giao định ý, khi cha qua đời sẽ giết Gia-cước.

[b] Bà mẹ sợ Gia-cước bị giết, mà rồi Án-giao bị kết án tử hình vì tội giết em. Thế là mất cả hai.

Đoạn XXVIII
MẠCH-TAM ẨN LÁNH TRỜI BÁO MỘNG LÀNH

1 Vài ngày sau đó, cha già
Gọi riêng Gia-cước thiết tha dặn dò:
"Thể theo ý nhiệm thiên cơ[a],
2 Con về quê ngoại đỗ nhờ làm ăn.
Không nên cưới gái Trà-nam[b],
Mà nên kén vợ trong hàng bà con.
3 Cầu xin Thượng đế ban ơn,
Đường đời con được vuông tròn kinh doanh.
Như xưa ông nội Ra-ham,
Trời cao đã hứa phát ban đất *này*
Và cho miêu duệ tương lai,
Trở nên dân lớn đủ đầy giàu sang.

---

[a] Theo ý Thiên Chúa, khi lập đôi bạn nên tìm người hiền lành, đạo hạnh.

[b] Ý của I-giác không muốn Gia-cước cưới vợ người địa phương Trà-nam (Chanaan) ngoại đạo, mà phải cực lòng như trường hợp Án-giao.

5 Vậy con hãy đến Mạch-tam[a],
Bồ-tuân ông ngoại, Lã-bàng cậu con.
6 Gia-cước khăn gói lên đường,
Án-giao nghe biết tỏ tường ý cha:
7 Vấn đề nghi thất nghi gia,
Không ưa những gái con nhà địa phương,
8 Chọn trong dòng dõi tông đường,
Nên Gia-cước phải quê hương tách rời.
9 Án-giao *dù* có vợ rồi,
Cũng sang bên nội cưới người trong thân,
Vốn là con ruột Ích-manh,
Nàng tên Mai-lệ[b] xuân xanh đang thì.

*

10 Biếc-sâm, Gia-cước ra đi,
Hà-lâm[c] trực chỉ, đêm thì nghỉ ngơi.
11 Một hôm chiều xuống rặng đồi,
Mệt tìm hòn đá làm nơi gối đầu.
12 Về khuya ngon giấc chiêm bao:
Một thang từ đất bắc cao tới trời.
Thiên nhân[d] lên xuống rạng ngời,
13 Đầu thang ngự đó một Ngôi phán rằng:

---

[a] Xứ Mésopotamia là quê ngoại của Gia-cước, vì Lan-bạch là con Bồ-tuân, em ruột Lã-bàng.

[b] Mai-lệ: Maheleth, con gái Ismael.

[c] Hà-lâm: Haran.

[d] Thiên nhân: người của Trời, người trời. Bản cũ viết: *Chư tiên lên xuống rạng ngời.* Linh mục Phao-lồ Qui sửa lại là thiên thần.

"Đây là Chúa của Ra-ham,
Cùng là I-giác định ban đất *này*
Đất ngươi đang ngủ ở đây,
Cho ngươi, miêu duệ tương lai chủ quyền.
14 Tử tôn lan rộng khắp miền,
Nhờ đây thiên hạ cầu yên cuộc đời.
15 Sinh thời công việc của ngươi,
Đến đâu cũng có tay Trời chở che.
Ngày sau sẽ được đưa về,
Đất này đã hứa trọn bề *thủy* chung."

*

16 Sáng ra khi tỉnh giấc nồng,
Ngạc nhiên, Gia-cước thấy lòng khiếp kinh.
Không ngờ lãnh địa[a] thiên đình,
17 Nơi đây Thượng đế oai linh trị vì.
Vững lòng chẳng chút hồ nghi,
Thiên môn[b] khả kính, huyền vi chốn *này*.
18 Hòn đá làm gối đêm nay,
Chàng bèn chôn đứng thẳng ngay giữa trời.
Đổ dầu lên, gọi là nơi
Bửu-tiên[c] chi địa, xưa thời Lư-gia[d].
Chắp tay, chàng nguyện thiết tha:
Nếu ngài tế độ tôi qua cơn *này*,

---

[a] Đất của Trời.
[b] Cửa Trời.
[c] Bửu-tiên: Béthel.
[d] Lư-gia: Luza.

Cơm ăn, áo mặc đủ đầy,
21 Sau về nguyên quán sum vầy thân nhân,
Thì ngài là Chúa thi ân[a],
Phần mười tài sản tôi dâng đáp đền,
22 Và đây hòn đá dựng lên,
Làm ngai Thượng đế, lời nguyền chứng minh.

---

[a] Lần thứ nhất, Gia-cước được Thiên Chúa hiện ra trong giấc mộng, tự giới thiệu là Chúa của ông nội mình (Abraham), của cha mình (Isaac), nên Gia-cước tin tưởng và cầu xin phù hộ trong cuộc sống.

Đoạn XXIX
GẶP CẬU LÃ-BÀNG
TÌNH EM DUYÊN CHỊ

1 Miền đông nối tiếp lộ trình,
Đèo heo hút gió một mình xông pha,
2 Ngày kia vào lúc chiều tà,
Thấy ngồi bên giếng vài ba mục đồng,
Họ chờ súc vật hợp đông,
3 Xúm lăn tảng đá đậy chồng bên trên.
4 Gia-cước bước đến làm quen:
"Chẳng hay các hữu[a] ở miền nào đây ?"
"Chúng tôi mục tử chăn bầy,
Quanh năm từng sống vùng này Hà-lâm[b]."
5 Nghe qua, Gia-cước mừng thầm:
"Các hữu có biết Lã-bàng, Nã-khôi.
6 Gia tư nay thể nào rồi,
Làm ăn có khá còn người khỏe chăng ?"
Rằng: "Người sung túc khang an,
Kìa xa, con gái người đang lùa bầy.

---

[a] Các hữu: gọi tâng bốc như quí bạn thân mến.
[b] Hà-lâm: Haran (Xem Đoạn 22, câu 20-22)

La-cương[a] nàng sẽ đến đây,
Chính nàng có thể trình bày rõ hơn."
7 Gia-cước thấy vật tựu đông,
Khuyên mở giếng sớm đề phòng chen nhau.
6 Họ rằng: "Thói tục từ lâu,
Phải chờ đủ mặt lẽ nào khác hơn."
9 Rần rần bầy của La-cương,
Cũng vừa lùa đến còn đương rộn ràng.
Gia-cước nhận rõ người thân,
10 Đã ngăn miệng giếng tay chàng đẩy ra[b].
Cho bầy uống trước người ta,
11 Đoạn chào[c] thiếu nữ, lệ òa chứa chan.
Tỏ bày tâm sự với nàng,
12 Con cô, con cậu[d] họ hàng với nhau.
La-cương lùa vật về mau,
Nói cho cha biết trước sau sự tình.
13 Biết rằng Gia-cước cháu mình,
Lã-bàng nồng hậu dắt đem vào nhà.
Thung huyên, Gia-cước kể qua,
14 Lã-bàng cảm động: "Ruột rà cậu đây."

---

a La-cương: Nàng Rachel, con gái Laban (Lã-bàng).

b Một thanh niên khỏe mạnh, một mình đẩy nổi tảng đá to; lại can đảm không sợ ai phản đối.

c Linh mục Phao-lồ Qui (1885) đã sửa lại "Đoạn hôn thiếu nữ..."' tuy sát nghĩa Kinh thánh, nhưng không hợp phong tục người Việt, nên xin theo bản cũ, dễ nghe hơn.

d Gia-cước con của Lan-bạch (Rébecca) tức cô của nàng La-cương, còn La-cương là con gái Lã-bàng (Laban) tức là cậu của Gia-cước.

15 Kể từ Gia-cước an bày,
Việc trong đã khéo, việc ngoài cũng xong.
Lã-bàng: “Cháu giúp công không,
Xét ra sao phải, cậu mong đáp đền.
16 Muốn gì cháu cứ nói lên,
Bà con nghĩa trọng, bạc tiền phân minh.”
Thấy rằng gia thế cậu mình,
Có hai cô gái: Lệ-anh[a] đầu lòng,
17 Mắt thau[b] làm kém má hồng,
La-cương gái út, duyên lồng tuổi xanh.
18 Bấy lâu Gia-cước âm thầm,
Mong chim chắp cánh, ước cành liền cây.
Rằng cháu xin giúp cậu đây,
Bảy năm để được sum vầy La-cương.
19 Lã bàng: “Thà cháu phải hơn,
Gả cho kẻ khác người dưng sao bằng,
Ở đây với cậu làm ăn."
Thỏa lòng Gia-cước nhọc nhằn sá chi.

*

20 *Bảy* năm ngày tháng trôi đi,
Yêu nàng chàng thấy có gì là lâu.
21 Lần kia nhắc cậu trước sau:
La-cương với cháu vui câu vợ chồng.

---

[a] Lệ-anh: Léa, con gái đầu lòng của Lã-bàng.
[b] Đôi mắt không được sắc sảo, tròng đen không đậm mà có màu vàng lợt.

22 Lã-bàng mở lễ thành hôn,
Sân ngoài rượu thịt, nhà trong nhạc đờn.
23 Lệ-anh trang phục tân nương,
24 Diên-phan[a] tớ gái bên *chân* theo hầu.
Bạn bè mừng chúc rể dâu,
Hoa xuân thắm nhụy, vườn đào mặn duyên.

*

Sáng ra Gia-cước ngạc nhiên,
Trớ trêu duyên chị tình em[b] thế *này*.
25 Tráo hôn, tìm cậu tỏ bày,
26 Lã-bàng: "Phong tục ở đây dám nào,
Gả chồng em trước chị sau,
Cháu đừng buồn trách cậu sao chơi lường.
27 Ít hôm cậu gả La-cương,
Cháu nên làm rể lệ thường *bảy* năm."[c]
28 Vì thương chẳng chút phàn nàn,
Tuần sau Gia-cước cưới nàng La-cương.
29 Trà-liên[d] tớ gái theo *chân*
Sớm hôm hầu hạ ngoài trong giúp nàng.
30 Thương em hơn chị đã đành,
Bảy năm lao nhọc trả phần nhạc gia.

---

[a] Diên-phan: Zelpha, theo phong tục thời đó, con gái giàu thì có tớ gái theo hầu hạ.

[b] Lã-bàng là người tham lam tráo trở, đối với cháu mà cũng không ngọt ngào. Phong tục xứ đó, cô dâu thường có khăn che mặt, vì đó khi nhập phòng mới biết rõ mặt.

[c] Lợi dụng tình thương của Gia-cước đối với La-cương, nên Lã-bàng tráo trở bắt làm rể thêm bảy năm nữa, tính ra mười bốn năm lao nhọc chỉ vì hai cô vợ.

[d] Trà-liên: Bi-la, nàng hầu La-cương.

*

31 Mưu đồ là thói người ta,
Xưa nay thành sự vốn là Trời cao.
Lệ-anh vơi mối tình đầu,
Nhưng về hào tử gặp sao thai thần[a].
La-cương cô quả chi thân[b],
Buồn trông thấy chị vây quanh quế hòe.
32 Lệ-anh vườn hạnh khai huê
Lữ-bình[c] trưởng tử, 33 đứa kề Sĩ-mông[d].
34 Lễ-vị[e] tiếp nối ẵm bồng,
35 Sau thì Dư-đạc[f] phỉ lòng tào khương.

---

[a] Theo khoa tử vi, sao thai thần chiếu vào cung tử thì hào con rất đông, mau con.

[b] Son sẻ: muộn con.

[c] Lữ-bình: Ruben.

[d] Sĩ-mông: Siméon.

[e] Lễ-vị: Lévi.

[f] Dư-đạc: Judas.

Đoạn XXX

MỘT SÂN HÒE QUẾ SẢN NGHIỆP DƯ ĐẦY

1 La-cương hận quá trách chồng,
Mang danh gái độc không con[a] thể này.
Dám đâu ra mặt với ai,
Sao chàng không thấy đắng cay tủi phiền ?
2 Rằng: “Điều con cái do thiên,
Xưa nay cầu tự ngoại quyền *đàn* ông."
3 Nàng đưa tớ gái hầu chồng,
4 Trà-liên[b] mong được có con thay nàng.
Ruộng gò mưa xuống ái ân,
5 Nàng hầu thai dựng hỉ hoan mọi đàng.
6 La-cương gọi trẻ Cơ-đằng[c],
Cầm như Trời đã bớt phần đắng cay.
7 Nàng hầu sinh tiếp nụ trai,
8 Niếp-tăng[d] tên đặt vui ngoài lẫn trong.

---

a Cây độc không trái, gái độc không con ... là câu miệng đời mỉa mai đàn bà hiếm muộn.

b Trà-liên: Bi-la, tớ gái được La Cương đem dâng cho chồng làm hầu thiếp.

c Cơ-đằng: Dan.

d Niếp-tăng: Nephtali.

*

9 Lệ-anh bắt chước La-cương,
Diên-phan[a] tớ gái đem *dâng* cho chồng.
10 Sớt chia chăn gối tình nồng,
Nàng hầu đã sớm sổ lòng con trai.
11 Đặt tên Cát-đại[b] vui vầy,
Cho rằng ân lộc đủ đầy hơn ai.
12 Nàng hầu sinh nở lần hai,
13 Ái-xang[c] tên gọi, vận may rỡ ràng.

*

14 Đến mùa lúa đã chín vàng,
Vui say gặt hái, nông dân lên đường.
Lữ bình cũng chạy ra đồng,
Hái về cho mẹ nhãn lồng[d] chín thơm.
La-cương thấy trái ăn ngon,
Bèn xin với chị để nhường lại cho.
15 Lệ-anh: "Dì nó đã no,
Đèo bòng chi nữa đôi co thêm phiền[e]."
La-cương: "Đổi chị mấy đêm,
Cho chị mát dạ cho em nhãn lồng[f]."

---

[a] Diên-phan: Zelpha, tớ gái đưa cho chồng làm hầu thiếp.

[b] Cát-đại: Gad.

[c] Ái-xang: Aser

[d] Nhãn lồng: Thầy cả Lữ-y Đoan có dụng ý dùng chữ *nhãn lồng* (một loại dây bò, trái ăn ngon có dược tính làm cho ngủ ngon và trợ tim ...) để gọi chữ mandragoras (một loại ngải mê làm bùa yêu) trong bản văn La ngữ.

[e] Nói cách mỉa mai do *tính* ghen tương thường có của đàn bà.

[f] La-cương nói lẫy đáp lại, nhưng cũng thông cảm cái cảnh kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng...

16 Lệ-anh thuật lại với chồng,
Gia-cước đêm ấy vui cùng Lệ-anh.
17 Mới hay chim đậu đất lành
Nàng sinh thêm đứa thứ năm nõn nà.
18 Lòng mừng tên đặt Yết-kha[a],
Đội ơn Thượng đế tam đa vun trồng.
19 Sau sinh trẻ gọi Da-buông[b],
20 Cõi đời nối nghiệp tông đường sáu trai.
21 Còn thêm một gái mảnh mai,
Thùy nga[c] tên gọi, nở mày Lệ-anh.
22 La-cương cầu khẩn, nhiệt thành,
Trời cao ngó lại 23 cho nàng *thụ* thai.
Đầu lòng sinh một trẻ trai,
24 Đặt tên Dư-tiệp[d] lòng đầy hân hoan.
Mối sầu son sẻ đã tan,
Từ đây khỏi thẹn họ hàng đôi bên.
Nàng còn khẩn vọng ơn trên,
Vườn thêm sung túc, cây thêm diềm dà.
25 Sau khi Dư-tiệp sinh ra,
Gia-cước đến gặp nhạc gia trình bầy:
Bấy lâu tạm sống ở đây,
Thương phần phụ mẫu, mong ngày hồi quê.
26 Thê nhi cũng phải đưa về,
Mấy năm giúp cậu trăm bề yên xuôi.

---

[a] Yết-kha: Issachar.
[b] Da-buông: Zabulon.
[c] Thùy-nga: Dina.
[d] Dư-tiệp: Joseph.

Công lao cậu đã biết rồi,
Giờ đây *nhất* quyết phản hồi quê cha.
Lã-bàng: “Mười mấy năm qua,
Nhờ bàn tay cháu cửa nhà cậu lên.
Đúng là Thượng đế uy quyền,
Luôn luôn giúp cháu lập nên cơ đồ.
28 Công bằng há phải so đo,
Vậy thì cháu định, cậu lo bồi hoàn.”
29 Gia-cước: “Cậu hiểu cho rằng,
30 Trước khi cháu đến, gia trang thể nào.
Ngày nay cậu đã sang giàu,
Tôi trai tớ gái ra vào chen *chân*.
Cháu còn bảo dưỡng vợ con,
Manh quần tấm áo, chén cơm no đầy[a].”
31 Lã-bàng: “Cậu xử sao đây ?”
Gia-cước đề nghị: "Chia bầy theo lông.
32 Thứ nào đen, trắng sắc ròng,
Thì về phần cậu, phân vùng chăn riêng.
Thứ nào sọc, vá không tuyền,
Thì về phần cháu chọn miền đảm đang.
33 Mai kia, mốt nọ bất thần,
Cậu đến kiểm soát cả đàn chiên đây.
Có con toàn sắc trong bầy,
Dĩ nhiên tố cáo việc *này* cháu gian[b].”

---

[a] Gia-cước đặt vấn đề trở về xứ sở, đồng thời tính tiền công lao để nuôi vợ con.

[b] Gia-cước đề nghị chia súc vật theo màu lông, trong một thời

34 Lã-bàng chấp nhận thi hành,
35 Lựa chiên toàn sắc cho mình thậm đa.
Giao cho con ruột trong nhà,
Lùa xa Gia-cước cách ba ngày đường.
37 Bấy giờ Gia-cước chủ trương,
Dị hình bối cảnh[a] mục trường[b] canh tân.
Chặt cây lột vỏ vẽ vằn
38 Dọc theo máng nước ngổn ngang phô bày
Chiên cừu đến uống nhìn đây,
39 Đều mang ấn tượng cấu thai sọc rằn[c].
40 Các bầy càng lúc càng tăng,
Những con vằn vện chín phần có hơn.
41 Lã-bàng chẳng rõ nguồn cơn,
42 Cháu nhiều, cậu ít, lòng hờn càng thêm.
Cuộc đời Gia-cước tiến lên,
Giàu sang phú quí, cừu chiên trạt đồng[d].

---

gian, nếu thú vật đẻ màu nào nhiều, thì tùy kẻ chọn được hưởng. Giải pháp *này* vừa công bằng và không mất lòng nhau.

[a] Làm nhiều hình ảnh kỳ dị xen vào cảnh sống thường ngày của súc vật.

[b] Mục trường: chỗ dành riêng để chăn nuôi chiên cừu.

[c] Chiên cừu đến uống nước thấy bối cảnh vằn vện kỳ dị nên đẻ con có vá, rằn ri, vằn vện.

[d] Trạt đồng: đầy ngập cánh đồng.

Đoạn XXXI
LÁNH MẶT NHẠC GIA
LẤY HÒA THAY HẬN

1 Ghe phen Gia-cước nghe đồn,
Mấy người anh vợ phao ngôn đủ điều.
Gia-cước tài cán bao nhiêu,
Giàu nhờ của vợ, còn nhiều mưu mô.
2 Lại xem nhạc phụ bấy giờ,
Hằm hằm nét mặt cạn khô cảm tình.
3 *Nhất* là thần khẩu[a] bảo mình:
Trở về đất tổ, Trời gìn giữ luôn.
4 Một hôm Gia-cước ngoài đồng,
Nhắn kêu hai vợ, nỗi lòng thốt ra:
5 “Lúc này tư cách nhạc gia,
Không còn như trước, xét ra đáng buồn.
6 Hai mươi năm biết bao công[b],
Tạo nên cơ nghiệp, làm ơn mắc nàn.
7 Nhạc gia đối xử bạo tàn,
Bao phen lật lọng, mấy lần đảo điên.

---

[a] Thần khẩu: Lời nói của thần linh, ở đây tiếng Thiên Chúa phán bảo trong lòng.

[b] Bỏ công để cưới vợ 14 năm với 6 năm nuôi chiên cừu để bắt phần theo màu lông, hầu làm sản nghiệp nuôi vợ con khi trở về cố hương.

Nhưng nhờ Trời độ bình yên,
Tai qua nạn khỏi, ưu phiền cũng vơi.
Ngán thay cho cái tình đời,
Mà rồi ai biết tay Trời bên trong.
8 Cũng như chuyện chọn màu lông,
Trước giành tuyền sắc vật không đẻ nhiều.
Phần mình vằn vện hẩm hiu,
Đẻ sai không biết bao nhiêu mà lường.
Nhạc gia thấy vậy căm hờn,
Lại giành vằn vện, ai buồn mặc ai.
Nào ngờ súc vật cả bầy,
Đẻ ra tuyền sắc dẫy đầy đồng xanh.
9 Thấy rằng Trời giúp thiện lâm,
10 Khiến cho bầy vật xây vần sắc lông.
11 Ỷ quyền, bóc lột bất công,
12 Trời chia sớt của bổ đồng công lao.
13 Có lần trong giấc chiêm bao,
Lệnh Trời thúc giục hãy mau phản hồi.
Khi đi trời hứa giúp tôi
Bửu tiên giao kết những lời khẩn xin[a] ”
14 Hai nàng cũng nói tất tình,
Chúng em hiểu rõ gia đình lâu nay
15 Biết cha mình thiếu lẽ ngay,
Nhưng vì chữ hiếu chê bai sao đành.

---

[a] Nhắc lại lời cầu nguyện khi ra đi, được thấy Thiên Chúa trong giấc mộng, trên đầu cái thang bắc lên tới trời. Việc *này* đã xảy ra tại Bửu-tiên (Béthel).

16 Thôi thì quyết định phần anh,
Vâng theo Thượng đế làm lành gặp may.
17 Gia-cước sau đó ít ngày,
Tóm thâu sản nghiệp xưa nay dựng gầy.
18 Chiên cừu, súc vật các bầy,
Vợ con, tôi tớ, gái trai lên *đường*.
Đoàn người nhắm hướng Trà-nam.
Thừa cơ nhạc phụ đi thăm thảo tràng[a].
19 Ra đi, Gia-cước âm thầm,
20 La-cương ăn cắp tượng vàng[b] của cha.

*

21 Đường về mấy dặm quan hà,
Vừa qua sông lớn, lại qua truông dài.
22 Ba ngày nhạc phụ mới hay,
Rằng người con rể cao bay phương nào.
23 Lã-bàng quyết bắt bôn đào,
Gia *nhân* tập họp, ồn ào vó câu.
Sơn khê qua bảy ngày sau,
Gặp ngay Gia-cước ải cầu nghỉ *chân*.
24 Lã bàng nhớ mộng đêm hôm:
Tiếng Trời khuyên chớ theo cơn lôi đình[c].
Gặp nhau xử sự phân minh,
Nặng lời con rể, vạ mình phải mang.

---

[a] Thảo tràng (thảo trường): đồng cỏ xanh, nơi thả chiên cừu ăn cỏ.

[b] Tượng hình người hoặc thú vật, đúc bằng vàng để làm của trong gia đình, hoặc để thờ cúng.

[c] Trong một đêm trước đó, thần linh đã bảo Lã-bàng chớ gây hấn với Gia-cước mà mang họa. Phải biết đè nén cơn giận dữ (lôi đình), đối xử với nhau tốt đẹp.

[25] Lã-bàng hạ trại bên *đường*,
[26] Đoạn kêu Gia-cước hỏi gằn: “Tại sao ?
Con tôi bắt bớ đem đâu,
Cầm bằng quân giặc, khác nào hàng binh.
[27] Muốn đi đủ lý hợp tình,
Cũng cho tôi biết, tiệc trình tiễn *chân*.
[28] Để tôi từ giã cháu con,
Nỡ nào lủi trốn bất *nhân* thế này ?
[29] Rằng tôi đủ sức trong tay,
Nhưng e Thượng đế, họa tai đổ đầu.
[30] Về quê ai cấm, cớ sao,
Tượng vàng ăn cắp, tránh đâu khỏi phiền ?”

*

“[31] Ra đi cháu phải ngang nhiên,
Ngại lòng cậu ác, hậu tiền bất phân.
Xúi con gái cậu làm xằng,
Rẽ đàn tan nghé, cấm ngăn theo chồng[a].
[32] Cậu còn vu khống bất công,
Tượng vàng ai lấy, hữu ngôn vô bằng.
Không tin, lục soát rõ ràng,
Gặp ai thủ phạm xin bằm nát thây”
Gia-cước nhấn mạnh như vầy,
Bởi vì không biết tội *này* La-cương.
[33] Lã-bàng mở gói, banh rương,
Lều nào cũng ghé, tận tường móc moi.
La-cương sợ phải lôi thôi,
[34] Tượng vàng vùi kín lại ngồi ở trên.

---

[a] Vì quá biết Lã-bàng hay lật lọng, tráo trở, xúi bảo con gái bỏ chồng, hoặc không theo chồng, thì thiệt hại bầy con.

35 Thưa cha con khó đứng lên,
Vì đang kinh nguyệt, cảm phiền cho con.
Lã-bàng chẳng gặp gì hơn,
36 Gia-cước nổi giận trút cơn bực mình[a]:
“Cậu bày chi việc bất bình,
37 Ra chiều hằn học có tìm được không?
Thấy chưa, lục soát ngoài trong,
Vật gì của cậu, cháu mong phơi bày.
38 Kể ra hai chục năm dài,
Giúp gia đình cậu có sai lỗi gì,
19 Chiên cừu, sói chẳng làm chi,
Rủi ro thất lạc cháu đi tìm liền,
Những khi mất trộm ban đêm,
Cậu đòi hoàn trả mới yên thân *này*.
40 Tấm thân vất vả đêm ngày,
41 Mười bốn năm chầy, cưới vợ thí công,
Sáu năm chăn vật ngoài đồng,
Cậu còn tráo trở, lận sòng trắng đen.
42 Nếu không có Chúa tổ tiên,
Áp-ram, I-giác cách riêng phù trì.
Chắc là cậu chẳng kể gì,
Thẳng tay đuổi cháu ra về tay không.
Nguyện Trời chứng giám cho lòng,
Người ngay vẫn có phép công bảo tồn[b].”

---

[a] Nói hết một lần những điều bực tức mà phải nhịn từ lâu.
[b] Bị lật tẩy những tính tham lam, tráo trở, Lã-bàng không thể trả lời được, phải đấu dịu bằng cách nêu ra tình cảm gia đình.

43 Lã-bàng: “Cháu chẳng thấy hơn,
Đây là cháu ngoại, đây con trong nhà.
Chiên cừu cậu, cháu gầy ra,
Nỡ nào cậu giết ruột rà hay sao ?
44 Bỏ qua những việc trước sau,
Bây giờ cam kết cùng nhau dĩ hòa.”

*

45 Gia-cước đồng ý bước ra,
Dựng lên trụ đá gọi là chứng minh.
Lại khuyên bên vợ của mình,
46 Đi gom góp đá chất thành đống cao.
Xong rồi tất cả xúm nhau,
Ngồi lên ăn uống dưới bầu trời xanh.
47 Hai bên cậu cháu lựa danh[a],
Đặt cho đống đá nơi làm chứng nhân.
48 Sau đây minh thệ Lã-bàng:
Đống *này* "giao lập"[b] lòng thành hai bên.
49 Cầu Trời giáng phước bình yên,
Kẻ đi người ở, hai miền ấm no.
50 Vợ cháu, con cậu gả cho,
Nếu cháu bạc đãi, con đò sang ngang,
Thì Trời đoán phạt công bằng,
51 Đống *này* như thể cặm ranh giữa trời.

---

a Lựa chọn những danh từ nào thích hợp cho công việc đang xảy ra đây.

b Giao lập: danh từ của Lã-bàng chọn để gọi việc *này* là một cuộc lập lời giao ước cam kết. Giao lập trở thành địa danh Galaad, theo từ ngữ vùng đó.

52 Phân chia cậu cháu hai nơi,
Không ai qua lại phá đời hại nhau.
53 Nhân danh Thượng đế *quyền* cao,
Áp-ram thờ kính, cầu bầu, kêu xin,
Nã-khôi[a] cũng một niềm tin,
Luôn luôn xét xử tâm tình chúng ta."
Gia-cước chỉ Chúa của cha,
Là Chúa I-giác, xưng ra để thề.
54 Rồi lên triền núi dựa kề,
Lập đàn hiến tế, đề huề thân giao.
Đoạn mời ai nấy giải lao[b],
Chén thù chén tạc biết bao ngọt bùi.
Đêm ấy, ở lại nghỉ ngơi,
55 Bình minh thức dậy mọi người chia *bôi*[c].
Lã-bàng căn dặn giây lâu,
Ôm bầy cháu ngoại, nguyện cầu khánh ân.
Tạ từ vó ngựa lên *đường*,
Sương mai phủ kín dặm ngàn đôi bên.

---

[a] Nã-khôi: em ruột của Abraham cũng tin nơi Thiên Chúa.
[b] Ăn uống lần cuối cùng để rồi chia tay.
[c] Lưu luyến nhìn nhau rồi ra đi mỗi người một ngả mà ngày trùng phùng không hẹn lại ở cõi đời này.

Đoạn XXXII

DÒ LÒNG ANH CẢ
VẬT LỘN NGOÀI TRỜI

1 Đường về Gia-cước tiến lên,
Chư thần Thượng đế giữ gìn trước sau.
Vừa thấy, Gia-cước cao rao:
Đây vùng quân trại thiên trào chi danh[a].
2 Đăng trình không quản nhọc nhằn,
Ngại lòng anh cả còn chăng tị hiềm ?
3 Gia *nhân* chọn kẻ trung kiên,
Đóng vai liên lạc về miền Di-an[b].
4 Án-giao tìm gặp, thưa rằng:
Gia-cước cư ngụ Lã-bàng đến nay[c].
5 Trời cho hào tử hào tài,
Lưỡng tài đại phát đã sai tôi về,

---

[a] Gia-cước nhìn thấy nhiều thiên thần theo ủng hộ, nên gọi đây là Mahanaim, tức trại quân của Trời.

[b] Di-an: Seir trong vùng Yên-đông (Edom, Idumée). Có chỗ viết Di-yên.

[c] Cho anh cả biết từ ngày ra đi đến nay, chỉ ở quê ngoại, làm ăn, nhờ ơn Trời độ mạng, nay trở về với cha già, mong anh lượng thứ lúc thiếu thời.

Trình cho anh cả mọi bề,
Mong lòng chiếu cố, tràn trề tình thương.

*

6 Gia *nhân* trở lại phân tường:
Án-giao, đinh tráng lên đường bốn trăm.
Gọi là đón tiếp bào thân.
7 Nghe qua, Gia-cước tâm thần hoảng kinh.
Bèn chia hai tốp lộ trình,
8 Nếu trước bị đánh, dễ gìn tốp sau.
9 Đồng thời tha thiết nguyện cầu,
Ơn trên che chở việc đâu cũng lành[a].
Trời là Chúa của Áp-ram,
Chúa của I-giác phụ thân tớ hèn.
Ngày nào Trời có lời khuyên,
Tớ về bổn quán được yên mọi bề.
10 Nghĩ thân kém cỏi tài nghề,
Ra đi đơn độc, trở về thậm đông.
11 Cúi xin khỏi họa diệt vong,
Án-giao sát phạt, vợ con điêu tàn.
12 Nhớ xưa Trời đã hứa rằng:
Sẽ cho dòng dõi tớ ngang sao trời[b].

*

---

a Gia-cước vừa theo sự khôn ngoan, sắp xếp công việc của mình, vừa cầu xin Thiên Chúa phù hộ, không tự đắc hoặc đánh liều. Đúng như tinh thần người Á đông xưa có câu: *phối thiên hành sự, như thử thành công.* Cùng với trời làm việc, thế nào cũng thành công.

b Cậy vì lời hứa bảo đảm của Thiên Chúa về dòng dõi tăng gia, thì xin Người giúp cho con cái mình khỏi bị thiệt hại.

[13] Đêm nằm nghĩ tới nghĩ lui,
Phải đem hiện vật đến nơi làm quà.
Tặng mừng ra mắt đại ca:
[14] Trước là hai chục lạc đà có con;
Bốn mươi bò cái no tròn,
Hai chục bò đực sức còn hung hăng;
[15] Chiên dê mỗi thứ hai trăm,
Kèm hai chục đực thành phần đang tơ;
Cộng thêm ba chục con lừa,
[16] Giao cho đầy tớ *dắt* đưa từng bầy[a].
[17] Dặn rằng: ai hỏi, cứ khai:
[18] Món quà Gia-cước tặng ngài Án-giao.
Người còn lục đục đi sau,
Các đoàn người khác theo nhau dài dài.
[19] Trả lời như vậy chớ sai,
Gia-cước tự nhủ thế này sẽ xuôi.
[20] Án-giao nhậm lễ sẽ nguôi,
[21] Cho nên vững dạ nghỉ ngơi trong lều.
[22] Canh tư sương xuống lạnh nhiều,
Người đưa gia quyến, [23] chở theo gia tài.

---

[a] Cách thức Gia-cước nghĩ ra không khác nào tâm lý chung của người đời. Ngày xưa ở Việt Nam có câu:

Tị hiềm mặc kệ - Cao lễ dễ thưa.

Từ nhà đỏ đến triều vua, Đa kim ngân phá luật lệ.

(Nhà đỏ hay là đỏ làng, là trụ sở của hương chức làng họp nhau).

Qua khe Đá-bạc[a] nước đầy,
24 Còn người ở lại rạng ngày sẽ đi.
Bỗng đâu một tướng phương phi,
Đến ôm cổ vật, níu ghì tay đôi.
Gia-cước vật mãi không thôi,
25 Người kia muốn thoát vì trời rạng đông,
Lẹ làng điểm huyệt cho xong,
Gia-cước té xuống nhưng không chịu hòa.
26 Người kia bảo: “Hãy buông ra!”
Gia-cước bám chặt: “Chúc ta lời lành!”
27 Người rằng: “Cho biết tính danh.”
“Tôi là Gia-cước bình sanh chăn bầy.”
28 Người rằng: “Phải kể từ nay,
Gia-cước đổi lại tên *này* Yết-linh[b]
Vì ngươi quấy động thiên đình,
Dễ gì thiên hạ dám kình với ngươi.”
29 Gia-cước: Xin biết tên người ?
Đáp rằng: Sao lại chòi mòi[c] chi danh.
Đoạn người cả tiếng chúc lành,
Gia-cước nhìn lại vắng tanh bốn bề.
30 Thâm nghiêm địa cảnh sơn khê,
Gia-cước ứng khẩu danh đề "Phàn-nguyên[d]."

---

a Đá-bạc: Jaboc, một phụ lưu nhỏ của sông Giu-đong.
b Yết-linh: Israel, về sau gọi I-sa-ra-e (Do-thái)
c Chòi mòi: tò mò tọc mạch, muốn biết sự không đáng biết.
d Phàn-nguyên: Phanuel, được thấy Thiên Chúa mà mạng vẫn còn.

Vì xem Thượng đế nhãn tiền,
Thế mà sinh mạng vẫn yên như thường.
31 Mặt trời mọc khỏi đầu non,
Gia-cước cà nhắc[a] một *chân* lên *đường*.
32 Tích này còn thấy trong dân
Giu-dêu kiêng cữ ăn gân chiên cừu.

[a] Cà nhắc: đi như chân thấp chân cao, cà thọt.

Đoạn XXXIII

GIA-CƯỚC HẾT LÒNG
ÁN-GIAO VUI DẠ

1 Xa xa cát bụi mịt mù,
Án-giao, đinh tráng lù lù hiện ra.
Gia-cước nhìn biết đại ca,
Vội vàng xếp đặt vợ và các con:
2 Hai nàng hầu tiến tiên phuông,
Lệ-anh đi giữa, La-cương sau cùng.
Con ai thì nấy bế bồng;
3 Còn mình chầm chậm vừa trông anh mình.
Thất bộ, thất bái[a] tận tình,
4 Án-giao xúc động đệ huynh *nhất* bào[b].
Lẹ làng chạy đến ôm nhau,
Nghẹn ngào lời nói, tuôn trào giọt châu.
5 Anh em siết chặt giây lâu,
Buông ra, anh hỏi: “Ai đâu đông vầy ?”
Thưa rằng, trình diện huynh hay,
Đây là thê tử, phước này Trời ban.

---

[a] Mỗi bước một lạy ... đến bảy bước như thế, làm cho tượng đá cũng xiêu lòng.
[b] Anh em cùng một bào thai (anh em sinh đôi).

6 Các con theo mẹ đến gần,
Nàng hầu kính vái, Lệ-anh bái chào.
7 La-cương, Dư-tiệp cúi đầu,
Thưa anh[a], lạy bác[b] Án-giao lặng nhìn.
8 Lại rằng: “bầy vật béo xinh
Đoàn người đem đến đón anh thế nào ?”
“Đó là quà mọn đệ trao,
Mong anh khấng nhậm[c] buổi đầu gặp nhau.”
9 “*Này* em, anh quá dồi dào,
Của em gửi lại, về sau cháu dùng.”
10 “Thưa anh, há dám bất trung,
Nếu anh thương đệ xin đừng từ nan.
Đời em còn thấy mặt anh,
Kể như phước lớn Trời ban lúc *này*.
Xin anh chớ phụ lòng đây,
Phước dư tổ phụ em gầy dựng nên.
11 Của *này* cũng bởi ơn trên,
Cho anh sung túc, cho em dư tràn[d].”
Gia-cước nài nỉ nhiều lần,
Án-giao phải nhận, hân hoan mọi người.
12 Sau đó, anh cả kêu mời,
Đoàn người Gia-cước đồng thời đi chung.

---

[a] Các em dâu thì lễ phép chào anh.

[b] Các cháu thì khúm núm lạy bác.

[c] Khấng nhậm: vui nhận (chú thích của Ts Nước Mặn)

[d] Dầu cho của cải của anh, hay là sản nghiệp của em, thì đều do Thiên Chúa ban cho vì công đức của tổ phụ.

13 Thưa rằng: anh xét lại giùm,
Đoàn nhiều trẻ dại khó lòng mau *chân*.
Các bầy còn lắm nghé non[a],
Nếu đi nhanh chóng không trông an toàn.
14 Xin anh về trước thẳng *đường*,
Để em ở lại cùng đoàn theo sau.
Di-yên[b] hẹn một ngày nào,
Cùng anh chung sống, nghèo giàu có nhau.
15 Rằng: "Em Gia-cước nghĩ sao
Anh cho đinh tráng theo hầu giúp em ?"
"Thưa anh hãy để tự nhiên,
Miễn anh chiếu cố, em yên nỗi lòng."
16 Án-giao lẳng lặng lên đường,
Xót người máu mủ phong sương bấy chầy!
17 Tuần trăng hết khuyết lại đầy,
Chuyển bầy súc vật bao ngày khó khăn,
18 Từ khi rời bỏ Mạch-tam
Sĩ-kiêm nay đến trước thành dừng *chân*.
19 Đến cùng tộc trưởng Hà-môn[c],
Xin mua thửa đất tính hơn trăm đồng[d].
Dựng lên lều bạt trại chuồng,
Gọi là Sở-cuộc[e] cánh đồng tốt tươi.

---

[a] Gọi chung một số súc vật mới đẻ, đi đứng chưa vững, nếu đi lẹ quá sợ e hỏng mất.
[b] Di-yên: Seir. Chữ yên có nơi viết là an (Di-an) để ăn vận. Di-yên là nơi Án-giao đang lập nghiệp.
[c] Hà-môn: Héraor.
[d] Nói đơn vị tiền bạc cho dễ hiểu, thời đó đổi một trăm con chiên.
[e] Sở-cuộc: Socoth, có nghĩa là dinh trại.

Khu này Gia-cước chọn nơi,
Lập đàn thượng tế Chúa Trời quyền vinh.
Vốn là Chúa của Yết-linh[a],
Bốn mùa hiến tế tỏ tình tri ân.

[a] Chúa của Yết-linh: Deus Israel, Thiên Chúa vạn năng, quyền phép vô cùng. Thiên Chúa của chủng tộc được lựa chọn: dân Israel.

Đoạn XXXIV
THÙY-NGA LÂM HỌA
TÀN SÁT SĨ-KIÊM

1 Thùy-nga[a] con gái Lệ-anh,
Thường hay ra phố trong thành Sĩ-kiêm.
Một trang thục nữ hữu duyên,
Khiến bao con mắt thanh niên đổ dồn.
2 Con trai tộc trưởng Hà-môn,
Hết lời quyến rũ, quyết lòng làm ngang.
Tung ra cường lực bắt nàng,
Đưa về tư thất bẽ bàng cưỡng hôn.
3 Cánh hoa sao khỏi ủ buồn,
Con ong lạc lối ra tuồng nghĩa nhân.
4 Chàng bèn thưa với phụ thân,
Xin đem sính lễ cưới nàng Thùy-nga.
Mối tình thắm thiết mặn mà,
Nếu không cưới được hóa ra lỗi lầm.
5 Gia-cước biết việc tồi tàn,
Nhưng chờ con cái còn đang vắng nhà.

[a] Thùy-nga: nàng Dina.

Làm thinh nhưng dạ xót xa,
6 Hà-môn tìm đến trình qua mấy lời.
Tiếc rằng việc đã lỡ rồi,
Nay xin làm lại cuộc đời tốt hơn.
7 Các con Gia-cước ngoài đồng,
Cũng vừa về tới vào mừng chào cha.
Được nghe câu chuyện xảy ra,
Tuổi xanh máu nóng kêu la ồn ào[a].
8 Hà-môn lời lẽ ngọt ngào:
“Đạp dơ ai nỡ dao cầu chặt *chân*.
Con tôi trót dại gây hờn,
9 Giờ đây tính việc keo sơn với nàng.
Trước là chuộc lỗi lăng loàn,
Sau làm lễ cưới rỡ ràng đôi bên.
10 Ngoài ra, hai tộc kết liên,
Chung nhau khai thác các miền phì nhiêu.
Các cháu tài trí hơn nhiều,
Ở đây lập nghiệp dựng lều bán buôn.”
11 Chàng trai con của Hà-môn,
Bước ra tạ lỗi, ôn tồn lời xin:
“Mong ơn bác với chư huynh,
Lượng nhân che chở, niệm tình thứ tha.

[a] Các anh trai của Thuỳ-nga đều bực tức, lên án sự cưỡng hiếp là làm nhục cho em, mặc dầu xin cưới, nhưng việc tiền dâm hậu thú cũng là nhục nhã.

12 Giúp cho sen muống[a] một nhà,
Cho dầu sính lễ đặt ra thế nào,
Tớ không ngại việc thấp cao,
Sẵn sàng gánh chịu miễn sao đền bồi."
13 Các con Gia-cước đáp lời:
“Chúng tôi truyền thống lâu đời phải tuân,
14 Cắt bì tất cả nam nhân,
Nếu ai bất phục kể dân ngoại dòng.
15 Còn ai chịu phép ấy xong,
Kể như thân tộc sống chung bình thường.
16 Quí ngài chống hoặc bằng lòng,
Ngoài ra mọi việc là không cần bàn.
17 Bằng không hôn lễ bất thành,
Kể như nhà gái phải đành chia ly.
18 Nhà trai nghe chuyện cắt bì,
Ngẩn ngơ rồi lại khó gì cũng ưng[b].
19 Bởi thương cô gái quá chừng,
Bởi chàng vọng tộc, nhất vùng hào hoa.

*

20 Hôm sau đại hội diễn ra
Hà-môn tộc trưởng phát loa cửa thành:
21 “Gia-cước chủng tộc hiền lành,
Đến đây mong được làm dân xứ *này*,

[a] Cha con Hà-môn đều nhận lỗi, tự xét dòng dõi mình kém hèn đã làm điều quấy.

[b] Nhận chịu một điều kiện quá sức xa lạ và khó khăn, nhưng họ bằng lòng, tỏ ra họ thành thực chịu lỗi.

Nên cho quyền họ đủ đầy,
Mở mang canh tác, dựng gầy chăn nuôi.
Chớ phân kiều ngoại hẹp hòi,
Con mình, con họ làm sui[a] bình thường.
22 Họ còn tập tục khó lòng,
Cắt bì tất cả *đàn* ông tộc đoàn.
Nếu theo nghi thức họ làm,
23 Thì mình có lợi, *giàu* sang nhãn tiền.
Nào là tài sản, bò chiên,
Nào là sự nghiệp của riêng họ gầy.
Cũng đều nhập một về đây,
Chung nhau để sống, đêm ngày thảnh thơi.[b] ”
24 Chúng dân thảo luận một hồi,
Rồi sau thực hiện như lời Hà-môn.

*

25 Cắt bì, thương tích ba hôm,
Đàn ông đau nhức, ngoài đồng không ai.
Sử-mồng, Lễ-vị ra tay[c],
Thừa cơ thành phố trong ngoài vắng canh,
Nhảy vào tàn sát nam nhân,
26 Hà-môn cũng giết, cả thằng con trai.

---

[a] Làm sui: kết nghĩa hiệp thông giữa gia đình hai bên nam nữ (Chú thích của Tủ sách Nước Mặn).

[b] Tộc trưởng phải thuyết phục dân thành Sĩ-kiêm (Sichem) chịu cắt bì, thật là ráo nước miếng.

[c] Hai người *này* phản bội và sau đó lôi kéo các anh em khác gây ra nợ máu. Hành động tàn bạo dã man, phản bội lời hứa (cam kết với nhau) thất nhân tâm.

Thùy-nga cứu khỏi nơi *này*,
27 Bầy con Gia-cước tiếp tay tràn vào.
Búa đao chẳng biết đâu đâu,
Cửa nhà đập phá, phố lầu tan hoang.
28 Tóm thâu súc vật bạc vàng,
29 *Đàn* bà, con nít bắt làm tù nhân.
Gọi là trị tội hiếp dâm
Sĩ-kiêm hoa-lệ hóa thành tha ma.

*

30 Vừa hay biến cố xảy ra,
Gia-cước nổi giận quở la con mình:
"Tụi bây một lũ ôn binh[a],
Cả gan dấy họa, bất bình địa phương.
Mình là thiểu số mỏng giòn[b],
Rồi đây các xứ căm hờn hợp nhau.
Báo thù mở trận binh đao,
Dòng mình không có chỗ nào dung thân!"
31 Bầy con Gia-cước phàn nàn:
"Há ngồi để chúng làm ngang thế *này*.
Dâm căn chi ác[c] là đây,
Em con nào phải một tay điếm đàng."

---

[a] Một lũ ôn dịch ngang tàng chẳng biết phải quấy hơn thiệt gì cả...

[b] Một thiểu số, còn địa phương là cả một vùng to lớn, thành *này* bị tàn phá thì còn nhiều thành khác đông dân...

[c] Nguồn gốc sự ác, sự dữ là dâm loạn. Xưa có câu: *Vạn thiện dĩ hiếu vi tiên, Vạn ác dĩ dâm chi thử...*

Đoạn XXXV
TẾ LỄ BỬU-TIÊN LA-CƯƠNG LÌA THẾ

1 Bấy giờ Thượng đế phán rằng:
"Gia-cước hãy trẩy qua làng Bửu-tiên,
Là nơi Trời tỏ uy quyền
Khi ngươi chạy trốn lửa phiền Án-giao."
2 Gia-cước trách nhiệm cầm đầu,
Truyền cho con cái phải mau thi hành:
"Hủy đi các tượng bụt thần,
Phép bùa ngoại đạo, dị đoan người đời[a].
3 Bạt, lều, chuồng, trại phải dời,
Cùng nhau tiến tới chỗ Trời giáng ân.
Khi ta dấn bước phong trần,
Những ngày đau khổ, những lần truân chuyên."
4 Vợ con cùng kẻ chăn chiên,
Ngải bùa, thần tượng góp đem cho người,
Đào chôn bên phía triền đồi,
Dưới tàn cổ *thụ,* xong rồi kéo đi.

---

[a] Thiên Chúa dạy cả gia đình đi đến Bửu-tiên (Béthel) để cử hành việc tế lễ Thiên Chúa, trước khi đi phải thanh tẩy tất cả những gì có tính cách dị đoan ngoại giáo.

5 Trời cho dân sự tứ vi,
Vua thì kinh khủng, dân thì hoang mang[a].
Nhìn theo Gia-cước lên *đường*,
Không ai tính chuyện thủy tràn thổ đương[b].

*

6 Trải qua biết mấy dặm trường,
Gió đông đã yếu, gió nồm tiến lên.
Đoàn người vừa tới Bửu-tiên,
Lư-gia tên cũ thuộc miền Trà-nam.
Các bầy súc vật dừng chân,
Chọn nơi suối ngọt, cỏ xanh cắm lều.
7 Gia-cước chất đá lại nhiều,
Lập đàn hiến tế Chúa Dêu[c] trên trời.
Nhắc lại kỷ niệm thiếu thời,
Đoạn đường gian khổ được Trời đỡ nâng.
8 Vừa yên thì lại gặp tang,
Vú già xưa giúp nuôi nàng La-cương.
Ma chay chôn cất bên đường,
Dưới hàng cây cọ[d], tiếc thương ngậm ngùi.

*

9 Một hôm Gia-cước đang ngồi,
Trời cao nhắc lại những lời đã ban:

---

[a] Thiên Chúa phù hộ nhà Gia-cước cách đặc biệt, bằng không dân địa phương hợp lại chặn đánh không còn manh giáp.
[b] Nước tràn lên đắp bờ cản lại, tức là chặn đánh nhà Gia-cước.
[c] Chúa Dêu: Deus, tức là Thiên Chúa.
[d] Một loại cây gần giống cây kè.

“Chúc ngươi phước lộc dư tràn,
10 Tên ngươi chính thức gọi rằng Yết-linh[a].
“Trời là chủ tể đại vinh,
Chúc ngươi miêu duệ tung hoành khắp nơi.
Đế vương thiên hạ do ngươi,
12 Đất đai rộng lớn, tứ thời thuần yên.
Áp-ram, I-giác chủ quyền,
Giờ đây cũng hứa lưu truyền cho ngươi,
Và cho dòng dõi muôn đời.”
13 Đến đây Gia-cước thấy Trời biến đi.
11 Khâm sùng Thượng đế huyền vi,
Khai đàn tế tửu đền nghì thiên ân.
12 Bửu-tiên để tiếng giữa trần,
Non mòn biển cạn thời danh vẫn còn.

*

16 Bao giờ du mục dừng *chân*,
Từ đây lại tiến thảo trường[b] phía đông.
Đến kỳ sinh nở, La-cương,
17 Khó khăn bà mụ hết lòng lo toan.
Sinh trai, sản phụ ly trần,
18 Hài nhi sống sót danh rằng Biền-mân[c].
19 La-cương an táng dọc *đường*,
Lối về Ấp-trạch[d], tức làng Bảo-liêm[e].

---

a Yết-linh: Israel.
b Thảo trường: đồng cỏ, đồng xanh dùng nuôi súc vật.
c Biền-mân: Benjamin.
d Ấp-trạch: Ephrata.
e Bảo-liêm: Bethléhem (Bê-lem).

20 Gia-cước xúc động nỗi niềm,
Dựng bia, cẩn mộ còn truyền đến nay.
21 Gia-cước bận việc đó đây,
Kiểm tra súc vật an bài gia nhân.
22 Ngày kia hữu sự *xa đường*[a],
Ở nhà trưởng tử lộng hành gia phong[b].

*

23 Sau đây danh sách chính tông,
Của nhà Gia-cước con dòng thế gia:
Lệ-anh vợ lớn sinh ra:
Lữ-bình anh cả, sau là Sĩ-mông,
Lễ-vị, Dư-đạc tinh thông,
Yết-kha rồi tiếp Da-buông một nhà.
24 La-cương vợ kế sinh ra:
Trước là Dư-tiệp sau là Biền-mân.
25 *Trà-liên* hầu thiếp hai lần,
Cơ-đằng đứa trước, Niếp-tăng đứa kề.
26 Diên-phan nữ tớ chính thê,
Tiền sinh Cát-đại, hậu thì Ái-xang.
Mười hai nam tử hiên ngang,
Ra đời ở tại địa phần Mạch-tam.

*

27 Cha già xa cách bao năm,
Gia-cước vội vã đến thành An-buông[c].

---

[a] Xa đường: đi xa (Chú thích của Tủ sách Nước Mặn)

[b] Lữ-bình (Ruben) lăng nhăng ghẹo chọc nàng hầu Trà-liên (Bila) của thân phụ.

[c] An-buông: Arbée.

Cũng là vùng đất Hữu-phong[a],
Là nơi kiều ngụ tổ tông mấy đời.
Thương cha gần đất xa trời,
Tủi thân hiếu tử tơi bời đớn đau[b].
28 Sum vầy chẳng đặng bao lâu,
I-giác trăm tuổi thêm vào tám mươi.
29 Sau khi thân phụ qua đời,
Án giao, Gia-cước ngậm ngùi cư tang.

*

[a] Hữu-phong: Hébron nơi thung lũng Mạc-linh (Mambré).
[b] Gia-cước xa cách cha già trên hai mươi năm, mẹ mất không thấy mặt.

Đoạn XXXVI
SINH CƠ LẬP NGHIỆP DÒNG DÕI ÁN-GIAO

1 Đoạn *này*[a] chép chuyện *gia đình*,[b]
Sinh cơ lập nghiệp của chàng Án-giao.
2 Sinh thời ba vợ trước sau,
Nghiêng chiều nếp sống trên đầu không ai.
4 Vợ cả sinh được một trai,
5 Vợ nhì ba đứa râu mày cũng xong.
Vợ ba một trẻ ẵm bồng,
Cùng nhau sinh trưởng ở vùng Trà-nam.

*

6 Án-giao phát đạt kinh doanh,
Chăn nuôi thạnh mậu, nông tang dồi dào.
Từ khi huynh đệ hòa nhau,
Cả hai càng bữa sang giàu gia tăng.
Anh em không thể sống gần,
Vì đồng cỏ chật hằng ngàn bò chiên.

---

[a] Đoạn *này* tác giả không ghi danh sách con cháu Án-giao như Kinh thánh, mà chỉ viết những điểm chính và tổng quát việc lập thành một dân tộc.

[b] Những số câu, linh mục Phao-lồ Qui (1885) ghi tượng trưng cho đủ như Kinh thánh.

7 Án-giao quyết định tách riêng,
8 Gia đình súc vật đến miền Di-yên.
9 Nhờ ơn tổ phụ *nhân* hiền,
10 Định cư đâu cũng ơn thiêng hộ phù.
11 Của đời, thế lực có dư,
12 Nhưng điều đạo đức tâm tư xa dần.
Đời con chỉ biết trần gian,
Đời cháu nhân nghĩa lại càng mờ lu.
15 Sinh cư theo luật giang hồ,
16 Mạnh ăn yếu chết, cõi bờ tóm thâu.
17 Địa phương bộ lạc đạp nhầu,
18 Dân nào sống sót rừng sâu lánh nàn.
19 Án-giao cháu nội đầy đàn,
20 Người nào võ nghệ cũng trang anh hùng.
21 Gươm đao càng lúc tưng bừng.
22 Mỗi người đều chiếm một vùng 23 phì nhiêu.
24 Cũng như ngọn sóng 25 thủy triều,
26 Trở nên lãnh chúa 27 binh nhiều 28 dân đông.
29 Biên cương 30 mở rộng tứ tung,
31 Phân quyền 32 cai trị, 33 loạn trong 34 giặc ngoài.
35 Trải qua lịch sử 36 vần xây,
37 Thăng trầm chế độ 38 lại gầy bá vương.
39 Đánh nhau 40 xương ngập chiến trường,
41 Tập trung quyền lực 42 mở đường quốc gia.
43 Về sau thống nhất san hà,
Lập thành một nước gọi là Yên-đông[a].

[a] Yên-đông: dân Idumée (do biệt hiệu của Án-giao, (Esau) là Edom (người thích ăn cháo đậu đỏ).

Đoạn XXXVII
CỐT NHỤC TƯƠNG TÀN
BẮT EM ĐEM BÁN

1 Gia-cước đời sống khác hơn
Tin vào Thượng đế nguồn ơn sinh tồn[a].
Lúc nào cũng nhắc cháu con,
Thuận thiên vi bản, hòa *nhân* vi cần.
2 Nói qua Dư-tiệp[b] đang xuân,
Thường theo anh lớn đi chăn các bầy.
Thấy gì cũng mách cha hay,
Ghe phen Gia-cước la rầy các anh[c].
3 Dư-tiệp *tính* nết hiền lành,
Cha sắm áo mới cùng tin cậy nhiều.
4 Các anh thấy kẻ được yêu
Đem lòng ghen ghét, ra chiều rẽ phân.

---

[a] Hai lối sống của anh em song thai *này* khác xa nhau: Án-giao theo đời, đem nhân lực ra lập nghiệp, còn Gia-cước theo đạo lấy thiên lực làm nền tảng để sinh tồn.

[b] Dư-tiệp: Joseph, con Gia-cước do bà vợ La-cương (Rachel) sinh ra.

[c] Các anh Dư-tiệp rất ghét cái tật hay mét thét, đã vậy mà cha già còn thương riêng.

5 Tỵ hiềm càng lúc càng tăng.
Nhất là mấy chuyện lằng nhằng chiêm bao[a].
6 Rằng: “Khi mùa gặt bắt đầu,
Chúng ta hết thảy kéo nhau ra đồng,
7 Mỗi người bó lúa vừa xong,
Bó chư huynh thảy bao vòng bó tôi.
Sấp mình xuống lạy hẳn hòi,
Bó tôi đứng thẳng giữa trời hiên ngang.”
8 “Chú mầy bá láp bá xàm,
Các anh thần phục mầy làm vua sao ?
Coi chừng cái thứ chiêm bao,
Có ngày phải biết thế nào trắng đen.”
9 Lần kia, Dư-tiệp lại thêm:
“Tôi còn thấy rõ một điềm chiêm bao,
Nhật, nguyệt, mười một ngôi sao,
Vầy quanh trước mặt khấu đầu lạy tôi.”
10 Gia-cước: “Vô lý quá rồi,
Lẽ nào cha mẹ hoặc thời các anh,
Sấp mình lạy đứa hậu sanh ?”
11 Việc này thêm cớ đệ huynh bất hòa.
Còn riêng ý kiến người cha,
Tương lai không biết xảy ra thế nào.

*

12 Các anh chăn vật vắng lâu,
Cha già nóng ruột lo âu nhiều điều.

---

[a] Cộng thêm mấy chuyện chiêm bao của Dư-tiệp, làm cớ thúc đẩy việc huynh đệ bất hòa.

13 Bèn kêu Dư-tiệp thân yêu:
“Con tìm chúng nó cặm lều Sĩ-kiêm,
14 Đến thăm xem có bình yên,
Các bầy súc vật có tuyền vẹn chăng ?”
Đường xa Dư-tiệp sẵn sàng,
Hiệp-long bỏ lại nhắm đàng Sĩ-kiêm.
15 Đến nơi, bốn phía im lìm,
Dư-tiệp bối rối, lội tìm đó đây.
16 Gặp người hành lộ, tỏ bày,
Họ rằng có thấy sớm mai đoàn người,
17 Lùa chiên về phía cuối đồi,
Tức vùng Đôn-thạnh[a] là nơi cỏ nhiều,
Dư-tiệp thẳng đến mục tiêu
18 Các anh trông thấy, 19 bàn liều với nhau:
“Kìa thằng mộng mị tầm phào,
20 Tụi mình bóp cổ ném vào hố sâu,
Phao tin muông sói vật đầu,
Thế là hết chuyện chiêm bao bực mình.”
21 Bấy giờ anh cả Lữ-bình,
Có lòng muốn cứu bèn lên tiếng rằng:
22 “Không nên làm chuyện sát nhân,
Kẻo rồi lâm họa máu oan khốn cùng.
Thà quăng xuống giếng cho xong.”
Lữ-bình nói vậy, dự phòng cứu em.

*

[a] Đôn-thạnh, la ngữ Dothain, một đồng bằng cách Samaria lối mười hai dặm.

23 Dư-tiệp mới tới gần bên,
Các anh túm cổ lột xiêm áo ngoài.
24 Lôi đầu xô xuống giếng khơi,
Khóc la mặc khóc, họ ngồi ăn cơm.
25 Đàng xa một bọn lái buôn,
Xuất từ Giao-lập nhắm đường Giếp-tô.
Lạc đà hàng chục tải đồ,
Nhũ hương, mộc dược, vải sồ, quế khâu.
26 Bấy giờ Dư-đạc bày đầu:
Giết em bỏ đói, ác nào lớn hơn.
27 Chi bằng bán quách cho xong,
Lấy tiền ăn nhậu, sống còn mặc ai ?
Anh em đồng ý việc *này*,
Lái buôn đón lại, kèo nài giá mua.
28 Tính tiền hai chục là vừa,
Tiền trao cháo múc, lái đưa lên đường.
Dư-tiệp kêu khóc thảm thương,
Đành sang nước Giếp, quê hương đứt lìa.
29 Lữ-bình xong việc trở về,
Tìm em không được, dầm dề khóc than.
30 Mắng bầy em ác, làm ngang,
Tủi quyền anh cả, sống làm sao đây!

*

31 Ghê thay, cái lũ ác *này*,
Lấy áo Dư-tiệp bôi đầy máu dê.
32 Sai người hối hả mang về,
Dối rằng họ gặp bên khe áo *này*.

Nhưng mà không biết của ai ?
Gia-cước nhìn biết lòng đầy xót xa:
33 “Đúng rồi, tấm áo con ta,
Bị bầy thú dữ đã tha phương nào!”
34 Cha già than khóc xiết bao,
Vật mình, xé áo, đớn đau lâu ngày.
35 Cả nhà hết sức giải khuây,
Nhưng người vẫn nói: “Kiếp này bỏ đi.”
Mịt mờ từ biệt, sinh ly,
Tấm lòng phụ tử có gì nặng hơn.

*

36 Lúc ấy, thì bọn lái buôn,
Dư-tiệp đem bán thị trường Giếp-tô.
Thấy chàng mặt mũi khôi ngô,
Bằng-phan[a] đương chức trào đô, mua về.
Bắt làm nô lệ hầu kề,
Khi thì sai vặt, lúc thì tưới cây.

---

a Bằng-phan: La ngữ Putiphar, một võ quan cao cấp trong triều đình Phan-vương (Pharaon).

Đoạn XXXVIII

THANH-MAI ĐỐT SỐNG
KỲ LẠ SONG THAI

[1] Chuyện đời lắm cái lá lay,
Trưởng thành, Dư-đạc tách bầy anh em.
Theo người bạn thiết Hiếu-liêm[a]
[2] Tại đây lui tới, được quen một nàng,
Gốc người cũng ở Trà-nam,
Xuân-anh[b] tên gọi, sắt cầm sánh vai.
[3] Thương nhau bao quản dặm dài,
Năm sau sinh một con trai đầu lòng.
Đặt tên con trẻ Hàn-long[c],
[4] Tiếp theo đứa nữa, tên thường Hồ-năng[d].
[5]Cuối lòng cũng một trẻ nam,
Sư-la[e] danh tộc, gia trang hưng thời.
[6] Bao năm trong khoảng đất trời,
Già đi âm cảnh, trẻ vui dương trần.

---

[a] Hiếu-liêm: Hiran.

[b] Xuân-anh: Sue,

[c] Hàn-long: Hero.

[d] Hồ-năng: Onan.

[e] Sư-la: Sela.

Hàn-long đến tuổi trưởng thành,
Dư-đạc lo vợ, cưới nàng Thanh-mai[a].
7 Nhưng chàng cường loạn, bạc bài,
Cho nên đoản mạng bởi tay ông Trời.
8 Vì tuân thói tục giống nòi,
Hồ-năng em kế, nối đời chị dâu[b].
Chàng buồn san sẻ mặc dầu,
9 Nghĩ mình vô hậu mà đau nỗi lòng.
Mấy phen chăn gối mặn nồng.
Nhưng đường hòa hợp vợ chồng thì ngăn.
10 Luật Trời chống lại sao đang,
Nên Trời dứt số Hồ-năng ở đời.
11 Khuyên dâu, Dư-đạc có lời:
Cung phu, cung tử, con thời chẳng may.
Về nương cha mẹ qua ngày,
Chờ Sư la lớn, sau *này* sẽ hay.
Dư-đạc chết mất hai trai,
Nên e đứa út xuôi tay, tuyệt dòng.
Thanh-mai từ giã nhà chồng,
Trở về cha mẹ, chờ mong cuộc đời.

*

12 Buồn trông vật đổi sao dời,
Dư-đạc vợ chết, lẻ loi tháng ngày

---

[a] Thanh-mai: Thamar.

[b] Phong tục cổ của dân *này*, nếu người anh có vợ không có con mà chết, thì em trai kế đó phải lấy chị dâu nối dòng cho anh.

Hiếu-liêm bạn cũ vãng lai,
Bên trong đàm đạo, việc ngoài chăn nuôi.
[13] Đường làng kẻ tới người lui,
Họ đồn Dư-đạc hay chơi xóm *này*.
[14] Thanh-mai trâm giắt, lược cài,
Lấy khăn bao mặt, áo dài nhũm nha.
Chiều chiều ra đứng ngã ba,
[15] Một hôm Dư-đạc ngỡ là gái chơi.
[16] Đến gần trao đổi mấy lời:
Đêm nay nàng đến với tôi được nào ?
“Xin ngài chút lộc cho đào ?”
[17] “Một con chiên béo sẽ trao cho nàng.”
“Được rồi, nhưng vật làm bằng,
Khi đem chiên đến sẽ hoàn lại cho ?”
[18] “Vậy nàng hãy chọn món đồ ?”
“Thưa xin nhẫn xuyến gậy từ tay ông.”
Của tin Dư-đạc giao xong,
Cùng nhau một giấc vu sơn đêm trường.
Canh gà vừa gáy hừng đông,
Nàng về sống cảnh góa chồng như xưa.
Bởi cha chồng cứ dối lừa,
'Không cho trai út đến đưa nàng về.
Một phen mưa gió nặng nề,
Rồi ra ai biết lỡ bề duyên ai!

*

[20] Nói qua Dư-đạc rạng ngày,
Sai đem chiên đến tận tay cho nàng.

Của tin xin lại đàng hoàng,
Nhưng người kia kiếm mấy lần không ra.
21 Đón người qua lại ngã ba,
Hỏi thăm kỵ nữ hôm qua đâu rồi?
22 Rằng đây không có gái chơi,
Dân làng chất phác suốt đời làm ăn.
Trở về thuật lại rõ ràng,
Dư-đạc dứt khoát có nàng hay chăng.
23 Đem chiên bỏ lại giữa đàng,
Kẻo đời mai mỉa “điếm đàng *đàn* ông.”
Phần tôi sòng phẳng thật lòng,
Ngờ đâu bất trắc tìm không gặp nàng.
24 Thời gian sau đó ba trăng,
Tiếng đồn trong xứ chuyện nàng Thanh-mai.
Góa chồng mà lại có thai,
Dâu ông Dư-đạc, có ai mà tồi!
Dư-đạc cảm thấy hổ ngươi,
Bảo đem đốt sống, sai người dẫn đi.
25 Nàng dâu bày tỏ thị phi:
Nhẫn xuyến và gậy, vật ni làm bằng.
Đàn ông nào đã gió trăng,
Mà tôi thai nghén, ngay gian xét giùm!
26 Dư-đạc ắt phải rõ hơn,
Tại mình đã hứa mà không giữ lời.
Sư-la cũng trưởng thành rồi,
Ngại rằng nó chết, buông trôi việc này.

Con dâu tức lý ra tay,
Công bằng đòi hỏi, một bài học đau!

*

27 Bảo tồn nòi giống làm đầu,
Thanh-mai thắng nước cờ cao cũng tài.
Vừa khi mãn nguyệt, song thai,
Một trong hai đứa ló tay ra ngoài.
28 Bà mụ liền cột sợi dây,
Nhưng rồi nó lại rút tay trở vào.
29 Đứa sau mà lại đi đầu,
Đặt tên Phan-liệt[a], cơ mầu ai hay.
30 Dã-lân[b] là đứa thứ hai,
Tức là đứa có sợi dây buộc vào.

---

[a] Phan-liệt: Pharès.
[b] Dã-lân: Zarah.

Đoạn XXXIX
BẾ MẶT HỒ LY
TUỔI XANH LÂM NẠN

1 Nhắc qua triều đại Pha-rao[a],
Quyền cao nước Giếp, của giàu dân đông.
Bằng-phan thái giám trào công,
Đã mua Dư-tiệp trông nom trong ngoài.
2 Nhờ Trời độ mạng chàng trai,
Được nhiều tín cẩn với tài đảm đương
3 Sống trong may mắn khác thường.
Các quan cũng thấy có ơn chư thần.
4 Vừa lòng thái giám Bằng-phan,
Trao cho Dư-tiệp *gia đình* quản cai
Hàng hàng tôi tớ gái trai,
Tuân theo chỉ dẫn cắt sai việc làm.
5 Sống trên nhung lụa giàu sang,
Nhưng riêng Dư-tiệp đạo tâm hẳn hòi.
Luôn luôn thờ kính ông Trời,
Vưu nhân bất khả, giúp đời thí công.

---

[a] Pharao: Bản cũ là Phan-trào, hay Phan vương, vua cai trị xứ Ê-giếp-tô. Linh mục Phao-lồ Qui đổi ra Pha-rao.

Nhờ đây dân Giếp được ơn,
Chăn nuôi phát đạt, ruộng đồng phì nhiêu.
[6b] Xuân xanh một vẻ yêu kiều,
Có thừa tài trí, được nhiều mến thương.
Bằng-phan kính nể trăm đường,
Dư-tiệp vẫn sống khiêm nhường, lễ nghi.
[7] Gian nan là lẽ huyền vi,
Đốt nung cuộc sống để tri đá vàng.
Nhà quan một *bậc* phu nhân,
Ăn ngon mặc ấm mở màn hồ ly.
Ngắm xem Dư-tiệp xuân thì,
Mày râu dĩnh ngộ, tướng đi hào hùng.
Lẳng lơ xao động loan phòng,
Nào ngờ sen chẳng hơi bùn vấn vương.
[8] Bẩm bà: “Thiên hạ ngũ thường,
Tôn ti đẳng cấp mới hơn thú cầm.
Chữ rằng vạn ác chi dâm,
Hoàng thiên hữu nhãn, thiện tâm gặp lành.
[9] Vốn tôi được giúp nhà quan,
Được lòng tín nhiệm, đảm đang trong ngoài.
Lẽ nào bội chủ phản thầy,
Trời cao không để mạng *này* ngồi yên.”

*

[10] Hồ ly ghét đạo thánh hiền,
Phu nhân chỉ biết điêu thuyền, tây thi.
Tỳ bà khảy khúc mê ly,
Chàng trai chống lại chẳng đi chung đường.

11 Ngày kia dọn dẹp thư phòng,
Một mình Dư-tiệp ngoài trong vắng người.
Phu nhân đột nhập tươi cười,
12 Mắt nhìn lưu luyến buông lời trăng hoa.
Dư-tiệp vội vã bước ra,
13 Áo choàng bỏ lại, quan bà hổ ngươi.
14 Kêu lên: “Tôi tớ đâu rồi,
Đến đây chứng kiến thứ người oái oăm.
Quan ông tin cậy bao năm,
Bây giờ nó phản, đòi nằm giường loan.
15 Tri hô, nó bỏ áo choàng,
Kinh tâm táng đởm thoát thân ra ngoài.”
16 Quan bà ra mặt thẳng ngay,
Chờ chồng về tới tỏ bày khúc nôi.
“Áo này ông rán mà coi,
Của tên Hy-bá[a] làm tôi nhà *này*.
17 Bởi ông tin nó trí tài,
Phú giao sự việc quản cai cửa nhà.
Ai ngờ giở thói trăng hoa,
Đỉa đeo cẳng hạc, xấu xa dường nào.
18 Tôi la lên, nó bôn đào,
Áo *này* bỏ lại, xin giao làm bằng.”
19 Quan ông nghe vợ phàn nàn,
Nổi cơn giận dữ chẳng phần xét suy.

---

[a] Hy-bá: La ngữ Hebroeus, tên dùng gọi sắc tộc do *thủy* tổ Hiền-bằng (Heber) cháu của Sâm (Sem), sinh ra dòng dõi Bá-lâm (Abraham).

[20] Bắt đem tống ngục tức thì,
Dư-tiệp bình tĩnh bước đi vào tù.
[21] Người ngay, Thượng đế hộ phù,
Khiến quan giám ngục cậy nhờ, mến thương.
[22] Giao quyền coi sóc tù *nhân*,
Giữ gìn trật tự, bảo tồn an ninh.
[23] Dư-tiệp đối xử hiền lành,
Cấp trên cảm đức, phạm *nhân* mến tài.

Đoạn XL
THỬ TÀI ĐOÁN MỘNG ĐIỀM ỨNG NGỤC TRUNG

1 Một ngày vào tiết hoa khai[a]
Pha-rao hạ *lệnh* giam hai cận thần.
2 Một người chước tửu chi quan,
Người kia quản thiện, lỗi lầm việc công.
Đưa vào ngục thất nhốt chung,
3 Với chàng Dư-tiệp, oan ưng chưa tường.
4 Phần ông giám ngục tin dùng,
Giao cho Dư-tiệp lo lường nhị quan.
5 Hè đi, thu lại, đông tàn,
Có lần hai vị đêm nằm chiêm bao.
Buồn vui không biết thế nào,
Mỗi người có vẻ phơ phào, âu lo.
7 Sáng ra, thấy họ bơ thờ,
Dư-tiệp gạn hỏi căn do gây phiền ?
8 Rằng: “Chiêm bao thấy một điềm,
Nhưng không đoán được dữ hiền ra sao”.

---

[a] Tiết hoa khai: Mùa trổ hoa tức mùa xuân, do câu hát cổ: Hoa khai hề mãn địa, Tri xuân giả thế nhân (Thấy bông hoa trổ khắp nơi, Người ta biết mùa xuân tới).

Dư-tiệp: “Thượng đế nhiệm mầu,
Nếu không soi sáng ai hầu giải ra.
Quí ngài chịu khó kể qua,
Tôi hân hạnh biết để mà cảm thông”.
[9] Tửu tào: “Tôi thấy giữa đồng,
[10] Cây nho ba nhánh đơm bông trái nhiều.
[11] Tôi cầm tửu bát vương triều,
Hái nho ép rượu hồng điều *dâng* vua”.
[12] Dư-tiệp thầm nguyện thiên cơ,
Giúp mình đoán mộng cho vừa tương lai.
[13] Rằng: “Đây mãn hạn ba ngày,
Vua cho phục chức đủ đầy bổng lương.”
[14] Khi nào quan được bình thường,
Nhớ tâu hoàng thượng minh tường việc tôi.
[15] Gốc người Hy-bá nổi trôi,
Đến đây cư ngụ bị rơi ngục này.
Lỗi lầm chưa có nhúng tay,
Bạo quyền áp đặt, lòng ngay mắc nàn".
[16] Thiện-tào nghe luận có căn,
Nên nhờ Dư-tiệp giúp bàn mộng cho:
“Đội đầu ba thúng bánh to,
[17] Thúng trên đủ món thơm tho, ngon lành.
Chim trời đáp xuống cướp ăn,
Không còn gì cả, hiền chăng điềm *này*?”
[18] Dư-tiệp: “... Ý nghĩa như vầy,
Còn ba ngày nữa vua hài tội quan,

[19] Rồi đưa ra chốn pháp tràng,
Treo thây, diều quạ đến giành nhau ăn.
Ba ngày căng thẳng tinh thần,
Một bài định mạng, hai quan vui buồn.
[20] Đúng ngày vạn thọ quân vương,
Pha-rao mở yến, trào đường liên hoan.
[21] *Lệnh* ra phục chức tửu quan,
[22] Thiện quan kết án, treo thân ngoài đồng.
Y lời nói trước ba hôm,
Chàng trai Dư-tiệp ngồi mong tin lành.
“Buồn thay, thế thái *nhân* tình,
Trách quan chước tửu phồn vinh quên người.

Đoạn XLI

VƯƠNG MỘNG KHAI THÔNG
ĐĂNG QUANG DƯ-TIỆP

1 Hai năm sau đó qua rồi,
Pha-rao nằm mộng: cảnh trời nắng trong.
Nhà vua nhìn dưới dòng sông,
2 *Bảy* con bò cái mập tròn lội lên.
Kéo nhau ăn đám cỏ mềm,
3 Bỗng nhiên lại thấy trồi lên *bảy* bò.
Hình thù đói khát gầy gò,
4 Đuổi theo nuốt *bảy* bò to chẳng còn.
Pha-rao sực tỉnh giấc nồng,
5 Rồi nằm ngủ lại, thấy đồng cỏ khô.
Mọc lên *bảy* gié lúa no,
Lắc lư trong gió sởn sơ nặng oằn.
6 Tiếp theo *bảy* gié lúa cằn,
Mọc lên lép xẹp, úa vàng héo khô.
7 Nuốt luôn *bảy* gié lúa no,
Pha-rao thức giấc, âu lo trong lòng.
Nhìn ra trời đã hừng đông,
8 Vua bèn triệu tập hội đồng bói khoa.

Những nhà thuật số, huyền gia,
Chiêm tinh, đoán mộng cả và Giếp-tô.
Nhà vua thuật lại mộng cơ,
Yêu cầu đoán giải căn do tượng điềm.
Tung ra dịch tượng, quẻ kiền,
Lục hào, thái ất, cửu huyền, đạo gia.
Người nào cũng chẳng bàn ra,
9 Cuối cùng chước tửu trào ca tấu trình:
10 "Trước đây thần bị ngục hình,
Một mình chiêm mộng, vận mình ra sao.
11 Đồng thời quản thiện chiêm bao,
Cũng lo sốt ruột, lao đao nỗi lòng.
12 Có người Hy-bá nhốt chung,
Nhờ Trời, tiên đoán kiết hung, đại tài.
13 Mọi lời tiên đoán không sai,
Hôm nay vụt nhớ, trình bày long nhan."
14 Pha-rao cấp tốc *lệnh* ban,
Cho vời Dư-tiệp *triều đình* tường tri.
Dư-tiệp thay đổi xiêm y,
Tóc râu chải chuốt, triều nghi ứng hầu.
Chàng trai đứng giữa sàn chầu,
15 Chung quanh văn võ, Pha-rao mở lời:
"Trẫm nghe tài trí nhà ngươi,
Vì đây điềm mộng không người đoán ra."
16 Dư-tiệp: "Thần chẳng tài ba,
Nhờ ơn Thượng đế chính tà chiếu soi".

[17] Thượng hoàng thuật lại đầu đuôi
[18] Bò thời [19] gầy béo, [20] lúa thời [21] lép, no.
[22] Nằm trong số bảy, [23] huyền đồ,
Cuối màn hung diệt cát cơ hoàn toàn.
[24] Chưa ai giải đáp rõ ràng,
Nhờ ngươi cảm ứng; linh thần đoán ra”

*

[25] Tâu rằng: “Lưỡng mộng đồng hoà,
Bàn tay Thượng đế trải qua miền *này*.
[26] Bảy no liên tiếp tới đây,
Bảy năm sung túc, ruộng cày vun bông.
[27] Bảy lép tiếp nối sau cùng,
Bảy năm đói kém, cánh đồng khô khan.”
[28] Dư-tiệp kết luận lời bàn:
[29] “Thời kỳ nước Giếp bảy năm được mùa.
Bảy năm tiếp đó không mưa,
[30] Đồng khô cỏ cháy, dân cư khốn cùng.
Cơ hàn rách rưới lung tung
[31] Toàn dân quên thuở vàng son trước *này*.
[32] Hai điềm bò, lúa kể đây,
Thiên cơ chắc chắn nay mai ứng hành.”
[33] Thần *dâng* một bản điều trần:
“Bệ hạ cử một đại thần khả năng.
Mưu đồ tế thế an bang,
[34] Thặng dư thu góp những năm trúng mùa.
[35] Thành nào cũng có *lệnh* vua,
Lập kho dự trữ dư thừa lương nông.

36 Để nuôi dân lúc bạch đồng,
Chén cơm bát cháo đỡ lòng cơn nguy."
37 Điều trần vạch rõ thị phi,
Pha-rao chấp thuận, thực thi kịp thời.
Bá quan không chọn được người,
Tài cao thì có, đức trời thì không.
38 Võ văn tề tựu sân rồng,
Nhà vua tuyên phán: "Theo lòng chư khanh
Khó tìm tam đạt[a] chi nhân,
Ngoại trừ Dư-tiệp linh thần chở che.
39 Điều trần, trẫm đã châu phê,
Khôn ngoan như thế, ai đề nghị hơn.
40 Trẫm nay đặt mọi oai *quyền*,
Vào tay Dư-tiệp bảo tồn lê dân.
41 Sắc phong tể tướng *triều đình*,
Toàn quyền định đoạt không cần trình tâu.
Các quan khắp nước đâu đâu,
Hợp cùng tể tướng mưu cầu ích chung."
42 Đoạn ban ấn kiếm nguyên nhung,
Cân đai, triều phục, đền rồng phó vương.
43 Ngự xa qua các phố phường,
Kế xe tể tướng trên đường đăng quang.
Tiền hô hậu ủng nghiêm trang,
Kinh thành cờ quạt, tứ dân đón chào.

---

[a] Tam-đạt: tài cao, đức trọng, uy tín. Trên thuận đạo trời, dưới được lòng người và biết cách làm cho dân cơm no, nhà ở và khôn ngoan.

44 Vua rằng: "Trên có Pha-rao,
Nếu không Dư-tiệp, ai nào dám hơn".
45 Còn ban tôn hiệu vàng son:
"Cứu *nhân* độ thế"[a] danh thơm khắp vùng.
Nhà vua còn đứng chủ hôn,
Sa-nương[b] quận chúa con dòng trâm anh.
Cùng quan Dư-tiệp duyên lành,
Chọn ngày hôn lễ cử hành lớn lao.
Bắt tay vào việc vua giao,
Con đường kinh lý nơi nào cũng qua.
46 Cơm ăn, áo mặc, cửa nhà,
Là ba nền tảng vốn là của dân.
Dân đông, dân ít thì phân,
Đất nhiều, dân ít thì cần chiêu dân.
Dư-tiệp ba chục cái xuân,
Trị bình thiên hạ khôn ngoan đức trời.
47 Bảy năm thịnh vượng tới rồi,
Nhà no người đủ khắp nơi vui *mừng*.
48 Ban hành chính sách kiệm cần,
Phòng cơ tích cốc, phòng hàn giữ chăn.
Tửu sắc, tài khí cấm ngăn,
Nhờ đây của cải dư trăm dư ngàn.
49 Nông bô thu hoạch đầy tràn,
Chăn nuôi phát đạt, xóm làng an ninh.

---

[a] Tác giả theo thói triều đình Người Việt, khi vua ban tặng công đức vị quan nào hay bá hộ nào, thì người đó tùy tiện làm khuôn biển to chạm chữ vua ban đó sơn son thếp vàng treo giữa nhà.

[b] Sa-nương: Aseneth, con gái một vị quan lớn triều đình Phàn-vương.

*

50 Nói riêng Dư-tiệp gia đình:
Nhà vua tác trợ, thần linh hộ trì.
Hào con: hai gã nam nhi,
51 Đầu lòng Mạnh-đạt[a], thứ nhì Ấm-liêm[b].
52 Tạ ơn Thượng đế cho quên,
Những ngày đau khổ, nỗi niềm cách phân.
Tạ ơn Thượng đế ơn ban
Trong cơn hoạn nạn vinh quang chan hòa.
53 Bảy năm thịnh vượng vừa qua,
Bảy năm khốn cực đổ ra khắp cùng.
Trên trời vắng bóng mây hồng,
Mặt đất khô trắng, dưới sông cạn dòng.
54 Y như kế hoạch dự phòng,
Dư-tiệp tiên liệu đỡ cơn ngặt nghèo.
55 Cơ hàn, dân chúng tiêu điều,
Đòi vua, đòi các quan triều: cơm ăn.
Pha-rao kêu gọi toàn dân:
"Đến cùng Dư-tiệp và tuân *lệnh* người."
56 Càng ngày nạn đói càng sôi,
Các kho nhà nước lần hồi bán ra.
Thất mùa lan rộng gần xa,
Chung quanh nước Giếp người ta cơ hàn.
57 Cho nên biên giới đạp càn,
Đến đây mua lúa nuôi ăn qua ngày.

---

[a] Mạnh-đạt: Manasse, con đầu lòng của Dư-tiệp.
[b] Ấm-liêm: Ephraim con thứ của Dư-tiệp.

Đoạn XLII
THẤT MÙA ĐẠI NẠN CẦU THỰC GIẾP-TÔ

[1] Nghe đồn nước Giếp trước đây,
Lập kho trữ gạo lúc *này* bán ra.
Gia-cước gọi đám con nhà:
“Sao bây chậm chạp, người ta rần rần,
[2] Mau mau sắp xếp lên đàng,
Đến nơi đong lúa độ thân cơn nghèo.
[3] Đề phòng đường xá cheo leo,
Nhất là cẩn thận vượt đèo qua truông.”
[4] Biền-mân ở lại sớm hôm,
Cha già hủ hỉ, trông nom cửa nhà.
[5] Canh năm còn rộn tiếng gà,
Mười anh bao bị xông pha đường dài.
[6] Người ta nườm nượp cả ngày,
Lạc đà, lừa, ngựa, miền này xứ kia.
Giếp-tô bốn hướng đổ về,
Phải qua tể tướng định bề xuất kho.
Bầy con Gia-cước bước vô,
Vái chào lễ phép, đứng chờ đến phiên.

7 Dư-tiệp nhìn thấy biết liền,
Nhưng làm mặt lạ, điềm nhiên hỏi rằng:
“Các người gốc gác hà phang[a]?”
“Chúng tôi tất cả Trà-nam quê nhà.
Thất mùa, đói khát xót xa,
Đến đây mua lúa đỡ qua vạ trời.”
8 Dư-tiệp nhớ lại ấu thời,
Chiêm bao đã ứng nên người gắt gao.
Anh em chẳng biết đằng nào,
9 Mà quan bắt bẻ, gán vào thám quân.
Dụng mưu quan sát kinh thành,
Địa hình, địa vật, trại canh, dân phòng.
10 Họ rằng: “Bẩm lạy chúa công,
Cốt đi mua lúa, ngoài không hai lòng.
11 Làm ăn lương thiện nghề nông,
Anh em lớn nhỏ vốn đồng một cha…”
12 Quan rằng: “Đừng có van ca,
Các ngươi một lũ dò la tình hình.”
13 “Thật oan cho kẻ cùng đinh,
Chúng tôi thành thật cúi xin trình bày.
Anh em tất cả mười hai,
Một người mất tích trong ngày còn thơ.
Một em út nhỏ bây giờ,
Ở nhà hôm sớm giúp lo cha già."
14 Quan rằng: “Càng nói càng ngoa,
Chứng minh điều ấy thì 15 ta định rằng,

---

[a] Hà phang: hà phương, tức phương nào? (Chú thích của Nước Mặn)

16 Cho người dẫn đứa út sang,
Các ngươi ở lại phải giam vào tù.
17 Đến khi biết rõ thực hư ..."
Dứt lời hạ *lệnh* tỏa cư ba ngày.

*

18 Mười người cảm thấy đắng cay,
Tại sao quan quá nặng tay với mình.
Người ta mua lúa kình kình,
Không bị hạch hỏi, bị tình nghi chi.
Ba ngày mở ngục *dắt* đi,
Hầu quan Tể tướng, hồn phi phách rời.
Thông ngôn chuyển ngữ, hạ lời:
19 "Quan trên ra *lệnh* một người câu lưu.
Chín người trở lại gia cư,
Chở về lúa gạo dự trù cơn nguy,
20 Chuyến sau em út cùng đi
Thì quan xác nhận thị phi đủ rồi.
Nếu mà có sự lôi thôi,
Dĩ nhiên cái chết các người phải mang."
Anh em đều nhận *lệnh* quan,
21 Xong rồi, họ lại phàn nàn với nhau.
Tại mình mặt ngựa đầu trâu,
Bất nhân, tàn bạo, gây sầu cho cha.
Em mình bắt bán người ta,
Mặc dầu nó khóc, kêu la hết lời.
Mà ta một mực vui cười,
Ác thì quả báo, tay Trời công minh.

[22] Bấy giờ có tiếng Lữ-bình:
“Trước đây tôi bảo chớ hành tội em.

Thế mà các chú ngang nhiên,
Hiện nay nợ máu phải đền, trách ai.”
[23] Họ dùng thổ ngữ ở đây,
Nào ngờ Tể tướng để tai từ đầu.
[24] Tâm thần xúc động xôn xao,
Cố cầm giọt lệ, giây lâu *lệnh* rằng:
[25] “Một người giữ lại làm bằng”
Sĩ-mông bị trói đem cầm phía sau.
Lệnh: “Đem bao đổ lúa vào,
Bạc tiền giấu kín trong bao mỗi người.'"
Quân gia tuân *lệnh* hẳn hòi,
Còn thêm lương thực lại dồi dào hơn.

*

[26] Anh em bái tạ lên đường,
Xót xa như chở đau buồn về đâu!
[27] Dọc đàng, dừng bước giải lao,
Một người lấy lúa, mở bao thấy tiền.
[28] Làm cho ai nấy ngạc nhiên,
Càng thêm bối rối, càng thêm bồi hồi.
Cúi đầu không biết tay Trời,
Rồi đây đưa đẩy cuộc đời ra sao.

*

[29] Cha già mòn mỏi ra vào,
Thấy con về tới, người nào cũng lo.
[30] Đầu đuôi, thuật lại căn do:

Chuyến đi gặp lắm cam go buồn phiền.
Quan trên nghi kỵ điệp viên,
Tội tù, dằn vặt, không yên trí lòng.
[31] Rằng mình lương thiện nghề nông,
[32]Mười hai tất cả, con chung một nhà.
Một người ở với cha già,
Một người biệt tích, kể ra rõ ràng.
[33] “Không tin, quan bắt làm bằng,
Một thì nhốt lại, chín mang lúa về.
[31] Chuyến sau em út theo kề,
Cho quan thấy mặt dễ bề tin nhau.
Kẻ giam được thả ra mau,
Các người cũng được ra vào làm ăn.
[35] Hôm sau đổ lúa ra sân,
Xô bao thấy bạc, phân vân ngại ngùng.
[36] Cha già: “Bây quá lung tung,
Mất con ta hết: *Sĩ-mông* bị cầm.
Dư-tiệp biệt tích lâu năm,
Bây giờ muốn *dắt* Biền-mân khỏi nhà.
Rủi ro đổ trút đầu già,
Chúng con chớ trách sao cha phiền hà!”
[37]Lữ-bình quả quyết: "Thưa cha,
Biền-mân con lãnh, nếu mà có chi,
Con con hai đứa đang thì,
Xin cha giết quách chúng đi đền bồi.”
[38] Cha già: “Ta *nhất* quyết rồi,
Không hề con út được rời khỏi đây.
Dư-tiệp số nó không may,

Biền-mân sống sót, nếu mai thể nào ...
Thì cha chết với âu sầu,
Tủi thân *này* đã bạc đầu chưa yên!”

Đoạn XLIII

HUYNH ĐỆ CẦU LƯƠNG
BIỀN-MÂN CHUNG BƯỚC

[1] Thất mùa lan rộng khắp miền,
Mưa sa nắng đổ, đảo điên cuộc đời.
[2] Bữa cơm, bữa cháo cầm hơi,
Bao nhiêu lúa gạo cũng trôi phương nào.
Gia-cước: "... Cơn đói lên cao,
Rán qua nước Giếp để cầu của ăn."
[3] Dư-đạc: "Thà đói cho cam,
Không đem em út cũng bằng bỏ thây.
[4] Nếu cha cho nó nhập bầy,
Qua đó chuyến *này*, may cứu *Sĩ-mông*.
[5] Bằng không qua đó uổng công,
Vì quan xứ Giếp khó lòng xảo ngôn."
[6] Cha già: "Rắc rối nào hơn,
Can chi phải nói bây còn một em?"
[7] "Thưa cha, khó giấu quan trên,
Hỏi tra, hăm dọa còn thêm giam cầm.
Mình ngay nói hết ngọn nhành,
Ai dè quan dạy *dắt* sang diện trình."

8 Dư-đạc: “Cha cứ lình xình,
Chắc là đám trẻ tổn sinh mạng rồi!
9 Bây giờ con quyết một lời,
Con lãnh em út khứ hồi bình an.
Nếu như bất trắc giữa đàng,
Con xin chịu tội, gian nan suốt đời.
10 Phải chi cha chẳng lần hồi,
Chúng con qua lại tháng rồi mấy phen.”
11 “Thôi bây đừng kéo dài thêm,
Tình hình cấp bách, đi liền mới xong.
Đem theo sản vật thơm ngon,
Nhũ hương, hổ phách, mật ong làm quà.
12 Bạc tiền đem gấp đôi, ba,
Phòng khi chuyến trước người ta tính lầm.
13 *Dắt* theo em út Biền-mân,
14 Nguyện xin Thượng đế trên đàng vận lương.
Anh em chúng nó vuông tròn,
Già *này* ở lại cô đơn sớm chiều!”

*

15 Đồng xanh nắng cháy tiêu điều,
Chuyến đi hy vọng được nhiều cái hên.
10 Đến nơi ra mắt quan trên,
Ngài liền nhận thấy mặt em út mình.
Cố dằn xúc động tâm tình,
Anh em thuật lại tình hình gia trang.
Quản gia, quan gọi dặn rằng:
“Hãy mời lớn nhỏ, một đoàn vào trong.

Thức ăn, nấu những món ngon,
Trưa nay họ sẽ dùng cơm nhà mình.”
[17] Quản gia chu đáo thi hành,
[18] Anh em sợ hãi, riêng bàn với nhau:
“Chắc là tiền nhét trong bao,
Biết đâu chước quỷ để hầu hại ta.”
[19] Họ ra cửa gặp quản gia,
[20] Phân trần: “Tiền lúa [21] về nhà mới hay.
[22] Người nào cất giấu vào đây,
Chúng tôi sòng phẳng, chuyến này mang theo.”
[23] “Quí ông chớ ngại chi nhiều,
Cầu Trời phù hộ mọi điều bình yên.
Chuyến rồi đã trả đủ tiền,
Xin đừng để bụng, kẻo phiền lo âu."
Sĩ-môngg được thả, hợp nhau,
[24] Đoạn mời tất cả đi vào tư dinh.
Những người giúp việc tận tình,
Mấy khay trầu hảo, mấy bình trà thơm.
Bưng mời quí khách nhậm dùng,
Mọi điều gì khác họ cùng giúp lo.
[25] Anh em sửa soạn món đồ,
Đem làm quà tặng, ngồi chờ quan trên.

*

[26] Đến trưa quan trở về dinh,
Mọi người có mặt đứng lên bái chào.
Lựa lời tốt đẹp mấy câu,
Dâng lên lễ vật, đổi trao lời lành..

27 Quan trên đáp lễ hỏi thăm:
“Cụ già, thân phụ các anh thế nào?”
Rằng: “Người tuy tuổi đã cao,
Nhờ Trời, sức khỏe dồi dào khang ninh.”
29 Biền-mân[a] em út, quan nhìn:
“Em này chuyến trước đã trình phải chăng?
Cầu Trời em được bình an...”
30 Bỗng quan xúc động vội vàng vào trong.
Hai hàng nước mắt ròng ròng,
Quá thương em ruột, tủi lòng cách phân!
Một hồi cố gắng lệ ngăn,
31 Bước ra bình tĩnh: gọi làm bữa ăn.
Quản gia xếp đặt hai hàng,
Một bên người Giếp, một bàn anh em.
32 Quan trên cũng một bàn riêng,
Xong rồi, mời lại yến diên vui *mừng*.
33 Ngồi theo thứ tự niên canh,
Anh em ngớ ngẩn, bao lần ngạc nhiên.
34 Họ ngồi trước mặt quan trên,
Món ngon quan dạy sớt riêng chia phần.
Nhất là mâm của Biền-mân,
Thức ăn quan sớt gấp năm mọi người.
Bữa ăn ai nấy vui cười,
Rượu ngon sao lãng trò đời đổi thay.

---

[a] Biền-mân (Benjamin) là em Dư-tiệp (Joseph) con một mẹ, La-cương (Rachel) chỉ sinh có hai người.

Đoạn XLIV
TỐC HÀNH TRUY NÃ
XÉT BẮT BIỀN-MÂN

[1] Kinh thành vừa sạch sương mai,
Quan kêu thân tín tra tay việc làm:
“Mỗi bao đong lúa đầy tràn,
Bạc tiền gói lại kỹ càng nhét vô.
[2] Thêm bao em út món đồ,
Là đem chén bạc quan to quen dùng.”
[3] Thi hành công việc đã xong,
Quan cho tất cả lên đường về quê.
[4] Một ngày chuyên chở nặng nề,
Đằng sau vó ngựa gần kề đuổi theo.
[5] Một người chặn lại cả kêu:
“Các anh bội nghĩa, làm điều vô nhân.
[6] Chén bạc quí giá của quan,
Thừa cơ ăn cắp phải hoàn lại mau.”
[7] Họ rằng: “Oan ức làm sao,
Ơn quan trọng hậu lẽ nào *xảy* ra!
[8] Chúng tôi tiền bạc thật thà,
Trước sau thanh toán, quản gia biết rành.

Làm sao có sự chẳng lành,
Lòng nào ăn cắp bạc vàng nhà quan.
[9] Yêu cầu lục soát công bằng,
Ai là thủ phạm, xin phân thây liền.”
[10] “Đó là tùy ý anh em,
Gặp ai ăn cắp, bắt đem tôi đòi.
Vô can thì thả đi xuôi...”
[11] Các bao lớn nhỏ tức thời phanh phui.
Thế là khám xét từng người,
[12] Tới bao em út thì lòi quả tang,
[13] Tức mình xé áo kêu van,
Anh em trở lại hầu quan cho tường.
[14] Dư-đạc kéo hết vào trong,
Sấp mình xuống lạy: “Chúa công xét giùm.”
[15] Quan rằng: “Dầu có gan hùm,
Cái tài nham độn ta còn cao hơn.”
[16] Dư-đạc: “Bẩm lạy chúa công,
Vụ *này* chẳng biết khai thông cách nào.
Chỉ còn có một Trời cao,
Xin Người giải tỏa trước sau rõ ràng.
Tình ngay mà cái lý gian,
Chúng tôi tất cả xin làm tôi quan."
[17] “Các người là kẻ vô can,
Tội ai nấy chịu, công bằng là hay.
Em út ở lại xứ *này*,
Các anh tải lúa về ngay xứ mình.”

18 Dư-đạc: “Cho tớ phân minh[a],
Chúng tôi con một gia đình bất phân.
19 Trước đây tớ nói Biền-mân,
Là người em út phải gần bên cha.
20 Quan đòi phải *dắt* nó qua,
Cha già không muốn nó ra khỏi nhà.
21 Bao lần năn nỉ thiết tha,
Mỗi lần như vậy, cha già đớn đau.
22 Nhưng mà nạn đói quá lâu,
23 Quan: *quyền* sinh tử, 24 cha: sầu tử sinh.
25 Giằng co, cơn đói hoành hành,
Sợ bầy con trẻ bỏ mình vì ai!
26 Tớ bèn bảo lãnh chuyến *này*,
27 Cha già đứt ruột buông tay cho rồi.
28 Ra đi luống những bồi hồi,
23 Bây giờ như vậy, ôi Trời thấu chăng!
30 Gọng kềm ai đã mở toang,
Để em út kẹt khó khăn thế này!
31 Thà rằng tớ chết ở đây,
Xin cho nó trở về tay cha già.
32 Hơn là tớ trở về nhà,
Mà không có nó, nhìn cha xuống mồ.
Trò đời là cái hư vô,
Cũng vì ích kỷ làm nhơ tình người.
33 Ngay gian xin có mấy lời,
Tớ vì chữ hiếu, mong Trời chứng minh.”

[a] Từ câu 18 đến câu 34, tác giả diễn tả theo tâm trạng người Á đông - Một dung hòa Kinh thánh và dân tộc Việt.

Đoạn XLV

DƯ-TIỆP HÀI DANH
TRÀ-NAM HỈ TÍN

[1] Nghe qua, rúng động tâm tình,
Quan xua tả hữu của mình ra sân.
[2] Then cài, cửa đóng, vách ngăn,
Nhưng người khóc lớn, kinh thành xôn xao.
Anh em kinh ngạc nhìn nhau,
[3] Quan còn tấm tức, nghẹn ngào thốt lên:
"Dư-tiệp chính thật tên em,
Nghe cha còn sống, vui niềm nào hơn!"
Anh em bỡ ngỡ, loạn tròng,
Ấy người xương thịt hay lồng chiêm bao.
[4] Người bèn lên tiếng ngọt ngào:
"Anh em đừng ngại, bước vào cầm tay.
Tôi là Dư-tiệp còn đây,
Các anh bắt bán một ngày năm xưa.
[5] Bình tâm đừng có nghi ngờ,
Đó là định mạng, thiên cơ an bài.
Khiến tôi đến trước xứ *này*,
Dọn đường bảo vệ tương lai giống nòi.

6 Cơ hàn không phải vầy thôi,
Còn nhiều năm nữa, tai trời khổ hơn.
7 Biết rằng mưu sự tại *nhân*,
Nhưng trong phân mục mới đơm tốt cành.
8 Nếu tôi không bị hi sanh,
Làm sao rày được nổi danh xứ người.
Pha-rao trên hết, dưới tôi,
Chức thời tể tướng, *quyền* thời phó vương.
9 Các anh cấp tốc hồi hương,
Trình cho cha biết tôi đương chủ quyền.
Một tay nắm các mối giềng,
Toàn dân no ấm, khắp miền yên vui.
10 Mời cha di tản tạm thời,
Vì cơn đói khổ cằn cỗi còn lâu.
Diên-san[a] vùng đất tươi màu,
Dành cho thân phụ không đâu sánh bằng.
11 Chăn nuôi, trồng tỉa dễ dàng,
Cả con, cháu, chắt vững vàng sinh cư.
12 Anh em thấy rõ thực hư,
Quyền hành tôi có thật như thế nào.
13 Nói cho cha biết trước sau,
Mong người chấp thuận, tôi cầu ơn trên.
14 Nói xong, Dư-tiệp ôm em,
Biền-mân âu yếm, ưu phiền đã tan.

---

[a] Diên-san: La ngữ Gessen, vùng đất phì nhiêu *nhất* ở Ê-giếp-tô.

15 Đồng thời xiết chặt các anh,
Vui buồn kể lại bao năm xa lìa.
16 Kinh thành náo động vấn đề:
Anh em tể tướng hội về gặp nhau.
Triều đình cả đến Pha-rao,
Lấy làm hoan hỉ, lâm trào đề ra:
17 “Trẫm nghe Tể tướng quê nhà,
Anh em vừa đến quả là rồng mây.
Đình thần cũng được vui lây,
Trẫm xin góp ý việc *này* với khanh,
Cho đoàn xe đến Trà-nam,
18 Đón mời thân phụ tiến sang miền *này*.
19 Nào là sản vật gia tài,
Nào là bửu quyến, các bầy chăn nuôi.
20 Về đây vui sống thảnh thơi,
Trẫm ban đất tốt dựng đời ấm no.
Nhờ khanh giúp nước Giếp-tô,
Lòng ưu ái trẫm đền bù ơn khanh.”

*

21 Y theo vương lệnh thực hành,
Quan trên cung cấp áo quần anh em.
22 Dồi dào lương phạn bạc tiền,
Tặng thêm lừa, ngựa, chở chuyên cần dùng.
23 Cho đoàn hộ tống canh phòng,
Cùng là phẩm vật biếu *dâng* cha già.
24 Khởi hành vừa bặt tiếng gà,
Quan khuyên hết thảy ôn hòa với nhau.

*

25 Lúc buồn dầu lẹ cũng lâu,
Khi vui dầu chậm cũng mau hơn thường.
26 Cha già mừng đón các con,
Nghe tin Dư-tiệp hãy còn sống an,
Làm quan đất Giếp song toàn,
Đã lừng diệt đói, phục hoàn ấm no.
Vừa nghe Gia-cước ngẩn ngơ,
Nửa hư nửa thực, giấc mơ bàng hoàng.
27 Các con gỡ mối băn khoăn,
Lại thêm lừa, ngựa, rần rần kéo sang.
Tưng bừng không khí hân hoan,
Cha già cảm thấy tâm thần hứng lên:
28 “Muôn vàn cám đội ơn trên,
Dư-tiệp còn sống bình yên ở đời.
Quyết đi đến gặp con tôi,
Nhìn cho thấy mặt trước hồi lâm chung.”

Đoạn XLVI
GIA ĐÌNH DI TẢN
DANH SÁCH CHÍNH TÔNG

1 Chiên cừu tài sản ngoài trong,
Trại lều thu gọn đã xong vài ngày.
Gia-cước bảo các con trai,
Biếc-sâm tựu lại lập đài hiến *dâng*.
Cùng nhau tế Chúa cửu trùng,
Là ngôi Thượng đế tổ tông kính thờ.
2 Ban đêm trong một giấc mơ,
Trời kêu Gia-cước dặn dò khuyên răn.
3 "Đây là Trời của *Ra-ham*[a],
Trời nhà I-giác quyền năng muôn đời.
4 Hãy đi nước Giếp kịp thời,
Không nên lo ngại có Trời theo luôn,
Sẽ nên dân tộc rất đông,
Sinh cơ lập nghiệp, bảo tồn tương lai.
Sau Trời *dắt* trở về đây,
Dư-tiệp vuốt mắt ngươi ngày lâm chung."

---

a Bản Canada 2000 ghi chỗ này và hai chỗ tiếp theo là Bá-lâm, bản này sửa lại là *Ra-ham* cho đồng bộ để độc giả khỏi lúng túng (Chú thích điều chỉnh của Tủ sách Nước Mặn).

[5] Hôm sau vào lúc rạng đông,
[6] Gia-cước tất cả cháu con họ hàng,
Lên xe vua đã gửi sang,
[7] Đem theo sản nghiệp thẳng đàng Giếp-tô.
[8] Bao năm gầy dựng cơ đồ,
Trà-nam đất hứa, bây giờ tản cư.
[9] Làm ăn phát đạt có dư,
Các con Gia-cước kể như sang giàu.
[10] Tôi trai, tớ gái ra vào,
Chăn nuôi tăng số, hoa màu thêm tươi.
[11] Các con ai cũng lập đời,
Vợ con sung túc, chỗ nơi thanh nhàn.
[12] Mấy năm gặp nạn, cơ hàn,
Buồn trông sự sản mười phần còn ba.
[13] Ơn Trời đúng lúc mở ra,
Cánh tay Dư-tiệp cả nhà đỡ nâng.
[14] Đoàn người rời bỏ Trà-nam,
Chính tông Gia-cước theo danh sách *này*.
[15] Lệ-anh sinh sáu con trai,
[16] Bây giờ thê tử [17] không ngoài ba mươi.
[18] Diên-phan hầu thiếp [13] hai người,
[20] Bây giờ thê tử [21] kể mười sáu tên.
[22] La-cương hai gã trai hiền,
Dư-tiệp sinh trước và Biền-mân sau.

23 Bây giờ thê tử đếm đầu,
24 Là mười bốn mạng anh hào xứng danh.
25 Trà-liên hầu thiếp, hai chàng,
Bây giờ thê tử một đàn bảy tôn.
26 *Cộng* chung con cháu, dâu hiền,
27 Bảy mươi tất cả sang miền Giếp-tô.
Số này Dư-tiệp kể vô,
Thật người đã ở trào đô thuở giờ.
Ngoài ra không kể gia nô
Những người giúp việc, nông bô chăn bầy.
Đoàn người đông đảo gái trai,
Diên-san vừa đến, ngừng đây cặm lều.

*

28 Dư-đạc đi trước về triều,
Báo cho Dư-tiệp mọi điều thể nao.
29 Dư-tiệp mặc áo đại trào,
Ngồi xe tứ mã, quân hầu hai bên.
Trải qua làng mạc, điền viên,
Diên-san ngừng lại, người bèn đi chân.
Anh em, con cháu chào *mừng*,
Người vào trong trại, phụ thân đang chờ.
Ôm cha già, tóc bạc phơ,
Từ ngày ly biệt đến giờ bao năm.
Nhớ nhau phụ tử tình thâm,
Gặp nhau, nước mắt đã dầm dề tuôn.

[30] Cha già cất tiếng run run:
“Thấy con còn sống cha mừng xiết bao.
Bây giờ có chết chẳng sao,
Đội ơn Thượng đế đã lau lệ già.”

*

[31] Dư-tiệp đề nghị đưa ra:
“Tôi về triều trước, trình qua thánh hoàng.
Gia đình tất cả đã sang,
[32] Có nghề căn bản là chăn nuôi bầy.
Đã lùa súc vật đến đây,
Xin vua cư ngụ vùng này phì nhiêu.
[33] Khi vào bệ kiến vương triều,
Anh em, thân phụ nhớ điều bàn đây,
Tâu lên hoàng đế được hay,
Dĩ nhiên mình được lâu dài Diên-san.
[34] Vì người Ê-giếp kiêu căng,
Có lòng kỳ thị nghề chăn chiên bò."

Đoạn XLVII

BỆ KIẾN PHA-RAO
KINH TÀI CẢI THIỆN

1 Bệ tiền văn võ tung hô:
“Pha-rao vạn tuế, Giếp-tô đại cường.”
Bá quan từ các địa phương,
Theo phiên ngự duyệt nông thương tình hình.
Sau thì Tể tướng tấu trình:
“Anh em, thân phụ, gia đình đã sang.
Hiện thời tạm trú Diên-san,
2 Năm người đại diện còn đang đứng ngoài.”
Pha-rao ra *lệnh* cho đòi,
Bước vào triều bái, năm người quì tâu:
3 “Tệ thần, dòng dõi từ lâu,
Sống nghề chăn vật, mưu cầu miếng ăn.
Nhiều đời ở xứ Trà-nam,
Ngày nay nạn đói, cư dân phải dời.
4 Nhờ ơn bệ hạ biển khơi,
Cho thần tá túc miền ngoài Diên-san."
5 Day qua Tể tướng, vua rằng:
“Anh em ruột thịt của khanh tỏ bày,

6 Nắm quyền định đoạt trong tay,
Vậy khanh tùy tiện an bài cho xong.
Diên-san hoặc một cánh đồng,
Cỏ xanh tươi tốt để dùng chăn nuôi.
Lựa trong dòng họ mấy người,
Đảm đang gia súc, tài bồi ngựa voi.
Về đây giúp trẫm trông coi,
Những đoàn cầm thú nhiều nơi kinh thành.”
7 Tiếp theo, Tể tướng đỡ nâng,
Cha già lần bước đến gần Pha-rao.
Cúi đầu chúc thọ ngôi cao;
Phước dư đông hải, lộc giàu nam san.
8 Vua rằng: “Tuổi lão bao lăm ?”
9 Trăm ba mươi tuổi không bằng tổ tiên.
Bởi đời lưu lạc truân chuyên,
Mong ơn bệ hạ giúp yên tuổi già.”
10 Xong rồi bái tạ lui ra,
Trống chầu rộn rã, triều ca buông màn.

*

11 Dư-tiệp thừa *lệnh* vua ban,
Chọn vùng đất tốt làm phần thổ cư.
12 Anh em ruộng đất cấp dư,
Tùy người, tùy nghiệp, mục, ngư, canh, tiều.
Giống lành gặp đất phì nhiêu,
Một dân tộc lớn đang kiều ngụ đây.
13 Nói qua chính sách kinh tài,
Của quan Tể tướng trong ngày gian nan.

Giếp-tô cho đến Trà-nam,
Muôn dân lâm nạn cơ hàn âu lo.
14 Trước kia vàng bạc xuất kho,
Thu mua lúa gạo dự trù nhiều năm.
Đến khi nắng hạn hoành hành,
Trăm dân lần lượt bạc vàng xuất ra,
Để mua lúa gạo hoàng gia,
Cháo cơm đắp đổi chờ qua tháng ngày,
15 Nhưng mà nạn đói dằng dai,
Lần hồi vàng bạc dân cày tiêu ma.
Kéo nhau rần rộ kêu ca,
16 Bấy giờ Tể tướng *lệnh* ra thể này.
“Hãy đem súc vật đến đây,
Thay tiền đổi gạo chờ ngày có mưa.”
17 Trăm dân đổi hết bò lừa,
Nhưng thời hạn hán cũng chưa dứt nào.
18 Họ bèn tập hợp kéo nhau,
Đến xin Tể tướng làm sao phân giùm.
Cuộc đời họ quá khốn cùng,
Bạc tiền, súc vật cạn sòng, phủi tay.
19 Thế mà cái đói còn hoài,
Lẽ nào chờ chết mong ngài liệu cho.
Dân nghe Tể tướng phân phô:
“Ai còn ruộng đất bây giờ khai ra,
20 Thay tiền đong lúa về nhà."
Trăm dân hưởng ứng, dần dà đem giao.

Thế là trong một năm sau,
21 Đất đai toàn quốc đã vào tay vua.
22 Ruộng vườn sư sãi thì chừa,
Vì phần vua cấp để lo cúng thần.
23 Tể tướng phổ cáo trăm dân:
“Từ nay ruộng đất về phần Pha-rao.
Mỗi người phải góp công lao,
Đất vua chia lại, đồng bào tùy gia.
Súc vật, tiền bạc phát ra,
Kể cả lúa giống mỗi nhà phải siêng.
24 Hợp công dẫn thủy nhập điền,
Làm mùa, hoa lợi vương quyền định phân.
25 Nhà vua ăn một phần năm,
Bốn phần còn lại về phần nông gia.
Để lo con, vợ, cửa nhà,
Phục hồi sự nghiệp, quốc gia thạnh cường.
26 Kể ra cải cách canh nông,
Đã thành luật lệ phổ thông đến giờ.
Thi hành khắp đất Giếp-tô,
Bảo tồn vương nghiệp, ấm no dân cày.
27 Từ khi lập nghiệp ở đây,
Cháu con Gia-cước mỗi ngày thêm đông.
Trước nhờ Dư-tiệp lương nông,
Sau nhờ chủng tộc đồng lòng làm ăn.
Một vùng hoang địa Diên-san,
Mấy năm sau đó mùa màng xanh tươi.

28 Cha già gần đất xa trời,
Trăm bốn bảy tuổi bèn đòi các con.
Gọi Dư-tiệp đến bên giường,
29 Cho người căn dặn lo lường việc riêng.
Dư-tiệp đến gặp phụ hiền,
Cha già chỗi dậy nỗi niềm thốt ra:
Về đây mười bảy năm qua,
Nhờ con giúp đỡ cửa nhà anh em.
30 Khi cha về với tổ tiên,
Xin đừng mai táng tại miền Giếp đây.
31 Hãy thề chắc chắn việc *này*,
Thi hài cha được chôn ngay quê nhà.”
Dư-tiệp thề với cha già,
Chúng con thỏa mãn tang ma hẳn hòi.

Đoạn XLVIII

ẤM-LIÊM, MẠNH-ĐẠT ÔNG NỘI CHÚC LÀNH

1 Được tin cha đã yếu rồi,
Dư-tiệp đến viếng đồng thời hai con.
Ấm-liêm, Mạnh-đạt theo *chân*,
Để thăm ông nội nhờ ơn chúc lành.
2 Cha già gượng dậy nói rằng:
3 “Lư-gia thuở ấy, có lần hiện ra.
Thượng đế phán bảo với cha:
4 Sẽ cho miêu duệ tăng gia phú cường.
Trà-nam hãy chọn quê hương,
Trời ban đất ấy miên trường cho ta.
5 Hai thằng cháu nội của cha,
Sinh tại nước Giếp kể là tộc cha.
Cũng như Dư-đạc, Yết-kha,
6 Về sau em chúng kể là tộc con.
7 Xưa kia đang lúc giữa đường,
Mẹ con đã chết, cha chôn bên lề.

Bảo-liêm[a] trực chỉ nẻo về,
Nhắc con chớ khá quên quê hương nhà.
8 Con con, cháu nội của cha,
Hãy đưa nó đến gần ta chúc lành.
9 Ấm-liêm, Mạnh-đạt đứng gần,
10 Người rờ hai trẻ tay lần ôm hôn.
Khong khen Thượng đế ban ơn,
11 Gặp con, lại được gặp luôn cháu mình."
12 Dư-tiệp cảm động lặng thinh,
Cha con quì lạy thấm tình thiết tha.

*

13 Ấm-liêm bên trái cha già,
Mạnh-đạt bên hữu nõn nà cả hai.
14 Giăng ra Gia-cước tréo tay,
Ấm-liêm tay mặt thế này là anh.
15 Người cầu Thượng đế *Ra-ham*,
Là Chúa I-giác thành tâm kính thờ.
16 Giúp tôi từ bé đến giờ,
Chư thần hãy độ trẻ thơ *nhân* hiền.
Nối danh tôi với tổ tiên,
Chúng cầu Thượng đế bình yên một đời.
Giúp chúng lớn mạnh khắp nơi,
Giúp cho xứ sở giống nòi tăng gia.

---

[a] Bảo-liêm: Bethlehem. Mộ La-cương (Rachel) mẹ ruột Dư-tiệp (Joseph) chôn bên lề đường cái vào thành phố *này*.

17 Dư-tiệp bèn đổi tay cha,
18 Rằng đây em nó kia là thằng anh.
19 Cha già không chịu nói rằng:
Đứa này mới thật trở thành dân đông.
Là em nhưng nó lớn hơn,
20 Rồi người chúc phước cho dòng Âm-liêm.
Thế là người lập đứa em,
Ơn lành phước hậu đứng trên anh mình.
21 Nắm tay Dư-tiệp người nhìn:
Con ôi cha đến giờ sinh thì rồi.
Cầu Trời phù hộ đang thời,
Và sau đất tổ rạng ngời *thủy* chung.
22 Tặng con phần đất trổi hơn,
Anh em tất cả, là vùng ngày xưa,
Cha dùng tiền bạc để mua,
Cũng dùng cung kiếm tranh đua miền *này*.
Tiến lên đoạt lấy trong tay,
Hà-môn chủng tộc đến ngày diệt vong,

Đoạn XLIX
GIA-CƯỚC DỰ NGÔN ĐẾN CẦU QUA KIẾP

Rồi người tập hợp các con,
Đến nghe tiên báo nẻo đường vị lai.
[2] Bầy con Gia-cước nghe đây,
Yết-linh thân phụ trình bày dự ngôn.
[3] Lữ-bình anh cả các con,
Trổi về may mắn lại hơn uy quyền.
[4] Ví như dòng nước tràn lên,
Nhưng không phát triển, căn nguyên đau buồn.
Cả gan chà đạp gia phong,
Có danh vang dội mà không được gì!

*

[5] *Sĩ-mông*, Lễ-vị vô nghì,
Làm thì bạo ngược, sống thì mưu mô.
[6] Không theo đường lối thuở giờ,
Mà cha thành kính phụng thờ Chúa trên.
[7] Làm nhơ danh dự tổ tiên,
Gây thù chuốc oán, đảo điên cuộc đời.

Bị nhiều phân tán rã rời,
Các dân nguyền rủa, hưng thời chóng tan.

*

8 Về phần Dư-đạc nổi danh,
Anh em ái mộ, lời lành tán dương.
9 Kẻ thù khiếp phục, khôn đương,
Sức dường sư tử, mạnh dường kim ngưu.
Anh hùng cái thế, cửu như,
10 Muôn đời phủ việt phất cờ đại vương.
Đến khi một Đấng phi thường,
Về trong thiên hạ, bốn phương đợi chờ.
11 Tuyệt vời như một bài thơ,
Như đồng lúa chín vàng mơ khắp trời.
12 Dưỡng nuôi, tế độ loài người,
Là nguồn ơn phước đời đời kính tin.

*

l3 Da-buông mạch máu hồi sinh,
Con thuyền hàng hải hành trình đó đây.
Dựng đời với cánh tay gầy,
Bạc vàng chất lại, đông tây hãi hùng.
14 Yết-kha nằm nghỉ giữa đồng,
l5 Đợi mùa ngũ cốc lên bông tràn trề.
Kiên tâm chuyên chở nặng nề,
Nuôi đời no ấm không hề buồn vui.

*

16 Cơ-đằng luật lệ cho đời,
Khẩu xà tâm phật cắn người hiểm nguy.

[17]Rườm rà ngôn ngữ, văn thi,
Biết đem lý luận đỡ khi lạc đường.
[18] Nguyện Trời gặp lúc tang thương,
Vững vàng tin tưởng, tai ương đỡ đần.
[19] Về phần Cát-đại vững vàng,
Có ma khuấy động, có thần hộ thân.
[20] Ái-xang bánh trái thơm lành,
Cho hàng vương giả, thứ dân thích dùng.
[21] Niếp-tăng bầy lộc thung dung,
Khá đem miệng lưỡi bông lông cợt đời.

*

[22] Về phần Dư-tiệp, con ơi!
Hào hoa phong nhã [23] khiến người ghét ghen.
[24] Bao vây ném đá, bắn tên,
Nhờ Trời độ mạng bằng yên sinh tồn.
[25] Trời cao sa xuống muôn ơn,
Biển sâu *dâng* hiến bao nguồn giàu sang.
[26] Anh em nhờ đó vững an,
Đau thương cũng dứt, cơ hàn cũng no.

*

[27] Biền-mân đen tối ý đồ,
Mộc-lang gây hấn cõi bờ bốn bên.
Sinh cư thường cậy cung tên,
Đi xa đạo nghĩa, bỏ quên cấy cày.

*

[28] Bầy con tất cả mười hai,
Được cha tiết lộ tương lai mỗi người.

29 Sau cùng trối lại vài lời:
“Khi cha nhắm mắt táng nơi quê nhà.
30 Đất *này* tổ phụ chúng ta,
Tậu làm mộ địa đã ba bốn đời.
31 *Ra-ham* yên giấc đây rồi,
Sa-ra, I-giác đồng thời nghỉ an.
Lan-bạch rồi tới Lệ-anh,
Mà cha cũng đã lập tang sau *này* ..."
32 Ngập ngừng rán nói tới đây,
Rồi nằm thiêm thiếp... xuôi tay một đời.

Đoạn L

ĐỘNG QUAN GIA-CƯỚC
DƯ-TIỆP QUA ĐỜI

[1] Thấy cha già đã tắt hơi,
Dư-tiệp vuốt mắt, hôn nơi mặt người.
Các con than khóc sụt sùi,
Phát tang con cháu khắp nơi trong vùng.
[2] Dư-tiệp truyền các chuyên môn,
Hợp nhau ướp xác, thuốc xông thi hài.
[3] Ướp xông đủ bốn mươi ngày,
Rồi thì tẩn liệm quan tài mộc hương.
Giếp-tô, dân được tin buồn.
Dành hơn hai tháng khóc thương người hiền.
[4] Dư-tiệp tâu dưới bệ tiền,
Hạ thần thân phụ qui thiên trối rằng:
[5] Hãy đưa về đất Trà-nam,
Cho người an nghỉ nằm gần tổ tiên
Mong ơn hoàng thượng đặc quyền,
Cho thần lo lắng việc riêng của mình.
Khi xong trở lại đế kinh
Hết lòng phục vụ triều đình như xưa.”

[6] Bấy giờ được *lệnh* nhà vua,
Dư-tiệp định lễ [7]tống đưa cha già.
Giếp dân góp mặt tham gia,
Có đoàn trưởng lão triều ca dự tùng.
[8] Họ hàng, thân tộc theo cùng,
Diên-san vắng bóng, chỉ còn trẻ con.
[9] Có quân hộ tống lên đường,
Đám tang long trọng, địa phương chưa từng.
[10] Tang đoàn sau đó qua sông,
Đến nơi mộ địa tế vong bảy ngày.
[11] Người dân bản xứ đó đây,
Tới coi đông đảo, ma chay[a] khác thường.
[12] Anh em hoàn tất mọi đường,
Như lời cha trối [13]hết lòng hiếu thân.
[14] Cùng nhau về đất Diên-san,
Dư-tiệp trở lại việc quan triều đình.

*

[15] Anh em lo ngại phận mình,
Cha già đã mất, đệ huynh cũng mờ.
Dư-tiệp sẽ nhắc tội xưa,
Đem ra rửa hận, nguy to phen *này*.
[16] Anh em bèn đến trình bày,
Xin tha việc ác những ngày còn thơ.

---

[a] Ma chay: Người xưa mượn danh từ *này* để chỉ việc cúng tế linh đình theo phong tục người Việt đối với kẻ chết. Thật ra đám táng của Gia-cước (Jacob) có thể theo tang lễ long trọng của dân Ai-cập xưa.

[17]Nghĩ cha già mới xuống mồ,
Anh em chém giết, Giếp-tô xầm xì.
Lạy quan hỉ xả, quên đi,
Chúng tôi nô lệ đền nghì ơn tha.
Mấy lời Dư-tiệp nghe qua,
Người liền kêu trách, lệ òa chứa chan.
[18]Anh em lập tức vầy quanh,
Sấp mình xuống lạy, xin làm tôi quan.
[19] Dư-tiệp liền đỡ các anh:
Đừng làm như vậy, đã đành khó coi.
[20] Lẽ nào em cãi ý Trời,
Thiên hành như thử[a], người đời phải theo.
[21] Các anh chớ sợ hiểm nghèo,
Phần em cấp dưỡng mọi điều luôn luôn.
“Ngược xuôi trên biển âm dương[b],
Kẻ đi người tới theo đường tử sinh.
Dư-tiệp sống cảnh thanh bình,
Nam kha một giấc thấy mình già nua.
Trăm mốt tuổi thọ có thừa,
Được nhiều cháu chắt nô đùa bên chân.
[23] Một hôm mời hết mấy anh,
Dư-tiệp nhắc lại ơn lành Trời ban.
Kể từ tổ phụ *Ra-ham*,
Đến đời I-giác và thân phụ mình[a]

---

[a] Trời làm như vậy, người cãi được nào, thiên số nan đào, phải tri thiên mạng, đừng đem lòng oán, mà phải khổ thân...(Bài vè cổ)

[b] Cõi đời *này*. Cuộc sống trần gian.

Hứa cho vùng đất cư sinh,
Trà-nam muôn thuở trở thành cố hương.
Dầu nay xa cách đôi đường,
Ngày sau Trời sẽ ban ơn trở về[b].
24 Các anh hãy giữ lời thề,
Khi em nhắm mắt, nhớ di hài *này*,
Khi nào Trời dạy bỏ đây[c],
Đem về đất tổ, ngày rày biết ân.

*

Đời người trong kiếp trăm năm,
Làm sao sánh được thời gian của Trời.
25 Dư-tiệp sau đó qua đời,
Một trăm mười tuổi, theo lời trối trăng.
Cháu con ướp xác tạm quàn,
Chờ ngày Thượng đế gọi dân trở về.

*

---

a Nhắc lại lời Thiên Chúa đã hứa từ đời Abraham, đời Isaac và đến đời Jacob nhiều lần.

b Việc trở về *này* đã ghi trong Kinh thánh, quyển *Exodus,* ngày xưa khi soạn *Sấm Truyền Ca,* thầy cả Lữ-y Đoan gọi là *Lập Quốc Kinh* (*Sấm Truyền Ca,* quyển II).

c Đọc lại đoạn 46 câu số 4 (St 45,4), Thiên Chúa dạy Gia-cước (Jacob) di tản qua E-giếp-tô (Ai-cập) và đã hứa sẽ đem trở lại. Đọc lại đoạn XV câu 13-14 (St 15,13-14) Thiên Chúa cho Bá-lâm (Abraham) thấy trước con cháu ông sẽ di tản ra ngoại quốc và hứa sẽ đem trở về.

LỜI KẾT

Tích xưa cho thấy vấn đề:
Sự đời, sự đạo đi kề bên nhau,
Đời thì danh lợi xôn xao,
Đạo thì trầmn lặng để cầu ý ngay.
Thế gian phải có một ngày,
Hầu coi thắng lợi về tay ông Trời[a].

Lữ Y Đoan

[a] Người xưa nhìn vào Kinh thánh, theo quan niệm mưu sự tại nhân và thành sự tại thiên, nên đã hạ bút kết luận quyển Tạo đoan kinh (Genesia) một câu như thế.

PHỤ LỤC

MỘT SỐ TỪ ĐÃ CẬP NHẬT

Trong bản văn, những từ in nghiêng là đã được cập nhật theo cách phát âm chung ngày nay. Độc giả có thể dựa theo dưới đây để tìm lại cách phát âm xưa ở Nam bộ. Riêng những từ đánh dấu * là theo phát âm riêng của một số vùng ở phía Bắc (9/35 từ).

Bậc → Bực: 511, 969, 1151, 2581

Bảy → Bẩy*: 325, 1358, 1701, 1718, 1887, 2688, 2690, 2692, 2695, 2697, 2699, 2731, 2737, 2738, 2739

Bệnh → Bịnh: 144

Bôi → Bâu: 1978

Chảy → Chẩy*: 330, 744

Chân → Chơn: 138, 164, 803, 823, 915, 1309, 1314, 1447, 1522, 1708, 1721, 1802, 1888, 1898, 2060, 2102, 2118, 2152, 2877, 3393

Chân → Chưn: 1121

Cộng → Cọng: 2023, 3245

Đàn → Đờn: 1740, 2192, 2212, 2528, 2538

Dâng → Dưng: 69, 333, 648, 654, 707, 796, 1122, 1750, 2654, 2749, 3022, 3182, 3204, 3502

Dắt → Dắc: 2024, 2879, 2940, 2970, 2985, 3095, 3215

Dãy → Dẫy*: 452, 1858

Dù → Dầu: 1607

Đình → Đàng: 2315, 2566, 2720, 2769

Đường ➔ Đàng: 551, 635, 828, 1422, 1876, 1893, 1981, 2060, 2105, 2245, 2283

Giật ➔ Giựt: 612, 935

Giàu ➔ Giầu*: 50, 537, 661, 1834, 2194, 2195

Loay hoay ➔ Lay quay: 1120

Lệnh ➔ Lịnh: 27, 90, 142, 153, 302, 351, 374, 528, 558, 561, 793, 844, 848, 952, 980, 1446, 2632, 2679, 2719, 2753, 2820, 2874, 2882, 2889, 2904, 2907, 2909, 3289, 3317, 3336, 3539

Màu ➔ Mầu*: 476

Mừng ➔ Mầng: 2796, 3038, 3259

Này ➔ Nầy: 171, 180, 213, 344, 386, 538, 679, 682, 692, 743, 784, 800, 818, 824, 870, 976, 998, 1002, 1044, 1048, 1081, 1148, 1190, 1230, 1412, 1416, 1521, 1596, 1620, 1634, 1640, 1712, 1814, 1914, 1932, 1958, 1964, 2048, 2087, 2092, 2095, 2186, 2207, 2224, 2315, 2427, 2437, 2440, 2486, 2496, 2594, 2614, 2620, 2670, 2736, 2746, 2828, 2952, 2962, 2988, 3082, 3088, 3103, 3133, 3168, 3170, 3235, 3386, 3444, 3513, 3518, 3558, 3590

Nghĩa ➔ Ngỡi: 857

Nhảy ➔ Nhẩy*: 2205

Nhân ➔ Nhơn: 410, 463, 851, 857, 1146, 1162, 1178, 1375, 1887, 1900, 1989, 1997, 2331, 2358, 2627, 2630, 2683, 2782, 3137, 3424

Nhật ➔ Nhựt: 35,1489, 2381

Nhất ➔ Nhứt: 257, 487, 754, 828, 1333, 1792, 1837, 2072, 2368, 2834, 2947, 3043

Phù ➔ Vùa: 1439

Quyền ➔ Quờn: 55, 816, 1068, 1967, 2558, 2767, 3100, 3142

Rằng ➔ Chưng: 1190

Tàu ➔ Tầu*: 328, 332

Thái ➔ Thới: 1498, 1520

Thụ ➔ Thọ: 077, 325, 721, 2242

Thủy ➔ Thỉ: 203, 416, 753, 1628, 3440

Vâng ➔ Vưng: 405, 528, 685, 1872

Xảy ➔ Xẩy*: 3062

GHI CHÚ VỀ TÊN NGƯỜI VÀ TÊN ĐẤT

Theo các dẫn nhập trong ấn bản Canada 2000 (xem file PDF trên trang Giáo phận Qui Nhơn và tapsanmucdong.net), tác phẩm *Sấm Truyền Ca* do cha Lữ Y Đoan viết bằng chữ Nôm năm 1670 đã được ông Phan Văn Cận phiên âm sang chữ quốc ngữ năm 1820. Từ những năm 1860, nhờ có các nhà in, sách vở bằng chữ quốc ngữ đã được phổ biến khá rộng, trong đó các tên riêng về người và về đất trong Kinh thánh đều được viết phỏng theo cách viết trong tiếng Latinh. Năm 1885, khi cha Phao-lồ Qui có sáng kiến đánh số đoạn và số câu bộ *Sấm Truyền Ca* tương ứng với bản văn Kinh thánh, ngài cũng muốn cập nhật hóa các tên người và tên đất trong đó cho gần với cách viết Latinh. Tuy nhiên, hình như việc này không xong nổi. Đối chiếu danh sách các tên riêng trong Tạo Đoan Kinh theo các cột dưới đây, có lẽ chỉ có 30 trường hợp đã được cập nhật (in nghiêng đậm trong cột 1). Trong ấn bản Canada 2000, chủ yếu lấy theo bản chép tay của Paulus Tạo, có mấy tên riêng thiếu sự thống nhất từ đầu tới cuối tác phẩm: A-đam/A-dong, Áp-ram/Ấp-lâm, Ra-ham/Bá-lâm, Lót/Lộc/Lộc công, Trà-liên/Trà-lê và Sĩ-mông/Sử mông. Trong ấn bản này, để độc giả khỏi lúng túng, chúng tôi chọn viết thống nhất: Ap-ram, Ra-ham, Lộc/Lộc-công, Trà-liên và Sĩ-mông. Còn A-

dong và A-đam cả hai từ đều thông dụng, chúng tôi để nguyên.

Trong bảng đối chiếu dưới đây, tại cột 6, sẽ ghi số thứ tự của câu thơ có tên riêng liên quan; những chữ số có kèm dấu * có nghĩa là tại câu này có chú thích về tên riêng ấy.

NƯỚC MẶN 2020	CANADA 2000 (Paulus Tạo)	LATIN / PHÁP	PHAN VĂN CẬN	PHAO-LỒ QUI	QUI/CẬN
1	2	3	4	5	6
A-bên	A-bên	Abel	An-biên	*A-bên*	164*
A-đam	A-đam/ A-dong[a]	Adamus	A-dong/ A-dang/ A-dương	*A-đam*	005*, 096*
A-ga	A-ga	Hagar	Á-dạ	*A-ga*	716*
Ái-xang	Ái-xang	Aser	Ái-xang		1756*
A-ma-lộc	A-ma-lộc	Amalécites	A-ma-lộc		623*
Am-môn	Am-môn	Ammon	Hoành-môn	*Am-môn*	942*, 945*
Am-nha	Am-nha	Armenia	Am-nha		355*
A-muôn	A-muôn	Amorrhés	A-muôn		701*
An-buông	An-buông	Arbée	An-buông		1144*, 2306*
Án-giao	Án-giao	Esau	Án-giao		1381*
Án-xuyên	Án-xuyên	Assyrios	Án-xuyên		084*

[a] A-đam: 005, 224; A-dong: 095,

Áp-ram	Áp-ram/Ấp-lâm[a]	Abram	Ấp-lâm	*Áp-ram*	511*, 517*
A-phác	A-phác	Arpakshad	A-phác		494*
A-ram	A-ram	Araméen	A-ram	Araméen	1142*
Ấm-liêm	Ấm-liêm	Ephraim	Ấm-liêm	Ephraim	3393
Ba-bên	Ba-bên	Babel	Bá-biện	*Ba-bên*	489*
Babilon	Babilon	Babilon	Ba-tỷ-luân		445*
Bá-lạc-đình	Bá-lạc-đình	Palestine	Bá-lạc-đình		1089*
Bảo-liêm	Bảo-liêm	Bethléhem	Bảo-liêm		2284*, 3407*
Ba-rách	Ba-rách	Barad	Ba-lạc	*Ba-rách*	744*
Bằng-phan	Bằng-phan	Putiphar	Bằng-phan		2454*, 2577*
Biếc-sâm	Biếc-sâm	Bersabée	Biếc-sâm		1082*, 1453*
Biền-mân	Biền-mân	Benjamin	Biền-mân		2282*
Bồ-tuân	Bồ-tuân	Bathuel	Bồ-tuân		1139*
Bửu-tiên	Bửu-tiên	Béthel	Bửu-tiên		542*, 1638*
Ca-đê	Ca-đê	Cades	Cao-đê	*Ca-đê*	744*
Ca-in	Ca-in	Cain	Khả-ân	*Ca-in*	160*
Cai-nan	Cai-nan	Kénan	Cai-nan		235*
Cam	Cam	Cham	Cân-pha	*Cam*	263*, 415*
Cát-đại	Cát-đại	Gad	Cát-đại		1753*
Cơ-đằng	Cơ-đằng	Dan (người)	Cơ-đằng		1745*

[a] Ấp-lâm: 551 (St 11,26); Áp-ram (St 11,31-35,12)

Cự-sơn	Cự-sơn	Cousch	Cự-sơn		083*
Da-buông	Da-buông	Zabulon	Da-buông		1773*
Dêu	Dêu	Deus	?		2254*
Di-an	Di-an	Seir	Di-an		1990*
Diên-la	Diên la	Gerare	Diên la		948*, 1410*
Diên-phan	Diên-phan	Zelpha	Diên-phan		1708*, 1750*
Diên-san	Diên-san	Gessen	Diên-san		3149*
Di-khang	Di-khang	Géhon	Di-khang		083*
Di-yên	Di-yên	Seir	Di-yên		2107*
Dự-bàng	Dự-bàng	Jubal	Dự-bàng		203*
Dực-bảo	Dực-bảo	Jesboc	Dực-bảo		1330
Dư-đạc	Dư-đạc	Judas	Dư-đạc		2295
Dư-tiệp	Dư-tiệp	Joseph	Dư-tiệp		1780*, 2359*
Đá-bạc	Đá-bạc	Jaboc	Đá-bạc		2035*
Đan-thành	Đan-thành	Dan (dất)	Đan-thành		635*
Đỗ-công	Đỗ-công	Edom	Đỗ-công		1406*
E-và	E-và	Heve,Eva	?	*E-và*	148*
Ê-đen	Ê-đen	Eden	Yên-đan	*Ê-đen*	086*
Ê-giếp	Ê-giếp	AEgyptus (Ai-cập)	Ê-giếp		710
Ê-nóc	Ê-nóc	Enoch	I-mẫn	*Ê-nóc*	196*
Gò-mô	Gò-mô	Gomorrhes	Gò-mô		628*, 911*
Gia-bên	Gia-bên	Jabal	Gia-bên		202*
Gia-cước	Gia-cước	Jacob	Da-cước		1383*

Gia-liệt	Gia-liệt	Jared	Gia-liệt		242*
Giang-lân	Giang-lân	Zamiran	Giang-lân		1329
Giao-lập	Giao-lập	Galaad	Giao-lập		1958*
Gia-phết	Gia-phết	Japhet	Gia-phồn		264*
Giếp	Giếp	AEgyptus	Giếp		
Giếp-địa	Giếp-địa	AEgyptus	Giếp-địa		
Giếp-tô	Giếp-tô	AEgyptus	Giếp-tô		551*
Giu-dêu	Giu-dêu	Judei	?	*Giu-dêu*	2062
Giu-đong	Giu-đong	Jordan	Dự-giang	*Giu-đong*	595*
Hạc-châu	Hạc-châu	Heth	Hạc-châu		1583
Hải-thành	Hải-thành	Hai	Hải-thành		542*
Hà-lâm	Hà-lâm	Haran	Hà-lâm		516*, 1612*, 1656*
Hà-môn	Hà-môn	Hémor	Hà-môn		2119*
Hàn-long	Hàn-long	Héro	Hàn-long		2465*
Hào-lương	Hào-lương	Hévilath	Hào-lương		081*
Hi-bân	Hi-bân	Heber	Hiển-bằng		499*
Hiệp-long	Hiệp-long	Ephron	Hiệp-long		1348
Hiếu-liêm	Hiếu-liêm	Hirman	Hiếu-liêm		2459
Hồ-năng	Hồ-năng	Onan	Hồ-năng		2466*
Hữu-phong	Hữu-phong	Hébron	Hữu-phong		2307*
Hy-bá	Hy-bá	Hebreux	Hy-bá		2614*
Hy-lộc	Hy-lộc	Hénoch	Hy-lộc		245*

Ích-manh	Ích-manh	Ismael	Ức Miên	*Ích-manh*	738*
I-giác	I-giác	Isaac	I-giác		780
Kê-ru-bim	Kê-ru-bim	Chérubim	Cơ Biên	*Kê-ru-bim*	155
Lã-bàng	Lã-bàng	Laban	Lã-bàng		1281
La-cương	La-cương	Rachel	La-cương		1663*
La-mạch	La-mạch	Lamech	La-mạch	*La-mạch*	255*
Lan-bạch	Lan-bạch	Rebecca	Lan-bạch		1140*
Lệ-anh	Lệ-anh	Léa	Lệ-anh		1690*
Lễ-ưng	Lễ-ưng	Reu	Lễ-ưng		503*
Lễ-vị	Lễ-vị	Lévi	Lễ-vị		1733*
Lộc, Lộc-công	Lót/Lộc, Lộc-công[a]	Loth	Lộc, Lộc-công		517*, 574, 887*, 871*
Lữ-bình	Lữ-bình	Ruben	Lữ-bình		1732*
Lư-gia	Lư-gia	Luza	Lư-gia		1638*
Mạc-đằng	Mạc-đằng	Madan	Mạc-đằng		1329
Mạc-linh	Mạc-linh	Mambré	Mạc-linh		608*
Mạch-liên	Mạch-liên	Mahaléel	Mạch-liên		239*
Mạch-tam	Mạch-tam	Mésopotamia	Mạch-tam		1200*, 1599*
Mã-điền	Mã-điền	Madian	Mã-điền		1330
Mai-lệ	Mai-lệ	Maheleth	Mai-lệ		1610*
Mã-liệt	Mã-liệt	Abimélech	Mã-liệt		949*
Mạnh-đạt	Mạnh-đạt	Manasse	Mạnh-đạt		3393
Mã-thư-san	Mã-thư-san	Mathusalem	Mã-thư-san		249*

[a] Lót: 7 (câu 574-640); Lộc (6)/Lộc công (14): (câu 866-946)

Minh-điệp	Minh-điệp	Melchisédech	Minh-điệp		645*
Mô-áp	Mô-áp	Moab	Mông-á	*Mô-áp*	940*
Na-khôi	Na-khôi	Nachor	Na-khôi		507*
Nã-khôi	Nã-khôi	Nakhor	Nã-khôi		1136*, 1969*
Nem-rốt	Nem-rốt	Nemrod	Niêm-lộc	*Nem-rốt*	441*
Niếp-tăng	Niếp-tăng	Nephtali	Niếp-tăng		1748*
Ninh-vi	Ninh-vi	Ninive	Ninh-vi		448*
No-e	No-e	Noe	Nhữ-yên	*No-e*	259*, 404*
Nương-mai	Nương-mai	Noema	Nương-mai		207*
Ơ-phách	Ơ-phách	Euphrate	Uông-phát	*Ơ-phách*	085*
Pha-lăng	Pha-lăng	Pharan	Pha-lăng		1057*
Phàn-cơ	Phàn-cơ	Phicol	Phàn-cơ		1059*
Phan-liệt	Phan-liệt	Phaleg	Phan-liệt		2554*
Phàn-nguyên	Phàn-nguyên	Phanuel	Phàn-nguyên		2056*
Pha-rao	Pha-rao	Pharaon	Phan-trào	*Pha-rao*	558*, 2557*
Phi-sơn	Phi-sơn	Phison	Phi-sơn		081*
Ra-ham	Bá-lâm/ Ra-ham[a]	Abraham	Bá-lâm	*Ra-ham*	754*
Sa-duật	Sa-duật	Sarug	Sa-duật		505*
Sa-liên	Sa-liên	Saleg	Sa-liên		497*
Sa-nương	Sa-nương	Aseneth	Sa-nương		2784*
Sa-ra	Sa-ra	Sara	Sa-lâm	*Sa-ra*	772*, 1174*, 1346*
Sa-rai	Sa-rai	Sharai	Sa-lan		529*, 3516
Sa-thư	Sa-thư	Cétura	Sa-thư		1328*

[a] Bá-lâm (3): 3209-3583; Raham (51)

Sem	Sem	Sem	Siêu-mặc	*Sem*	263*
Sét	Sét	Seth	Sĩ-thức	*Sét*	218*
Sĩ-kiêm	Sĩ-kiêm	Sichem	Sĩ-kiêm		535*
Sĩ-mông	Sĩ-mông/ Sử-mông[a]	Siméon	Sĩ-mông/ Sử-mông[b]		1732*
Sinh-việt	Sinh-việt	Silvestrem	Sinh-việt		616*
Sô-đông	Sô-đông	Sodoma	Sô-đông		596*, 628*
Sơ-cuộc	Sơ-cuộc	Socoth	Sơ-cuộc		
Sư-la	Sư-la	Sela	Sư-la		2468*
Tích-giang	Tích-giang	Tigris	Tích-giang		084*
Từ-canh	Từ-canh	Tubalcain	Từ-canh		205*
Thanh-lê	Thanh-lê	Tharé	Thanh-lê		509*
Thanh-mai	Thanh-mai	Thamar	Thanh-mai		2472*
Thậm-đa	Thậm-đa	Abundantia	Thậm-đa		1482*
Thiên-san	Thiên-san	Moriah	Thiên-san		1094*
Thùy-nga	Thùy-nga	Dina	Thùy-nga		1776*
Trà-liên	Trà-liên	Bila	Trà-liên/ Trà-lê [c]		1721*
Trà-nam	Trà-nam	Chanaan	Trà-nam	Trà-nam	760*, 1591*
U-thành	U-thành	Ur	U-thành	U-thành	514*
Việt-sở	Việt-sở	Jacsan	Việt-sở	Việt-sở	1329
Xuân-anh	Xuân-anh	Sue	Xuân-anh	Xuân-anh	2462*
Xuân-ân	Xuân-ân	Dué	Xuân-ân	Xuân-ân	1330
Xuyên-địa	Xuyên-địa/ Su-rê: 729	Sur	Xuyên-địa	Xuyên-địa	948*

[a] Sĩ-mông/Sử-mông 2294

[b] Sĩ-mông/Sử-mông 2294

[c] Trà-lê: 2299

Yết-kha	Yết-kha	Issachar	Yết-kha	Yết-kha	1771*
Yết-linh	Yết-linh	Israel	Yết-linh	Yết-linh	2048*, 2125*, 2264*
Ý-nữu	Ý-nữu	Enosh	Ý-nữu	Ý-nữu	220*, 232*